

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

----- \*\*\* -----

**VŨ THANH HẰNG**

**GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN  
TẬP TRUNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

*Tp. Hồ Chí Minh, tháng 03 - 2007*

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TẠI VIỆT NAM</b> .....	3
1.1. Các khái niệm: .....	3
1.2. Thị trường chứng khoán: .....	4
1.2.1. Nguyên tắc cơ bản về hoạt động của thị trường chứng khoán.....	5
1.2.2 Vị trí của thị trường chứng khoán trong thị trường tài chính .....	6
1.2.3. Cấu trúc cơ bản của thị trường chứng khoán .....	6
1.2.4. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán .....	6
1.2.5. Thị trường chứng khoán tập trung và phi tập trung .....	7
1.3. Sở giao dịch chứng khoán.....	8
1.3.1. Khái niệm.....	8
1.3.2. Hình thức sở hữu của Sở giao dịch chứng khoán: .....	8
1.3.3. Thành viên của Sở giao dịch chứng khoán .....	10
1.3.4. Cơ chế hoạt động của sở giao dịch chứng khoán.....	11
1.4. Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước: .....	11
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TP.HCM</b> .....	13
2.1. Tổng quan nền kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay: .....	13
2.1.1. Kinh tế.....	13
2.1.2. Xã hội/chính trị .....	14
2.2. Thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và TP.HCM nói riêng: .....	14
2.2.1. Tổng quan thị trường chứng khoán Việt Nam: .....	14
2.2.2. Thị trường chứng khoán tập trung TP.HCM: .....	22
2.3. Tác động của tình hình mới đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán TP.HCM.....	31
2.3.1. Bối cảnh: .....	31
2.3.2. Tác động: .....	33
2.4. Các thành tựu đạt được: .....	35
2.4.1. Các công ty niêm yết gia tăng nhanh chóng cả về lượng và chất .....	35
2.4.2. Giá trị vốn hóa thị trường tăng với tốc độ nhanh, bước đầu thể hiện vai trò là kênh huy động vốn cho nền kinh tế:.....	42
2.4.3. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh .....	46
2.4.4. Công tác quản lý, giám sát, công bố thông tin của cơ quan chức năng có phần khởi sắc, góp phần vào việc xây dựng thị trường chứng khoán phát triển trong sạch, vững chắc: .....	49

2.5. Những hạn chế và nguyên nhân:.....	50
2.5.1. Thị trường chứng khoán phát triển nhanh chóng nhưng chưa ổn định.....	50
2.5.2. Chất lượng các doanh nghiệp niêm yết còn chênh lệch lớn .....	51
2.5.3. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật kém: .....	53
2.5.4. Công tác quản lý, giám sát thị trường còn lỏng lẻo:.....	54
2.6. Kinh nghiệm của các thị trường chứng khoán trên thế giới.....	55
2.6.1. Mỹ.....	55
2.6.2. Singapore .....	56
2.6.4. Hồng Kông.....	57
2.6.5. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.....	60
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CHỨNG</b>	
<b>KHOÁN TẬP TRUNG TẠI TP.HCM</b> .....	62
3.1. Các giải pháp phát triển hệ thống: .....	62
3.1.2. <i>Hệ thống niêm yết</i> .....	63
3.1.3. <i>Hệ thống công nghệ - thông tin:</i> .....	67
3.1.3.1. Về phía cơ quan quản lý Nhà nước: .....	67
3.1.3.2. Về phía các doanh nghiệp niêm yết: .....	69
3.1.4. <i>Hệ thống giao dịch:</i> .....	70
3.1.5. <i>Hệ thống giám sát:</i> .....	71
3.2. Các giải pháp tạo môi trường phát triển .....	72
3.2.1. <i>Cơ chế tài chính và chính sách thuế</i> .....	72
3.2.2. <i>Đào tạo nhân lực:</i> .....	75
3.2.3. <i>Các giải pháp khác:</i> .....	76
3.3. Các giải pháp cải thiện hệ thống pháp lý .....	77
<b>KẾT LUẬN</b> .....	79
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	80

## MỞ ĐẦU

### ***Tính cần thiết của đề tài:***

Khai sinh từ năm 2000, đến nay sau 7 năm hoạt động thị trường chứng khoán Việt Nam đã phát huy được vai trò quan trọng của mình trong thị trường tài chính nói riêng và nền kinh tế nói chung. Thị trường vốn trung và dài hạn hình thành đã gánh bớt áp lực đè nặng lên các ngân hàng thương mại do trước kia nguồn vốn cho doanh nghiệp chủ yếu dựa vào hệ thống ngân hàng. Tuy chỉ mới hoạt động trong một thời gian ngắn nhưng thị trường chứng khoán đã dần thể hiện được vai trò là kênh huy động vốn quan trọng cho nền kinh tế.

Ngày 20/07/2000 Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh chính thức hoạt động, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Đến ngày 11/05/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 599/QĐ-TTg về việc chuyển Trung tâm Giao dịch chứng khoán TPHCM thành Sở Giao dịch chứng khoán (tên giao dịch quốc tế: Hochiminh Stock Exchange, viết tắt : HOSE ) và đến ngày 08/08/2007 Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM đã chính thức được chuyển đổi thành Sở Giao Dịch chứng khoán, hoạt động dưới mô hình công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu nhà nước. Việc chuyển đổi này là một bước phát triển tất yếu của thị trường chứng khoán, là thông lệ đối với hầu hết các thị trường chứng khoán trên thế giới.

Thị trường chứng khoán Việt Nam chỉ mới hoạt động trong 7 năm và vẫn là thị trường non trẻ so với các thị trường trong khu vực và thế giới do đó vẫn còn phải học hỏi và hoàn thiện dần. Trong xu thế phát triển và hội nhập đó, các giải pháp đặt ra để đẩy mạnh sự phát triển của thị trường chứng khoán được xem là rất quan trọng, đặc biệt là trong giai đoạn chuyển đổi hiện nay.

Trong xu thế đó, em xin chọn đề tài “Giải pháp đẩy mạnh thị trường chứng khoán tập trung Thành phố Hồ Chí Minh”. Nội dung chủ yếu là thực trạng hoạt động của thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh sự phát triển của thị trường.

### ***Mục đích nghiên cứu:***

Luận văn này được thực hiện với mục đích đánh giá thực trạng hiện tại của thị trường giao dịch tập trung tại TP.HCM, đồng thời đề xuất các giải pháp đẩy mạnh sự phát triển của thị trường.

***Phạm vi nghiên cứu:***

Đề tài được giới hạn trong thị trường cổ phiếu niêm yết tại sàn giao dịch tập trung Thành phố Hồ Chí Minh.

***Sản phẩm của đề tài, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng kết quả:***

Về mặt khoa học: giúp hiểu rõ hơn thực trạng hiện tại của thị trường chứng khoán tập trung Thành phố Hồ Chí Minh đặc biệt là trong giai đoạn chuyển đổi hiện nay.

Về mặt thực tiễn: đề xuất một số giải pháp góp phần đẩy mạnh sự hoàn thiện và phát triển của thị trường chứng khoán tập trung Thành phố Hồ Chí Minh.

***Phương pháp nghiên cứu:***

Luận văn được nghiên cứu dựa trên phương pháp thống kê, tổng hợp, quy nạp kết hợp với sử dụng bảng biểu, đồ thị để đánh giá thực trạng tình hình.

***Kết cấu của luận văn:***

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, luận văn được chia thành ba phần chính như sau:

Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán tại Việt Nam

Chương 2: Thực trạng thị trường chứng khoán TP.HCM

Chương 3: Một số giải pháp đẩy mạnh phát triển thị trường chứng khoán tập trung tại TP.HCM.

# CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TẠI VIỆT NAM

## 1.1. Các khái niệm:

- **Chứng khoán** là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phần vốn của tổ chức phát hành.
- **Cổ phiếu** là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
- **Cổ đông lớn** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.
- **Nhà đầu tư** là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán.
- **Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp** là ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận** là công ty kiểm toán độc lập thuộc danh mục các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định.
- **Bản cáo bạch** là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành.
- **Niêm yết chứng khoán** là việc đưa các chứng khoán có đủ điều kiện vào giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- **Thị trường giao dịch chứng khoán** là địa điểm hoặc hình thức trao đổi thông tin để tập hợp lệnh mua, bán và giao dịch chứng khoán.
- **Kinh doanh chứng khoán là việc thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư**

chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

- **Môi giới chứng khoán** là việc công ty chứng khoán làm trung gian thực hiện mua, bán chứng khoán cho khách hàng.
- **Lưu ký chứng khoán** là việc nhận ký gửi, bảo quản, chuyển giao chứng khoán cho khách hàng, giúp khách hàng thực hiện các quyền liên quan đến sở hữu chứng khoán.
- **Quỹ đầu tư chứng khoán** là quỹ hình thành từ vốn góp của nhà đầu tư với mục đích kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản, trong đó nhà đầu tư không có quyền kiểm soát hàng ngày đối với việc ra quyết định đầu tư của quỹ.

## **1.2. Thị trường chứng khoán:**

Thị trường tài chính: là tổng hòa các mối quan hệ cung cầu về vốn, diễn ra dưới hình thức vay mượn, mua bán về vốn, tiền tệ và các chứng từ có giá nhằm chuyển dịch từ nơi cung cấp đến nơi có nhu cầu về vốn cho các hoạt động kinh tế. Như vậy, thị trường tài chính là nơi diễn ra sự luân chuyển vốn từ những người có vốn nhàn rỗi tới những người thiếu vốn. Thị trường tài chính cũng có thể được định nghĩa là nơi mua bán, trao đổi các công cụ tài chính.

Thị trường tài chính bao gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn. Thị trường tài chính là nơi mà các công cụ nợ ngắn hạn được mua bán với số lượng lớn. Thị trường vốn là nơi mà những công cụ vốn, công cụ nợ trung và dài hạn do các tổ chức Nhà nước và các công ty phát hành được trao đổi, mua bán, chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Thị trường vốn bao gồm thị trường tín dụng trung và dài hạn thông qua ngân hàng và thị trường chứng khoán. *Như vậy thị trường chứng khoán là một bộ phận cấu thành của thị trường tài chính, mà tại đó diễn ra việc mua bán các công cụ tài chính trung và dài hạn.*

## **1.2.1. Nguyên tắc cơ bản về hoạt động của thị trường chứng khoán**

### *1.2.1.1. Nguyên tắc trung gian*

Thị trường chứng khoán không phải trực tiếp giữa người mua và người bán thực hiện mà do những người trung gian thực hiện.

Nguyên tắc này đảm bảo tính lành mạnh cho hoạt động của thị trường chứng khoán và bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

### *1.2.1.2. Nguyên tắc đấu giá*

Ngày nay khi công nghệ thông tin, máy tính phát triển, đấu giá được thực hiện dưới ba hình thức cơ bản:

- Đấu giá trực tiếp: là hình thức đấu giá mà các nhà môi giới trực tiếp gặp nhau, thông qua một chuyên gia chứng khoán tại quầy giao dịch trên sàn giao dịch.

- Đấu giá gián tiếp: là hình thức đấu giá mà các nhà môi giới không trực tiếp gặp nhau. Các công ty chứng khoán sẽ công bố thường xuyên các mức giá và số lượng đặt mua, đặt bán của các loại chứng khoán. Các lệnh mua/bán được truyền đến các công ty chứng khoán thành viên qua hệ thống máy tính nối mạng để xác định giá và số lượng khớp.

Điển hình của hình thức đấu giá này là thị trường chứng khoán London.- Đấu giá tự động: là hình thức đấu giá qua hệ thống máy tính nối mạng giữa máy chủ của Sở/Trung tâm giao dịch với hệ thống máy của các CTCK thành viên. Sau khi các lệnh được truyền đến máy chủ, máy chủ sẽ tự xác định ra giá chốt và thông báo lại kết quả cho các công ty chứng khoán

### *1.2.1.3. Nguyên tắc công khai*

Tất cả các hoạt động trên thị trường chứng khoán đều được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.



### **1.2.2 Vị trí của thị trường chứng khoán trong thị trường tài chính**

Thị trường tài chính và thị trường vốn có mối quan hệ hữu cơ với nhau nên rất khó xác định được ranh giới giữa 2 loại thị trường này. Các biến đổi về giá cả, lãi suất trên thị trường tệ thường kéo theo các biến đổi trực tiếp trên thị trường vốn, cụ thể là thị trường chứng khoán. Ngược lại, những biến động trên thị trường chứng khoán cũng ảnh hưởng đến thị trường tiền tệ.

### **1.2.3. Cấu trúc cơ bản của thị trường chứng khoán**

- Thị trường sơ cấp (primary market): là nơi các chứng khoán được phát hành và phân phối lần đầu tiên cho các nhà đầu tư. Ở thị trường sơ cấp, chứng khoán vốn và chứng khoán nợ được mua bán theo mệnh giá của nhà phát hành.

Việc xây dựng một thị trường sơ cấp hoạt động hiệu quả với lượng hàng hóa đa dạng, hấp dẫn nhà đầu tư và công chúng có ý nghĩa quyết định cho việc hình thành và phát triển thị trường thứ cấp.

- Thị trường thứ cấp (secondary market): là thị trường giao dịch các công cụ tài chính sau khi chúng đã được phát hành trên thị trường sơ cấp. Việc mua bán chứng khoán trên thị trường này không làm thay đổi nguồn vốn của tổ chức phát hành mà chỉ chuyển vốn từ chủ thể này sang chủ thể khác. Ở thị trường thứ cấp, giá chứng khoán được xác định phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: quan hệ cung cầu trên thị trường, giá trị thực của doanh nghiệp, uy tín, xu thế phát triển của doanh nghiệp, các thông tin/tin đồn về hoạt động của doanh nghiệp, v.v...

### **1.2.4. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán**

Trong hoạt động của thị trường chứng khoán có nhiều chủ thể khác nhau tham gia, bao gồm:

- Các doanh nghiệp: tham gia thị trường với tư cách là người tạo ra hàng hóa ở thị trường sơ cấp và mua bán lại các chứng khoán ở thị trường thứ cấp.
- Các nhà đầu tư riêng lẻ: tham gia thị trường với tư cách là người mua bán chứng khoán. Đó là những người có tiền tiết kiệm và muốn đầu tư số tiền đó vào thị trường chứng khoán để hưởng lợi tức; họ cũng là người bán lại các chứng khoán của mình trên thị trường chứng khoán để rút vốn trước thời hạn hoặc thu chênh lệch giá.
- Các tổ chức tài chính (các quỹ, công ty bảo hiểm, ....): tham gia thị trường với tư cách vừa là người mua vừa là người bán nhằm tìm kiếm lợi nhuận qua các hình thức nhận lãi, cổ tức, giá thặng dư,...
- Nhà môi giới chứng khoán: là người trung gian thuần túy, hoạt động như các đại lý cho những người mua bán chứng khoán. Sự có mặt của nhà môi giới góp phần đảm bảo các loại chứng khoán được giao dịch trên thị trường là chứng khoán thực, giúp thị trường chứng khoán hoạt động lành mạnh, hợp pháp, phát triển và bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

### **1.2.5. Thị trường chứng khoán tập trung và phi tập trung**

#### *1.2.5.1. Thị trường tập trung*

Thị trường chứng khoán tập trung (Sở Giao Dịch Chứng Khoán) là một thị trường trong đó việc giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện tại một địa điểm tập trung gọi là sàn giao dịch (trading floor) hoặc thông qua hệ thống máy tính. Thị trường chứng khoán tập trung không tham gia vào việc mua bán chứng khoán mà chỉ là nơi giao dịch, tạo điều kiện cho các giao dịch được tiến hành thuận lợi, dễ dàng.

#### *1.2.5.2. Thị trường phi tập trung (thị trường OTC):*

Thị trường phi tập trung dành cho việc giao dịch chứng khoán của những công ty chưa niêm yết trên thị trường giao dịch tập trung.

## **1.3. Sở giao dịch chứng khoán**

### **1.3.1. Khái niệm**

Sở giao dịch chứng khoán là nơi mà việc giao dịch chứng khoán được thực hiện tại một địa điểm tập trung gọi là sàn giao dịch (trading floor) hoặc thông qua hệ thống máy tính. Các chứng khoán được niêm yết giao dịch tại Sở Giao Dịch chứng khoán thông thường là chứng khoán của các công ty lớn, có danh tiếng và đã trải qua thử thách trên thị trường và đáp ứng được các tiêu chuẩn niêm yết do Sở Giao Dịch chứng khoán đặt ra.

### **1.3.2. Hình thức sở hữu của Sở giao dịch chứng khoán:**

#### *1.3.2.1. Hình thức sở hữu thành viên:*

Sở giao dịch chứng khoán do các thành viên là các công ty chứng khoán sở hữu, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, có hội đồng quản trị do các công ty chứng khoán thành viên vừa là người tham gia giao dịch, vừa là người quản lý Sở giao dịch chứng khoán nên chi phí thấp và dễ ứng phó với tình hình thay đổi trên thị trường. Một số Sở giao dịch ở các nước như New York, Hàn Quốc, Tokyo, Thái Lan... được tổ chức theo hình thức sở hữu này.

#### *1.3.2.2. Hình thức công ty cổ phần:*

Sở giao dịch chứng khoán do các công ty chứng khoán thành viên, ngân hàng, công ty tài chính, bảo hiểm tham gia sở hữu với tư cách là cổ đông. Sở được tổ chức dưới hình thức này hoạt động theo luật công ty và chạy theo mục tiêu lợi nhuận. Một số Sở giao dịch ở các nước như Đức, Anh, Hồng Kông,... được tổ chức theo hình thức này.

### *1.3.2.3. Hình thức sở hữu Nhà nước:*

Do chính phủ hoặc một cơ quan của chính phủ đứng ra thành lập, quản lý và sở hữu một phần hay toàn bộ vốn của Sở giao dịch chứng khoán. Hình thức sở hữu này khác với hình thức công ty cổ phần ở chỗ không chạy theo mục tiêu lợi nhuận. Với mô hình này Nhà nước có thể can thiệp kịp thời để đảm bảo cho thị trường được hoạt động ổn định, lành mạnh. Tuy nhiên mô hình này cũng có nhược điểm ở chỗ thiếu tính độc lập, cứng nhắc, chi phí lớn và kém hiệu quả.

Hiện tại, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Đó là vì trong bối cảnh hiện nay, hoạt động của thị trường chứng khoán chưa thực sự đi vào nề nếp cần phải có sự can thiệp và quản lý của Nhà nước, ngăn ngừa sự xáo trộn, thiếu công bằng khi hình thức sở hữu thành viên chưa được bảo vệ bằng hệ thống pháp lý đầy đủ và rõ ràng (một ví dụ điển hình là của thị trường chứng khoán Hàn Quốc. Sở giao dịch chứng khoán được thành lập từ năm 1956 theo hình thức sở hữu thành viên nhưng đến năm 1963 phải đóng cửa 57 ngày do các thành viên sở hữu gây lộn xộn thị trường, sau đó Chính phủ phải nắm quyền sở hữu giai đoạn từ năm 1963 đến 1988 trước khi chuyển sang hình thức sở hữu thành viên và một phần sở hữu nhà nước).

HOSE có vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng. Sở sẽ là đơn vị hạch toán độc lập, tách khỏi Ủy ban chứng khoán Nhà nước, được tự chủ về tài chính, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước. Nguồn thu hiện nay của HOSE từ các tổ chức niêm yết, thành viên, phí giao dịch hàng ngày, tương đương với 20% giá trị phí môi giới, tiền bán bản tin Thị trường chứng khoán, phí dịch vụ tin học, tổ chức hội thảo, hội nghị...

### **1.3.3. Thành viên của Sở giao dịch chứng khoán**

Các thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán và được hưởng các quyền cũng như nghĩa vụ do Sở giao dịch chứng khoán quy định. Thành viên của Sở giao dịch chứng khoán là các công ty chứng khoán được UBCK cấp giấy phép hoạt động và được Sở giao dịch chứng khoán chấp nhận là thành viên.

Quyền của thành viên: Căn cứ vào loại hình thành viên thông thường hay đặc biệt mà các sở giao dịch chứng khoán quy định quyền hạn của từng thành viên. Thông thường các thành viên đều có quyền tham gia giao dịch và sử dụng các phương tiện giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán để thực hiện quá trình giao dịch. Tuy nhiên chỉ thành viên chính thức mới được gia biểu quyết và nhận các tài sản từ sở giao dịch chứng khoán khi tổ chức này giải thể. Đối với các sở giao dịch chứng khoán do nhà nước thành lập và sở hữu thì các thành viên đều có quyền như nhau và ý kiến đóng góp có giá trị tham khảo chứ không mang tính quyết định, vì các thành viên không góp vốn để xây dựng Sở giao dịch chứng khoán.

Nghĩa vụ của thành viên: thành viên của Sở giao dịch chứng khoán có các nghĩa vụ sau:

Nghĩa vụ báo cáo: bất kỳ một sự thay đổi nào về các thành viên đều phải thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán. Khi thực hiện các báo cáo định kỳ, Sở giao dịch chứng khoán có thể ngăn chặn các tình trạng có vấn đề của các thành viên trước khi các thành viên đó có khủng hoảng và bảo vệ quyền lợi cho công chúng đầu tư. Các báo cáo định kỳ do các thành viên thực hiện sẽ làm tăng tính công khai của việc quản lý thành viên.

Thanh toán các khoản phí: bao gồm phí thành viên gia nhập, phí thành viên hàng năm được tính toán khi tiến hành gia nhập và các khoản lệ phí giao dịch được tính dựa trên doanh số giao dịch của từng thành viên.

Ngoài ra các thành viên cũng có nghĩa vụ đóng góp vào các quỹ hỗ trợ thanh toán nhằm đảm bảo cho quá trình giao dịch được nhanh chóng và các khoản bảo hiểm cho hoạt động môi giới chứng khoán.

#### **1.3.4. Cơ chế hoạt động của sở giao dịch chứng khoán**

Thời gian giao dịch: ở các sở giao dịch chứng khoán thế giới giao dịch chứng khoán thường diễn ra vào các ngày làm việc trong tuần, và thời gian giao dịch thường có hai dạng: dạng 2 phiên giao dịch (phiên sáng và phiên chiều) và dạng một phiên (sáng hoặc chiều). Yếu tố quyết định thời gian giao dịch là quy mô của thị trường, đặc biệt là quy mô thanh khoản. Thời gian giao dịch ở Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM theo dạng một phiên vào buổi sáng các ngày làm việc trong tuần.

Loại giao dịch: giao dịch chứng khoán có thể được phân loại thành giao dịch thông thường, giao dịch giao ngay (thanh toán ngay trong ngày giao dịch) và giao dịch kỳ hạn (thanh toán vào một ngày cố định được xác định trước hoặc theo sự thỏa thuận giữa hai bên mua và bán, loại này hiện nay hầu như không còn được sử dụng) dựa trên chu kỳ thanh toán giao dịch. Chu kỳ thanh toán càng được rút ngắn thì rủi ro thanh toán càng giảm. Chu kỳ thanh toán giao dịch ở Việt Nam hiện nay là T+3

Nguyên tắc khớp lệnh: có 2 hình thức khớp lệnh thường được áp dụng là khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục. Nguyên tắc khớp lệnh chính yếu được tất cả các thị trường áp dụng là ưu tiên về giá. Ngoài ra một số nguyên tắc khớp lệnh thứ yếu được áp dụng theo sau gồm ưu tiên về thời gian, ưu tiên về khối lượng.

#### **1.4. Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước:**

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là cơ quan thuộc Bộ Tài chính, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; chấp thuận những thay đổi liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- b) Quản lý, giám sát hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các tổ chức phụ trợ; tạm đình chỉ hoạt động giao dịch, hoạt động lưu ký của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp có dấu hiệu ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- c) Thanh tra, giám sát, xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- d) Thực hiện thống kê, dự báo về hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; hiện đại hoá công nghệ thông tin trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- đ) Tổ chức, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành chứng khoán; phổ cập kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho công chúng;
- e) Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các mẫu biểu có liên quan;
- g) Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

*(Nguồn: Luật CK số 70/2006/QH 11)*

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

### **2.1. Tổng quan nền kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay:**

#### **2.1.1. Kinh tế**

Nằm trong khu vực tăng trưởng năng động nhất thế giới, kể từ năm 2000 đến nay, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt khoảng 7,5%/năm, và dự kiến tốc độ tăng sẽ tiếp tục đạt tối thiểu ở mức 7.5 – 8%/năm. Đặc biệt riêng 6 tháng đầu năm 2007, GDP đạt xấp xỉ 31 tỷ USD, tăng 7.87% so với cùng kỳ năm 2006, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 6 năm gần đây.

Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài tăng 74% so với cùng kỳ năm ngoái, từ 2,26 tỷ USD lên 3,93 tỷ USD. Dự kiến số vốn FDI sẽ còn tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2007 tiếp tục tăng 5,6% so với tháng 12 năm ngoái và tăng 7.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chính phủ đang nỗ lực kiềm chế lạm phát dưới mức tăng trưởng thực của GDP. Nguồn cung ngoại tệ tăng cao do đầu tư gián tiếp cùng với sự gia tăng của dòng vốn đầu tư FDI trong 6 tháng đầu năm buộc ngân hàng Nhà nước phải hạn chế sự tăng giá của đồng Việt Nam bằng cách mua vào đồng USD. Trong 5 tháng đầu năm, Ngân hàng Nhà nước đã mua vào khoảng 7 tỷ USD, tương đương khoảng 112 ngàn tỷ đồng được đưa vào thị trường tiền tệ làm cung nội tệ tăng mạnh.

Chính phủ vẫn đang tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới để đưa nước ta sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 7.5-8%/năm thì đến năm 2010 nước ta sẽ đạt mức GDP xấp xỉ 100 tỷ



USD, GDP đầu người sẽ tăng lên khoảng 1050 USD. Khi đó nền kinh tế Việt Nam sẽ có thể bắt đầu “cắt cánh” để bước vào danh mục các quốc gia có thu nhập trung bình.

Sau 11 năm kể từ ngày nước ta chính thức nộp đơn xin gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), đến ngày 07/11/2006 Việt Nam đã chính thức được kết nạp vào tổ chức này. Việc gia nhập WTO mở ra cho chúng ta nhiều cơ hội để phát triển, nhưng cũng đồng thời mang đến những thách thức bất nguồn chính yếu từ sự chênh lệch giữa năng lực nội sinh của đất nước với yêu cầu hội nhập cũng như từ những tác động tiêu cực tiềm tàng của chính quá trình hội nhập.

### **2.1.2. Xã hội/chính trị**

Cùng với công cuộc đổi mới kinh tế, hệ thống luật pháp, cơ chế quản lý cũng từng bước được hình thành đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường. Điều này không những đảm bảo phát huy nội lực của đất nước, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân mà còn tạo ra tiền đề bên trong, nhân tố quyết định cho tiến trình hội nhập quốc tế.

## **2.2. Thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và TP.HCM nói riêng:**

### **2.2.1. Tổng quan thị trường chứng khoán Việt Nam:**

#### ***2.2.1.1. Các văn bản luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán của Việt Nam***

Bảng 1: Các văn bản luật điều chỉnh hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam

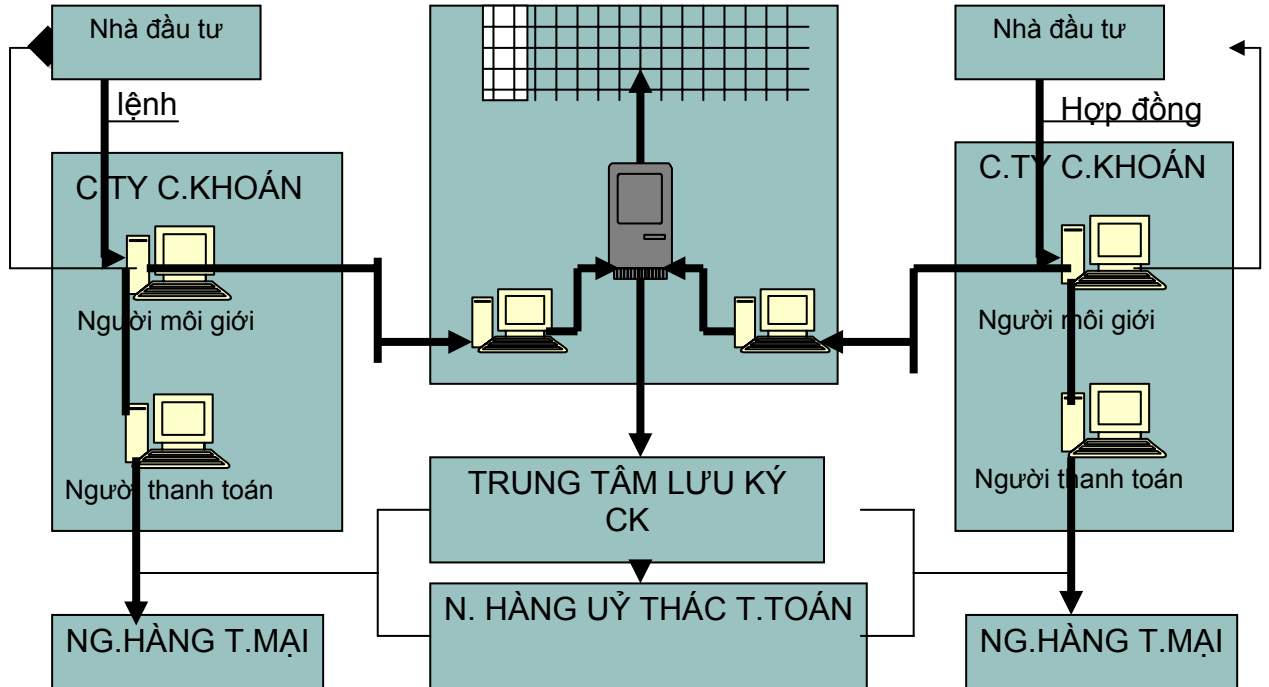
Số / Kí hiệu	Ngày	Trích yếu nội dung
599/QĐ-TTg	11/5/2007	Quyết định 599/QĐ-TTg chuyển Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
63/2007/QĐ-TTg	10/5/2007	Quyết định 63/2007/QĐ-TTg về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính
36/2007/NĐ-CP	8/3/2007	Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 08/3/2007 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
14/2007/NĐ-CP	19/01/2007	Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
70/2006/QH 11	29/06/2006	Luật Chứng khoán, số 70/2006/QH 11 Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006
52/2006/NĐ-CP	19/05/2006	Nghị định số 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp
238/2005/QĐ-TTg	29/09/2005	Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam
189/2005/QĐ-TTg	27/07/2005	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
528/QĐ-TTg	14/06/2005	Quyết định 528/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/6/2005 về việc phê duyệt danh sách các Công ty cổ phần hoá, niêm yết, đăng ký giao dịch tại các Trung tâm giao dịch chứng khoán Việt Nam
187/2004/NĐ-CP	16/11/2004	Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần
161/2004/QĐ-TTg	7/9/2004	Quyết định số 161/2004/QĐ-TTg ngày 07/9/2004 quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
161/2004/NĐ-CP	7/9/2004	Nghị định của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
66/2004/NĐ-CP	19/02/2004	Nghị định số 66/2004/NĐ-CP ngày 19/02/2004 của Chính phủ về việc chuyển Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào Bộ Tài chính

144/2003/NĐ-CP	28/11/2003	Nghị định số 144/2003/NĐ-CP của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán
141/2003/NĐ-CP	20/11/2003	Nghị định của Chính phủ về việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương
163/2003/QĐ-TTg	5/8/2003	Quyết định số 163/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2010
146/2003/QĐ-TTg	17/07/2003	Quyết định 146/2003/QĐ-TTg về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam
38/2003/NĐ-CP	15/04/2003	Nghị định của Chính phủ về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần
36/2003/QĐ -TTg	11/3/2003	Quyết định số 36/2003/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam

*Nguồn:* [www.ssc.gov.vn](http://www.ssc.gov.vn)

**2.2.1.2. Quy trình vận hành của thị trường chứng khoán tập trung của Việt Nam có thể được mô tả chung qua sơ đồ sau:**

# HỆ THỐNG GIAO DỊCH



Sơ đồ 1: HỆ THỐNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

### 2.2.1.3. Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước (UBCKNN)

UBCKNN là cơ quan thuộc Bộ Tài Chính, được thành lập ngày 28/11/1996 theo Nghị định số 75/CP của Chính phủ, thực hiện chức năng tổ chức và quản lý Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán. UBCKNN ngày càng tỏ rõ vai trò là người tổ chức và vận hành thị trường chứng khoán Việt Nam; là người xây dựng chiến lược, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chứng khoán và TTCK, đồng thời UBCKNN thực hiện quản lý, giám sát thị trường

đảm bảo hoạt động và phát triển TTCK nhằm huy động vốn cho đầu tư phát triển, đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá DNNN, góp phần cải cách hệ thống thị trường tài chính, tiến tới hội nhập với các nước trong khu vực.

Các tổ chức sự nghiệp của UBCKNN bao gồm:

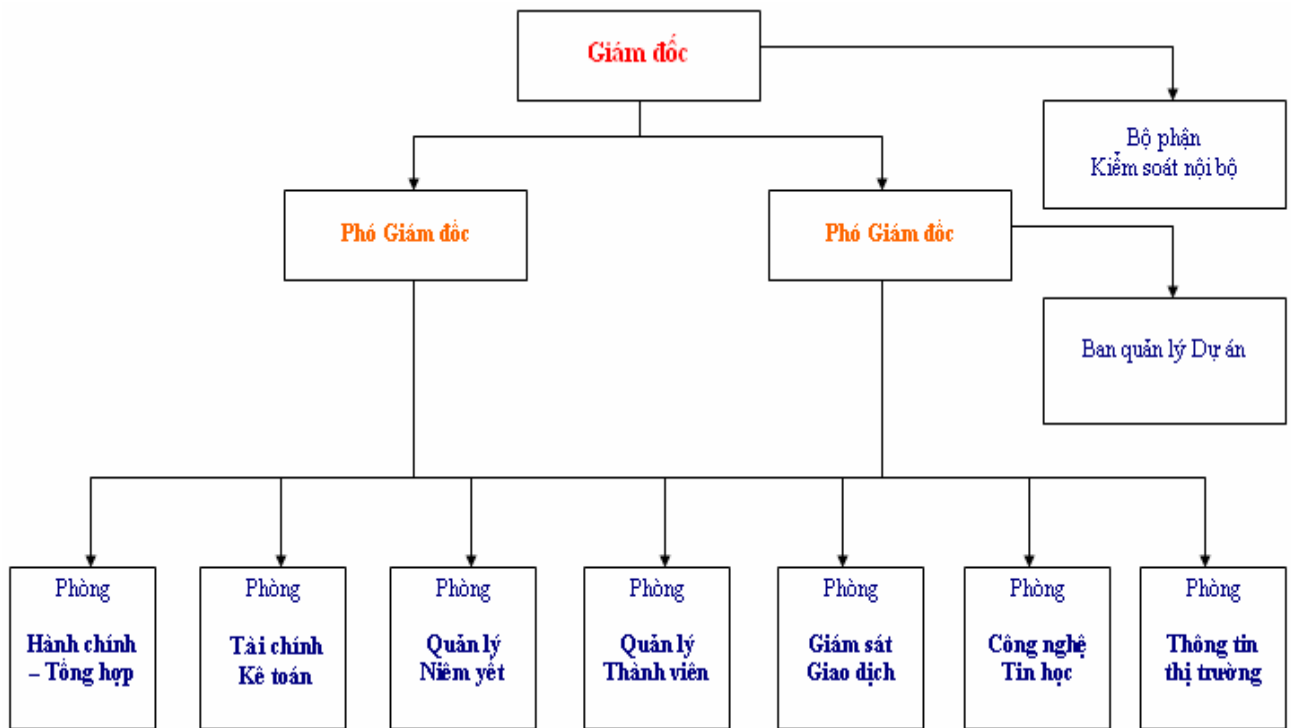
- Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM (chính thức đổi tên thành “Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) từ ngày 07/07/2007)
- Trung tâm tin học
- Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán
- Tạp chí chứng khoán

#### ***2.2.1.4. Sở Giao Dịch Chứng Khoán:***

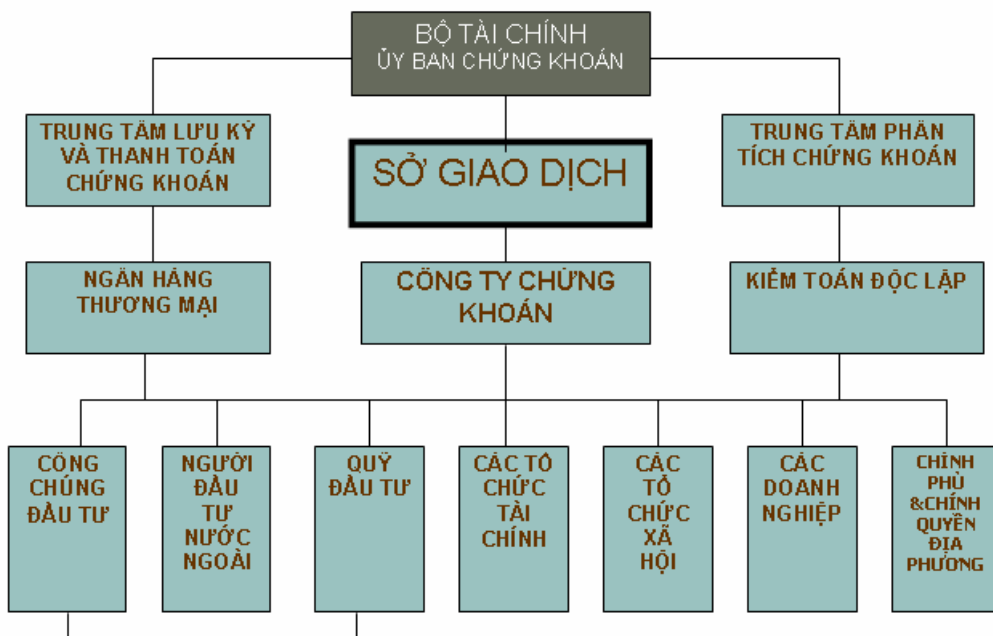
##### **2.2.1.4.1. Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HoSE)**

Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại trong nước, nước ngoài, là đơn vị hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính, thực hiện chế độ tài chính, chế độ báo cáo, thống kê, kế toán và kiểm toán theo qui định của pháp luật.



Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM



Sơ đồ 3: Sở giao dịch chứng khoán và các tổ chức liên hệ

#### 2.2.1.4.2. TTGDCK Hà Nội

Ngày 11 tháng 07 năm 1998, Chính phủ ra Quyết định số 127/1998/QĐ-TTg thành lập hai Trung tâm giao dịch chứng khoán trực thuộc Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Theo đó, Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng, kinh phí hoạt động do ngân sách Nhà nước cấp. Biên chế của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thuộc biên chế của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

TTGDCK Hà Nội có các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tổ chức, quản lý, điều hành việc mua bán chứng khoán;
- Quản lý, điều hành hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ việc mua bán chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán;
- Thực hiện đăng ký chứng khoán.

Ngày 8.3.2005 TTGDCK Hà Nội chính thức khai trương hoạt động, đánh dấu một bước phát triển mới của thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### ***2.2.1.5. Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD)***

Trung tâm lưu ký chứng khoán là pháp nhân thành lập và hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần theo quy định của Luật này. Theo quyết định số QĐ189/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập VSD, VSD đã chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 03/05/2006.

Chức năng của VSD:

- Ban hành quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

- Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng.

- Giám sát việc tuân thủ quy định của thành viên lưu ký theo quy chế của VSD và có quyền chấp thuận, huỷ bỏ tư cách thành viên lưu ký.

Trong hơn 1 năm hoạt động, VSD đã thực hiện đăng ký cho 154 loại cổ phiếu, tổng giá trị chứng khoán đăng ký lưu ký trên 21 ngàn tỷ đồng (tính theo mệnh giá). Đối với trái phiếu, VSD đang thực hiện đăng ký và lưu ký cho trên 500 loại do Kho Bạc Nhà Nước và Ngân hàng phát triển phát hành.

Vai trò của VSD đối với thị trường chứng khoán Việt Nam:

- Thay mặt tổ chức phát hành thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền, nhận cổ tức bằng cổ phiếu thưởng, nhận lãi và vốn gốc trái phiếu, tham dự đại hội cổ đông, v.v... VSD đã thực hiện trên 1,300 đợt thực hiện quyền cho người sở hữu cổ phiếu và trái phiếu với giá trị cổ tức, trái tức trong năm vừa qua đạt tới 8,700 tỷ đồng.

- Cải tiến quy trình lưu ký ghi sổ nhằm giảm thiểu tối đa thời gian thực hiện lưu ký của nhà đầu tư.

- Thực hiện an toàn và đúng hạn các hoạt động thanh toán bù trừ.

- Phối hợp nhịp nhàng với các TTGDCK, ngân hàng chỉ định thanh toán và các thành viên lưu ký thực hiện cơ chế phòng ngừa rủi ro mất khả năng thanh toán. Trong thời gian qua không xảy ra trường hợp mất khả năng thanh toán giao dịch.

Tính đến hết tháng 06/2007, VSD đã thực hiện cấp mã số giao dịch chứng khoán cho tổng cộng 6,000 nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có khoảng 254 tổ chức.



## **2.2.2. Thị trường chứng khoán tập trung TP.HCM:**

### ***2.2.2.1. Công ty chứng khoán thành viên của TTGDCK:***

Trên thị trường chứng khoán tập trung, công ty chứng khoán đóng vai trò trung gian thực hiện các giao dịch chuyển nhượng chứng khoán. Để được thực hiện giao dịch tại TTGDCK, công ty chứng khoán phải là thành viên giao dịch của TTGDCK. Tiêu chuẩn để trở thành thành viên TTGDCK là:

- (1) Là công ty chứng khoán được cấp giấy phép hoạt động môi giới và/hoặc tự doanh và đã đăng ký với TTGDCK. Chỉ có thành viên mới được giao dịch tại TTGDCK.
- (2) Thành viên phải cử đại diện giao dịch tại TTGDCK
- (3) Thành viên không được mua/bán chứng khoán niêm yết bên ngoài TTGDCK

Công ty chứng khoán cần phải đáp ứng các điều kiện:

- (1) là công ty cổ phần hoặc công ty TNHH;
- (2) có phương án hoạt động kinh doanh phù hợp với mục đích phát triển kinh tế xã hội và ngành;
- (3) có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho việc kinh doanh chứng khoán;
- (4) có mức vốn pháp định theo từng loại hình kinh doanh theo quy định (môi giới: 25 tỷ, tự doanh: 100 tỷ, Tư vấn đầu tư: 10 tỷ, bảo lãnh phát hành: 165 tỷ);
- (5) Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các nhân viên kinh doanh của công ty chứng khoán phải có giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán do UBCKNN cấp.

### 2.2.2.2. Công ty niêm yết:

Bảng 2: QUY MÔ NIÊM YẾT THỊ TRƯỜNG HIỆN TẠI

Tính đến ngày 30 /06/2007

	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Chứng chỉ</b>
Số chứng khoán niêm yết	108	2
Tỷ trọng (%)	20.89	0.39
Khối lượng niêm yết (ngàn ck)	1.713.913,11	100.000
Tỷ trọng (%)	72,33	4,22
Giá trị niêm yết (triệu đồng)	17.139.131,12	1.000.000
Tỷ trọng (%)	23,35	1,36

Thành lập ngày 20/07/2000, và giao dịch bắt đầu từ ngày 28/07/2000 với vốn vện 2 công ty niêm yết: Công ty cổ phần cơ điện lạnh (REE) và Công ty cổ phần cáp và vật liệu viễn thông (SAM)  
Tính đến ngày 15 tháng 06 năm 2007 thì số lượng cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM là 107 cổ phiếu và 02 chứng chỉ quỹ.

### 2.2.2.3. Cơ chế giao dịch:

➤ *Thời gian*: từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.

Hiện tại, TTGDCK TP.HCM vẫn đang áp dụng hình thức giao dịch định kỳ đối với cổ phiếu và chứng chỉ quỹ, mỗi ngày giao dịch gồm 3 phiên giao dịch với thời gian tương ứng như sau:

Phiên 1: từ 08:20 đến 08:40

Phiên 2: từ 09:10 đến 09:30

Phiên 3: từ 10:00 đến 10:30

Giao dịch thỏa thuận được thực hiện trong thời gian từ 10:30 đến 11:00, lô thực hiện là 10.000 cổ phiếu/chứng chỉ quỹ. Giao dịch thỏa thuận là phương thức giao dịch trong đó các thành viên tự thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch và được đại diện giao dịch của thành viên nhập thông tin vào hệ thống giao dịch để ghi nhận.

Các loại lệnh được áp dụng phương thức giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận có thể tóm tắt theo bảng dưới đây:

Loại chứng khoán	Khớp lệnh	Thỏa thuận
Cổ phiếu	X	X
Chứng chỉ quỹ	X	X
Trái phiếu		X

Đối với trái phiếu, giao dịch được thực hiện theo phương thức thỏa thuận trong thời gian từ 08:20 đến 11:00

Kể từ ngày 30/07/2007, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM sẽ bắt đầu đưa hình thức giao dịch liên tục vào giao dịch cổ phiếu và chứng chỉ quỹ, trong đó vẫn tiếp tục duy trì phương thức khớp lệnh định kỳ ở phiên 1 và phiên 3 trong vòng 30 phút cho mỗi phiên, riêng phiên giao dịch thứ 2 kéo dài trong 60 phút sẽ áp dụng hình thức khớp lệnh liên tục – hình thức khớp lệnh mới theo xu hướng chung của các thị trường chứng khoán phát triển. Thời gian của 3 phiên giao dịch cụ thể như sau:

Phiên 1: từ 8:30 đến 9:00 – khớp lệnh định kỳ (xác định giá mở cửa)

Phiên 2: từ 9:00 đến 10:00 – khớp lệnh liên tục

Phiên 3: từ 10:00 đến 10:30 – khớp lệnh định kỳ (xác định giá đóng cửa)

Giao dịch thỏa thuận vẫn được thực hiện trong thời gian từ 10:30 đến 11:00 nhưng lô giao dịch được nâng lên 20.000 cổ phiếu/chứng chỉ quỹ.

Đối với trái phiếu, giao dịch vẫn thực hiện theo phương thức thỏa thuận trong thời gian từ 08:30 đến 11:00

➤ *Phương thức giao dịch:*

Phương thức giao dịch áp dụng từ ngày 30/07/2007 gồm 2 loại giao dịch khớp lệnh: khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục.

Phương thức khớp lệnh định kỳ: là phương thức được hệ thống giao dịch thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán của khách hàng tại một thời điểm xác định. Nguyên tắc xác định giá thực hiện như sau:

- i. là mức giá đạt được khối lượng giao dịch lớn nhất
- ii. Nếu có nhiều mức giá thỏa mãn tiết i nêu trên thì mức giá trùng hoặc gần với giá thực hiện của lần khớp lệnh gần nhất sẽ được chọn
- iii. Nếu vẫn có nhiều mức giá thỏa mãn tiết ii nêu trên thì mức giá cao hơn sẽ được chọn

Phương thức khớp lệnh liên tục: là phương thức được hệ thống giao dịch thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán của khách hàng ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống. Trong phương thức khớp lệnh này có các loại lệnh sau được áp dụng:

- Lệnh giới hạn (LO): là lệnh mua hoặc bán chứng khoán tại một giá xác định hoặc tốt hơn.

Hiệu lực của lệnh giới hạn: kể từ khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch cho đến lúc kết thúc ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

Riêng đối với lệnh của nhà đầu tư nước ngoài thì lệnh mua được nhập vào hệ thống nếu không được khớp hoặc chỉ khớp một phần vào thời điểm khớp lệnh thì lệnh mua hoặc phần còn lại của lệnh mua đó sẽ tự động bị hủy bỏ.

- Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa (ATO): là lệnh mua hoặc bán tại mức giá mở cửa. Lệnh này được ưu tiên thực hiện trước lệnh giới hạn khi so khớp lệnh. Lệnh ATO tự động bị hủy bỏ khi khớp lệnh nếu lệnh không được thực hiện hoặc không thực hiện hết.

- Lệnh thị trường (MP): là lệnh mua tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Nếu sau khi so khớp lệnh theo nguyên tắc trên mà khối lượng đặt lệnh của lệnh MP vẫn chưa thực hiện hết thì lệnh MP sẽ được xem là lệnh mua tại mức giá bán cao hơn hoặc lệnh bán tại mức giá mua thấp hơn tiếp theo hiện có trên thị trường. Nếu khối lượng đặt lệnh của lệnh MP vẫn còn theo nguyên tắc ở trên và không thể tiếp tục khớp thì lệnh MP sẽ được chuyển thành lệnh LO mua (bán) tại mức giá cao (thấp) hơn một bước giá so với giá giao dịch cuối cùng trước đó.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài thì lệnh mua với giá MP sẽ tự động bị hủy nếu không được thực hiện hết.

Lệnh MP không thể nhập vào hệ thống khi không có lệnh đối ứng.

- Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (ATC): tương tự như lệnh ATO nhưng áp dụng trong thời gian khớp lệnh định kỳ ở phiên 3, xác định giá đóng cửa.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu thực hiện phương thức giao dịch mới loại lệnh thị trường sẽ tạm chưa được sử dụng. Lệnh MP sẽ được bắt đầu chính thức áp dụng vào đầu năm 2008 sau khi công chúng đầu tư đã quen với phương thức giao dịch mới.

Trong phương thức thỏa thuận: các thành viên tự thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch và được đại diện giao dịch của thành viên nhập thông tin vào hệ thống giao dịch để ghi nhận.

Tóm tắt về các loại lệnh sử dụng ở các phiên giao dịch định kỳ và liên tục:

<b>LỆNH</b>	<b>08:30 – 09:00</b>	<b>09:00 - 10:00</b>	<b>10:00 – 10:30</b>	<b>10:30 – 11:00</b>
ATO	<b>X</b>			
LO	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	
MP		<b>X</b>		
ATC			<b>X</b>	

**Bảng 3: DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN THÀNH VIÊN CỦA TTGDCK TP.HCM**

Tính đến ngày 28/06/2007

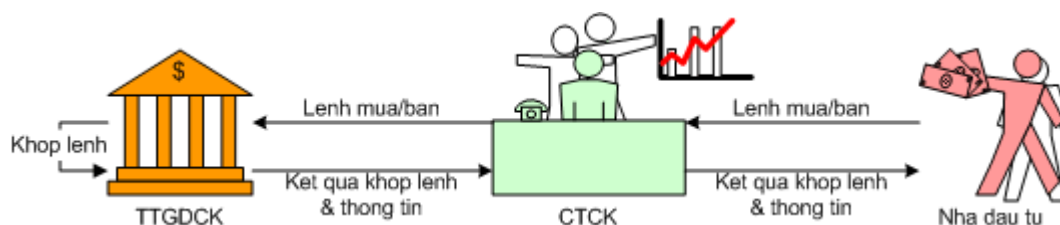
STT	Mã số	CTCK thành viên	Viết Tắt	Trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Nghiệp vụ
1	1	CTY CP CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT	BVSC	Tầng 2 và 5, 94 Bà Triệu, Hà Nội	150	MG-TD-BLPH-TV-LK
2	2	CTY TNHH CK NHĐT&PT	BSC	20 Hàng Tre, Hoàn Kiếm, Hà Nội	200	MG-TD-BLPH-TV-LK
3	3	CTY CP CK SÀI GÒN	SSI	72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Q.1	500	MG-TD-BLPH-TV-LK
4	4	CTY CP CK ĐỆ NHẤT	FSC	9 Hoàng Văn Thụ, Thủ Dầu Một, Bình Dương	100	MG-TD-BLPH-TV-LK
5	5	CTY TNHH CK THẮNG LONG	TSC	95 Trần Quốc Toản, P.Trần Hưng Đạo, Hà Nội	80	MG-TD-BLPH-TV-LK
6	6	CTY TNHH CK ACB	ACBS	9 Lê Ngô Cát, p.7, Q.3	250	MG-TD-BLPH-TV-LK
7	7	CTY TNHH CK NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN	IBS	306 Bà Triệu, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	105	MG-TD-BLPH-TV-LK
8	8	CTY TNHH CK NGÂN HÀNG NN&PTNN (AGRISECO)	AGRISECO	tầng 4, tòa nhà C3 Phương Liệt, đường Giải Phóng, Q.Thanh Xuân, Hà Nội	150	MG-TD-BLPH-TV-LK
9	9	CTY TNHH CK NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VN	VCBS	Tầng 17, 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	200	MG-TD-BLPH-TV-LK
10	10	CTY CP CK MỀKÔNG	MSC	Tầng 9A, số 60 Lý Thái Tổ, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	22	MG-TD-TV-LK
11	11	CTY CP CK TP.HCM	HSC	Tầng 2, Tòa nhà Capital Place, số 6 Thái Văn Lung, Q.1, TP.HCM	100	
12	12	CTY CP CK HẢI PHÒNG	HASECO	24 Cù Chính Lan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng	50	MG-TD-TV-LK
13	14	CTY TNHH 1 THÀNH VIÊN CK NGÂN HÀNG ĐÔNG Á	DAS	56-58 Nguyễn Công Trứ, P.NTB, Q.1	135	MG,TD,BLPH,TV,LK
14	15	CTY TNHH CK NGÂN HÀNG TMCP NHÀ HÀ NỘI	HBBS	Tòa nhà 2C Vạn Phúc, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	50	MG,TD,BLPH,TV,LK
15	16	CTY CP CK ĐẠI VIỆT	DVSC	194 Lầu 4, Nguyễn Công Trứ, P.NTB,Q.1	250	MG,TD,BLPH,TV,LK
16	17	CTY TNHH CK NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN	SBS	6-8 Phó Đức Chính, P.NTB, Q.1	300	MG,TD,BLPH,TV,LK
17	18	CTY CP CK AN BÌNH	ABS	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	330	MG,TD,BLPH,TV,LK
18	19	CTY CP CK KIM LONG	KLS	tòa nhà Torserco, 273 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	315	MG,TD,BLPH,TV,LK
19	20	CTY CP CK QUỐC TẾ VN	VI Securities	59 Phố Quang Trung, Nguyễn Du, Hà Nội	55	MG,TD,BLPH,TV,LK
20	21	CTY CK VNDirect	VDS	100 Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội	50	MG,TD,BLPH,TV,LK

21	22	CTY CP CK AÂU LẠC	ASC	8 Tú Xương, p.7, q.3	50	MG,TD,TV,LK
22	23	CTY CP CK VIỆT	VSC	117 Quang Trung, p.Quang Trung, TP.Vinh, Nghệ An	9.75	
23	24	CTY CP CK ĐÀ NẴNG	DNCS	102 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.Hải Châu, Đà Nẵng	22	MG,TD,TV,LK
24	25	CTY CP CK HÀ NỘI	HSSC	Tầng 2 Tòa nhà trung tâm thương mại Opera 6B Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	50	MG,TD,BLPH,TV,LK
25	26	CTY TNHH CK NHTMCP CÁC DN NGOÀI QUỐC DOANH VN	VPBS	tầng 3-4, số 362 Phố Huế, p.Phố Huế, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	50	MG,TD,BLPH,TV
26	27	CTY CP CK HÀ THÀNH	HASC	56 Nguyễn Du, P.Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	20	MG,TD,TV,LK
27	28	CTY CP CK QUỐC GIA	NSI	106 Phố Huế, q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	50	MG,TD,BLPH,TV,LK
28	30	CTY CP CK CHÂU Á-THÁI BÌNH DƯƠNG	APEC	66 Ngô Thị Nhậm, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	60	MG,TD,BLPH,TV,LK
29	31	CTY CP CK GIA ANH	GASC	30 Phố Mai Hắc Đế, P.Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	22	MG,TD,TV,LK
30	32	CTY CP CK NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á	SEABS	số 16 phố Láng Hạ, p.Thành Công, Q. Ba Đình, Hà Nội	50	MG,TD,BLPH,TV,LK
31	33	CTY CP CK RỒNG VIỆT	VDSC	tầng 3,4,5, số 147-149 Võ Văn Tần, P.6, Q.3, TP.HCM	100	MG,TD,BLPH,TV,LK
32	34	CTY CP CK THỦ ĐO	CSC	tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội	60	MG,TD,BLPH,TV,LK
33	35	CTY CP CK NGÂN HÀNG PT NHÀ ĐBSCL	MHBS	Lầu 2 cao ốc Opera View, 161 Đồng Khởi, p.Bến Nghé, Q.1	60	MG,TD,BLPH,TV,LK
34	36	CTY CP CK ALPHA	APSC	2 Phạm Ngũ Lão, p.Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	20	MG,TD,TV,LK
35	37	CTY CP CK THÁI BÌNH DƯƠNG	PSC	tầng 2, số 168, phố Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	28	MG,TD,TV,LK
36	38	CTY CP CK VIỆT TÍN	VTSS	Tầng 4, số 44, Tràng Tiền, P.Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	50	MG,TD,BLPH,TV,LK
37	39	CTY CP CK BIỂN VIỆT	CBV	số 19, phố Nhà Thờ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	25	MG,TD,TV,LK
38	41	CTY CP CK TRĂNG AN	TAS	số 9 tòa nhà số 59 đường Quang Trung, P.Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	60	MG,TD,BLPH,TV,LK
39	42	CTY CP CK THIÊN VIỆT	TVSC	535 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, Hà Nội	43	MG,TD,BLPH,TV,LK
40	43	CTY CP CK CAO SU	RUBSE	66 Phố Đức Chính, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1	40	MG,TD,BLPH,TV,LK
41	44	CTY CP CK TÂN VIỆT	TVSI	tầng 5, số 152 phố Thụy Khuê, P.Thụy Khuê, Q.Tây Hồ, Hà	55	MG,TD,BLPH,TV



				Nội		
42	45	CTY CP CK DẦU KHÍ	PVS	20 Ngô Quyền, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	150	MG,TD,BLPH,TV,LK
43	47	CTY CP CK TẦM NHÌN	HRS	194 (lầu 5) Nguyễn Công Trứ, P.NTB, Q.1	12	MG,TV,LK
44	48	CTY CP CK PHƯƠNG ĐÔNG	ORS	194 Nguyễn Công Trứ, P.NTB, Q.1	60	MG,TD,BLPH,TV,LK
45	49	CTY CP CK HOÀNG GIA	ROSE	Lầu 2, 106 Nguyễn Huệ, Q.1	20	MG,TD,TV,LK
46	50	CTY CP CK HƯỚNG VIỆT	GSI	08 Phố Thiên Quang, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	20	MG,TD,TV,LK
47	52	CTY CP CK SAO VIỆT	VSSC	58/1-58/2 Trần Xuân Soạn, p.Tân Kiêng, Q.7	36	MG,TD,TV,LK
48	53	CTY CP CK CHỢ LỚN	CLSC	631-633 Nguyễn Trãi, P.11, Q.5	30	MG,TD,TV,LK

*Nguồn: Bản tin thị trường chứng khoán số 117, ngày 28/06/2007*



Sơ đồ 4: Quy trình đặt lệnh và xử lý lệnh của nhà đầu tư

(Nguồn: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn))

## 2.3. Tác động của tình hình mới đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán TP.HCM

### 2.3.1. Bối cảnh:

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam tuy đã hình thành từ 7 năm qua tuy nhiên những bước tăng trưởng vượt bậc của nó chỉ mới xuất hiện ngay sau thời điểm Việt Nam gia nhập vào WTO.

Số lượng doanh nghiệp niêm yết tăng 704% so với năm 2000. Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FDI) đổ vào thị trường chứng khoán Việt Nam cũng có sự gia tăng đáng kể. Tính đến nay, các nhà đầu tư nước ngoài đã đổ vào khoảng 6 tỉ USD. Theo dự tính, quy mô của thị trường còn tiếp tục được mở rộng do các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá sẽ tiếp tục niêm yết vào năm 2007-2008 trong đó có Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với số vốn lên tới hàng ngàn tỉ đồng.

Chỉ số VN-Index cũng đã chứng minh sự tăng trưởng nhanh chóng của thị trường. Nếu trong phiên giao dịch đầu tiên ngày 28-7- 2000, VN-Index ở mức 100 điểm thì tháng 3 - 2007, chỉ số này đã đạt ở mức kỷ lục trên 1.170 điểm và sau một vài tháng giảm sút, hiện nay VN-Index đang dao động xung quanh ngưỡng 1.000

điểm (đến giữa tháng 5-2007 đã lên 1.060 điểm), tăng hơn 10 lần so với năm 2000. Đặc biệt, số lượng các nhà đầu tư mới tham gia thị trường ngày càng đông, tính đến cuối tháng 12- 2006, có trên 120.000 tài khoản giao dịch chứng khoán được mở, trong đó gần 2.000 tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài. Số lượng các nhà đầu tư có tổ chức cũng tăng lên đáng kể, hiện có 35 quỹ đầu tư đang hoạt động tại Việt Nam, trong đó 23 quỹ đầu tư nước ngoài và 12 quỹ đầu tư trong nước. Ngoài ra, còn có gần 50 tổ chức đầu tư theo hình thức uỷ thác qua công ty chứng khoán.

Hệ thống các tổ chức trung gian trên TTCK đã hình thành và phát triển nhanh chóng. Tính đến nay, trên thị trường có 55 công ty chứng khoán, tăng mạnh hàng năm, vốn điều lệ bình quân đạt 77 tỉ đồng/công ty. Ngoài ra, còn có sự tham gia của 18 công ty quản lý quỹ, 41 tổ chức tham gia hoạt động lưu ký chứng khoán, 6 ngân hàng lưu ký.

Sự ra đời của Luật Chứng khoán (có hiệu lực từ ngày 01-01-2007) đã tạo khung pháp lý cao cho TTCK phát triển góp phần thúc đẩy khả năng hội nhập vào thị trường tài chính quốc tế của TTCK Việt Nam.

Những vấn đề liên quan đến TTCK, trong đó những quy định về đăng ký, lưu ký, công khai và minh bạch, giám sát và kiểm tra của các cơ quan chức năng quản lý hoạt động của TTCK từng bước được hoàn thiện. Đáng chú ý là Chính phủ đã chỉ đạo việc phối hợp giữa Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước trong việc tăng cường kiểm soát TTCK ở nước ta, do đó thị trường này vẫn đang ổn định và phát triển khá mạnh.

TTCK hiện nay là một kênh huy động vốn quan trọng của thị trường tài chính bởi theo thông lệ quốc tế, các doanh nghiệp và các nền kinh tế cần vốn sẽ có xu hướng tiến đến một cấu trúc vốn hoàn chỉnh trong đó 80% vốn sẽ được huy động thông qua việc phát hành cổ phiếu và phần 20% còn lại sẽ là vốn vay từ các ngân hàng. Trong điều kiện nước ta hiện nay, tỷ lệ vốn vay từ ngân hàng lại chiếm đến 90% và phần còn lại mới là phần huy động được từ TTCK. Đó cũng là một phần

nguyên nhân dẫn đến tình trạng vay vốn ngắn hạn một cách ồ ạt để đầu tư trung và dài hạn của một số doanh nghiệp hiện nay.

Sau khi có những bước phát triển vượt bậc từ cuối năm 2006, TTCK chứng khoán hiện nay đang có một sự suy giảm lớn và có khả năng kéo dài, điều này cũng không nằm ngoài quy luật chung trong quá trình phát triển của một TTCK còn non trẻ. Việc suy giảm này có thể đi từ nhiều nguyên nhân khác nhau :

-Sự yếu kém của các doanh nghiệp có cổ phiếu tham gia vào thị trường. Hiện nay, đa số các cổ phiếu đều có giá cao hơn hẳn giá trị tương xứng với tốc độ tăng trưởng của bản thân doanh nghiệp phát hành ra chúng.

-Trình độ của các nhà đầu tư còn thấp. Phần lớn các nhà đầu tư hiện nay đều chưa được trang bị những kỹ năng cần thiết và một kiến thức nhất định về kinh doanh chứng khoán. Ở nước ta hiện nay, nếu như đầu tư vào chứng khoán có lợi thì người dân sẽ ồ ạt đầu tư vào chứng khoán, nếu như chứng khoán có dấu hiệu giảm giá thì bán ngay lấy tiền đầu tư vào bất động sản, nếu bất động sản xuống giá lại chuyển sang đầu tư vào thị trường hối đoái, thị trường vàng... chứ không hình thành một thị trường đầu tư chuyên nghiệp như các thị trường quốc tế khác.

-Việc công bố thông tin không minh bạch của các đơn vị kiểm toán trong khi đó các cơ quan quản lý thị trường chỉ căn cứ vào các kết quả được cung cấp bởi các công ty kiểm toán trên do vậy gây ra ít nhiều tâm lý hoang mang cho các nhà đầu tư dẫn đến một số biến động bất lợi cho thị trường.

### **2.3.2. Tác động:**

#### **2.3.2.1. Tích cực**

Sau khi gia nhập WTO, nước ta phải tiến hành mở cửa và hội nhập với hầu hết tất cả các quốc gia trên thế giới, phải chấp nhận những điều khoản đã ký kết với các đối tác nước ngoài và của WTO, trong đó có lĩnh vực dịch vụ, bao gồm cả tài chính, ngân hàng và đương nhiên có cả TTCK. Trong điều

kiện đó, sự phát triển của TTCK vừa có những thuận lợi rất cơ bản, nhưng cũng phải đối mặt với những thách thức rất lớn.

Một số tác động tích cực do quá trình hội nhập đem lại là:

- Thứ nhất, là tăng trưởng luân chuyển vốn, trong đó đầu tư nước ngoài tăng đáng kể (riêng lĩnh vực đầu tư trên TTCK của các nhà đầu tư nước ngoài như đã nêu trên đã lên đến 4 tỉ USD). Đây là một trong những vấn đề quan trọng thúc đẩy cho việc tăng trưởng kinh tế ở nước ta.
- Thứ hai, TTCK phát triển trong đó có việc cổ phần hoá các Công ty có yếu tố vốn nước ngoài sẽ thúc đẩy việc huy động nguồn vốn dài hạn để đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh trong nước, và đương nhiên tác động tích cực trở lại cho sự phát triển của TTCK.

#### 2.3.2.2. Tiêu cực

Bên cạnh những thuận lợi hiện nay do tình hình mới đem lại, TTCK chứng khoán TP Hồ Chí Minh cũng gặp phải một số thách thức rất lớn như sau:

- Khi mở cửa ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng thì trước hết là tạo ra sức ép về quản lý thị trường vốn trên một số lĩnh vực: (1) Đồng bản tệ sẽ lên giá, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế; (2) Sức ép về gia tăng phương tiện thanh toán nhằm đáp ứng yêu cầu gia tăng lượng ngoại tệ từ nước ngoài chuyển vào và sự thao túng của các nhà đầu tư nước ngoài làm cho tỉ lệ lạm phát tăng, qua đó phải tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý để giảm thiểu những rủi ro của thị trường vốn (bao gồm cả thị trường tiền tệ và TTCK).
- Sự dịch chuyển vốn giữa ngân hàng và TTCK sẽ xảy ra nếu không có sự kiểm soát kịp thời và hiệu quả thì sẽ dẫn đến rủi ro và nếu rủi ro lớn sẽ ảnh hưởng sự an toàn của hệ thống ngân hàng.
- Nếu để TTCK tăng trưởng “quá nóng”, sẽ phát sinh hiện tượng “bong bóng” và do đó yếu tố an toàn cho những nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư cá nhân và cả sự an toàn của TTCK bị ảnh hưởng. Khi TTCK sụp đổ sẽ phải mất

nhiều năm mới có thể hồi phục, kéo theo nhiều khó khăn không chỉ cho hệ thống tài chính, ngân hàng mà cả đối với nền kinh tế.

## **2.4. Các thành tựu đạt được:**

### **2.4.1. Các công ty niêm yết gia tăng nhanh chóng cả về lượng và chất**

#### 2.4.1.1. Nguyên nhân:

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng trong khi thị trường chứng khoán của chúng ta vẫn còn non trẻ. Với hàng triệu doanh nghiệp đang hoạt động trên toàn quốc thì số lượng doanh nghiệp niêm yết hiện nay vẫn còn rất khiêm tốn.

Kể từ khi thị trường chứng khoán Việt Nam ra đời, Nhà nước đã có nhiều biện pháp khuyến khích phát triển như miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 2 năm đầu kể từ khi niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Bên cạnh đó, cùng với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước, các doanh nghiệp dần dần đã nhận thức được lợi ích và tầm quan trọng của việc cổ phần hóa và niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán. Và thực tế cũng đã cho thấy các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán bên cạnh kết quả kinh doanh tốt (phải đáp ứng các yêu cầu do TTGDCK/Sở giao dịch chứng khoán quy định) cũng phải có hình ảnh tốt trên thị trường. Việc niêm yết là một cách quảng bá hình ảnh công ty rất tốt và đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn luôn nỗ lực trong quản lý, kinh doanh, đầu tư đạt hiệu quả cao vì luôn có sự giám sát của các cổ đông, những người đã góp vốn và đặt sự kỳ vọng của mình vào công ty.

#### 2.4.2.2. Danh sách các công ty niêm yết trên sàn TP.HCM tính đến ngày

30/06/2007:

Nếu vào cuối năm 2005, chỉ mới có 32 loại cổ phiếu được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (xem bảng 6), thì đến cuối năm 2006 đã có 106 loại cổ phiếu niêm yết. Và tính cho đến thời điểm cuối tháng 6/2007 (xem

bảng 5) , tổng số cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch TP.HCM là 107 loại (chỉ có thêm 1 cổ phiếu mới là PPC – Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại chuyển từ sàn giao dịch Hà Nội vào sàn giao dịch TP.HCM). Như vậy trong vòng khoảng 1 năm rưỡi, số lượng cổ phiếu niêm yết đã tăng gần 3.3 lần.

**Bảng 5: DANH SÁCH CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Tính đến 30/06/2007

STT	MÃ CK	TÊN CÔNG TY NIÊM YẾT	TÊN VIẾT TẮT	LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)	SỐ LƯỢNG CP ĐANG LƯU HÀNH
1	ABT	CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN BẾN TRE	Aquatex Bentre	Aquaproducts	33,000,000,000	3,280,411
2	AGF	CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN AN GIANG	Agifish	Aquatic product	69,254,970,000	6,925,497
3	ALT	CÔNG TY CP VĂN HÓA TÂN BÌNH	Alta	Cultural product	13,335,350,000	1,333,535
4	BBC	CÔNG TY CP BÁNH KẸO BIÊN HÒA	Bibica	Confectionery	78,205,430,000	7,820,543
5	BBT	CÔNG TY CP BÔNG BẠCH TUYẾT	Cobovina	Consumer product	68,400,000,000	6,840,000
6	BHS	CÔNG TY CP ĐƯỜNG BIÊN HÒA	BSJC	Sugar	162,000,000,000	12,613,808
7	BMC	CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH	BIMICO	Minerals	13,110,000,000	1,311,400
8	BMP	CÔNG TY CP NHỰA BÌNH MINH	Binh Minh Plastic	Plastic	126,730,600,000	12,673,060
9	BPC	CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN	BPC	Packaging (paper)	36,513,330,000	3,651,333
10	BT6	CÔNG TY CP BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI	620CC	Concrete product	81,136,250,000	8,113,625
11	BTC	CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU	BTC	Machinery	13,512,860,000	1,351,286
12	CAN	CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HẠ LONG	Canfoco	Canned food	40,995,860,000	4,099,586
13	CII	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM	CII	Construction	300,000,000,000	30,000,000
14	CLC	CÔNG TY CP CÁT LỢI	Cat Loi	Tobacco packaging	84,000,000,000	8,400,000
15	COM	CÔNG TY CP VẬT TƯ XĂNG DẦU	Comeco	Fuel	33,689,870,000	3,368,987
16	CYC	CÔNG TY CP GẠCH MEN CHANG YIH	Chang Yih	Ceramic tile	90,472,520,000	9,047,252
17	DCT	CÔNG TY CP TẤM LỢP VẬT LIỆU XD ĐỒNG NAI	DCT	Roofing	112,356,100,000	11,235,610
18	DHA	CÔNG TY CP HÓA AN	Hoa An	Mining	58,507,490,000	5,850,749
19	DHG	CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	DHG	Pharmaceutical products	80,000,000,000	8,000,000
20	DIC	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TM DIC	DIC	Construction	32,000,000,000	2,601,644
21	DMC	CÔNG TY CP XNK Y TẾ DOMESCO	Domesco	Pharmaceutical products	107,000,000,000	10,235,342
22	DNP	CÔNG TY CP NHỰA XD ĐỒNG NAI	Donaplast	Plastic	20,000,000,000	1,627,951
23	DPC	CÔNG TY CP NHỰA ĐÀ NẴNG	Danaplast	Plastic	15,872,800,000	1,587,280
24	DRC	CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG	DRC	Latex processing	92,470,000,000	7,981,460
25	DTT	CÔNG TY CP KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH	Do Thanh	Plastic	20,000,000,000	1,764,866
26	DXP	CÔNG TY CP CẢNG ĐOẠN XÁ	Doan Xa	Port services	35,000,000,000	3,500,000
27	FMC	CÔNG TY CP THỰC PHẨM SAO TA	Fimex VN	Food	60,000,000,000	6,000,000
28	FPC	CÔNG TY CP FULL POWER	Full Power	Mechanical construction	125,216,550,000	12,521,655
29	FPT	CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT	FPT	IT services	608,102,300,000	57,370,896
30	GIL	CÔNG TY CP SXKD XNK BÌNH THẠNH	Gilimex	Trading	45,500,000,000	4,550,000
31	GMC	CÔNG TY CP SXTM MAY SÀI GÒN	Garmex	Garment products	22,750,000,000	2,275,000
32	GMD	CÔNG TY CP ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN	Gemadep	Transport	349,659,160,000	34,965,916
33	HAP	CÔNG TY CP HAPACO	Hapaco	Paper	53,792,030,000	5,379,203



34	HAS	CÔNG TY CP XÂY LẬP BƯU ĐIỆN HÀ NỘI	Hacisco	Construction	24,112,360,000	2,411,236
35	HAX	CÔNG TY CP DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH	Haxaco	Motors trading	4,500,000,000	1,625,730
36	HBC	CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC HÒA BÌNH		Construction	56,400,000,000	5,637,080
37	HBD	CÔNG TY CP BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG	Haipac Binh Duong	Packaging	10,025,000,000	1,268,021
38	HMC	CÔNG TY CP KIM KHÍ TP.HCM	HMC	Steel & wastage materials	158,000,000,000	15,800,000
39	HRC	CÔNG TY CP CAO SU HÒA BÌNH	Horuco	Latex processing	96,000,000,000	9,559,930
40	HTV	CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN	Hatien Transco	Transport	45,792,930,000	4,579,293
41	IFS	CÔNG TY CP THỰC PHẨM QUỐC TẾ	Interfood	Beverage	219,438,010,000	21,943,801
42	IMP	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM	Imexpharm	Pharmaceutical products	83,210,960,000	8,321,096
43	ITA	CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO	Tan Tao	IP	400,021,150,000	40,002,115
44	KDC	CÔNG TY CP KINH ĐÔ	Kinhdo	Confectionery	299,988,920,000	29,998,892
45	KHA	CÔNG TY CP XNK KHÁNH HỘI	Khahomex	Furnishing	53,794,260,000	5,379,426
46	KHP	CÔNG TY CP ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA	KHP	Electricity	163,220,000,000	16,322,100
47	LAF	CÔNG TY CP CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN	Lafooco	Agricultural product	47,372,340,000	4,737,234
48	LBM	CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG	LBM	Construction materials	16,391,600,000	1,634,181
49	LGC	CÔNG TY CP CƠ KHÍ ĐIỆN LỬ GIA	Lugiaco	Mechanics & electric	10,000,000,000	1,000,000
50	MCP	CÔNG TY CP IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU	MCP	Printing & packaging	30,000,000,000	2,633,741
51	MCV	CÔNG TY CP CAVICO VIỆT NAM KHAI THÁC MỎ VÀ XÂY DỰNG	CVCM	Mining & Construction	31,000,000,000	3,100,000
52	MHC	CÔNG TY CP HÀNG HẢI HÀ NỘI	Marina Hanoi	Transport	67,056,400,000	6,705,640
53	NAV	CÔNG TY CP NAM VIỆT	Navifico	Cement rootsheets	25,000,000,000	2,500,011
54	NHC	CÔNG TY CP GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP	Brico	Clay brick	13,256,230,000	1,325,623
55	NKD	CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM KINH ĐÔ MIỀN BẮC	North Kido	Food	83,992,210,000	8,399,221
56	NSC	CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG	NSC	Agricultural products	30,000,000,000	1,973,629
57	PAC	CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM	Pinaco	Battery	102,600,000,000	10,263,000
58	PGC	CÔNG TY CP GAS PETROLIMEX	Petrolimex Gas	Gas	170,958,900,000	17,095,890
59	PJT	CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY	PJTACO	Transport	35,000,000,000	3,307,301
60	PMS	CÔNG TY CP CƠ KHÍ XĂNG DẦU	PMSC	Fuel	37,051,760,000	3,705,176
61	PNC	CÔNG TY CP VĂN HÓA PHƯƠNG NAM	PNC	Cultural product	34,702,470,000	3,470,247
62	PPC	CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI	Pha Lai	Electricity	3,107,000,000,000	310,700,000
63	PVD	CÔNG TY CP KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ	PV Drilling	Petroleum drilling	680,000,000,000	68,000,000
64	RAL	CÔNG TY CP BÔNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RANG ĐÔNG	Rang Dong	Lighting	79,150,000,000	7,915,000
65	REE	CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN LẠNH	REE Corp	Refrigeration & Mechanic	309,021,020,000	30,902,102
66	RHC	CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN RY NINH II	RII	Electricity	32,000,000,000	3,200,000
67	SAF	CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO	SAFOCO	Food	27,060,000,000	2,706,000
68	SAM	CÔNG TY CP CÁP VÀ VẬT LIỆU VIÊN THÔNG	Sacom	Wire & Cable	374,093,300,000	37,409,330
69	SAV	CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XNK SAVIMEX	Savimex	Furnishing	58,186,100,000	5,818,610
70	SCD	CÔNG TY CP NƯỚC GIẢI KHÁT CHUỖNG DƯƠNG	CDBECO	Beverage	85,000,000,000	8,500,000
71	SDN	CÔNG TY CP SƠN ĐÔNG NAI	DONAPACO	Painting products	11,400,000,000	1,140,000
72	SFC	CÔNG TY CP NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	SFC	Fuel	17,000,000,000	1,700,000

73	SFI	CÔNG TY CP ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI	SAFI	Transport	11,380,000,000	1,138,500
74	SFN	CÔNG TY CP DỆT LƯỚI SÀI GÒN	SFN	Fishing net	30,000,000,000	3,000,000
75	SGC	CÔNG TY CP XNK SA GIANG	Saigon Hotel	Leisure	40,887,000,000	4,088,700
76	SGH	CÔNG TY CP KHÁCH SẠN SÀI GÒN	Sa Giang	Food	17,663,000,000	1,766,300
77	SHC	CÔNG TY CP HÀNG HẢI SÀI GÒN	SHC	Transport	17,625,960,000	1,762,596
78	SJI	CÔNG TY CP THỦY SẢN 1	SEAJOCO VN	Aquaproducts	20,000,000,000	2,000,000
79	SJD	CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN CẦN ĐÓN	SJD	Construction	200,000,000,000	20,000,000
80	SJS	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN SÔNG ĐÀ	Sudico	Construction	200,000,000,000	20,000,000
81	SMC	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC	SMC	Steel distribution	50,568,490,000	5,056,849
82	SSC	CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM	SSC	Agricultural product	60,000,000,000	6,000,000
83	STB	NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN	Sacombank	Commercial bank	1,913,261,040,000	191,326,104
84	TAC	CÔNG TY CP DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN	TUONG AN	Vegetable oil production	189,800,000,000	18,890,200
85	TCR	CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA	TAICERA	Tile	262,119,190,000	26,211,919
86	TCT	CÔNG TY CP CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH	Tay Ninh Cable Tour	Tourist transport	15,985,000,000	1,598,500
87	TDH	CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC	ThuDuc House	Real estate	170,000,000,000	14,508,336
88	TMC	CÔNG TY CP TM XNK THỦ ĐỨC	TIMEXCO	agricultural/forest/aqua products	27,000,000,000	2,598,773
89	TMS	CÔNG TY CP KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG	Transimex	Transport	42,900,000,000	4,290,000
90	TNA	CÔNG TY CP TM XNK THIÊN NAM	Tenimex	Trading	15,487,240,000	1,548,724
91	TRI	CÔNG TY CP NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN	Tribeco	Beverage	45,483,600,000	4,548,360
92	TS4	CÔNG TY CP THỦY SẢN SỐ 4	Seapriexco 4	Aquatic product	27,451,930,000	2,745,193
93	TTC	CÔNG TY CP GAẠCH MEN THANH THANH	Thanh Thanh	Sanitary ware	39,948,270,000	3,994,827
94	TTP	CÔNG TY CP BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN	Tan Tien Packaging	Plastic Packaging	103,704,250,000	10,370,425
95	TYA	CÔNG TY CP DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM	Taya	Wire & Cable	241,536,150,000	24,153,615
96	UNI	CÔNG TY CP VIỄN LIÊN	Unico	Trading	14,036,000,000	1,403,600
97	VFC	CÔNG TY CP VINAFCO	Vinafco	Transport	57,417,810,000	5,741,781
98	VGP	CÔNG TY CP CÀNG RAU QuẢ	VEGEPOR	Port services	38,850,200,000	3,885,019
99	VID	CÔNG TY CP GIẤY VIỄN ĐÔNG	VID	Paper	84,227,000,000	5,200,152
100	VIP	CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO	VIP	Petro & Gas Products	351,000,000,000	35,100,000
101	VIS	CÔNG TY CP THÉP VIỆT Ý	VISCO	Steel	276,000,000,000	8,690,099
102	VNM	CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM	Vinamilk	Milk	1,678,640,760,000	167,864,076
103	VPK	CÔNG TY CP BAO BÌ DẦU THỰC VẬT	VPACK	Packaging	76,000,000,000	6,692,762
104	VSH	CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN SÔNG HINH	VSHPC	Electricity	1,244,578,360,000	124,457,836
105	VTA	CÔNG TY CP VITALY	Vitaly	Construction materials	40,000,000,000	4,000,000
106	VTB	CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH	Viettronics Tan Binh	Electricity	70,000,000,000	7,000,000
107	VTC	CÔNG TY CP VIỄN THÔNG VTC	VTC	Telecommunication	24,121,350,000	2,412,135
108	PRUBF1	Quỹ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PRUDENTIAL	PruBF1	Securities Investment	500,000,000,000	50,000,000
109	VFMVF1	Quỹ ĐẦU TƯ VIỆT NAM	Vietnam Fund	Investment	497,734,600,000	49,773,460

**Bảng 6: DANH SÁCH CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM  
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2005**

STT	MÃ CK	TÊN CÔNG TY NIÊM YẾT	VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)	SỐ LƯỢNG CP LƯU HÀNH
1	AGF	CÔNG TY CP XNK THUY SAN AN GIANG	43,880,340,000	4,388,034
2	BBC	CÔNG TY CP BÁNH KẸO BIÊN HÒA	56,000,000,000	5,600,000
3	BBT	CÔNG TY CP BÔNG BẠCH TUYẾT	68,400,000,000	6,840,000
4	BPC	CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN	38,000,000,000	3,800,000
5	BT6	CÔNG TY CP BÊ TÔNG 620 CHÂU THỐI	58,826,900,000	5,882,690
6	BTC	CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU	12,613,450,000	1,261,345
7	CAN	CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HẠ LONG	35,000,000,000	3,500,000
8	DHA	CÔNG TY CP HÓA AN	38,499,620,000	3,849,962
9	DPC	CÔNG TY CP NHỰA ĐÁ NẮNG	15,872,800,000	1,587,280
10	GIL	CÔNG TY CP SXKD XNK BÌNH THẠNH	45,500,000,000	4,550,000
11	GMD	CÔNG TY CP ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỀN	207,127,960,000	20,712,796
12	HAP	CÔNG TY CP HAPACO	32,502,510,000	3,250,251
13	HAS	CÔNG TY CP XÂY LẬP BUƯ ĐIỆN HÀ NỘI	16,000,000,000	1,600,000
14	KDC	CÔNG TY CP KINH ĐỒ	250,000,000,000	25,000,000
15	KHA	CÔNG TY CP XNK KHÁNH HỘI	31,350,000,000	3,135,000
16	LAF	CÔNG TY CP CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN	38,919,680,000	3,891,968
17	MHC	CÔNG TY CP HÀNG HẢI HÀ NỘI	67,056,400,000	6,705,640
18	NHC	CÔNG TY CP GẠCH NGÔI NHỊ HIỆP	13,360,610,000	1,336,061
19	NKD	CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM KINH ĐỒ MIỀN BẮC	70,000,000,000	7,000,000
20	PMS	CÔNG TY CP CƠ KHÍ XĂNG DẦU	32,000,000,000	3,200,000
21	PNC	CÔNG TY CP VÂN HÓA PHƯƠNG NAM	30,000,000,000	3,000,000
22	REE	CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN LẠNH	281,742,740,000	28,174,274
23	SAM	CÔNG TY CP CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG	234,000,000,000	23,400,000
24	SAV	CÔNG TY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XNK SAVIMEX	45,000,000,000	4,500,000

25	SFC	CÔNG TY CP NHIÊN LIỆU SÀI GÒN	17,000,000,000	1,700,000
26	SGH	CÔNG TY CP KHÁCH SẠN SÀI GÒN	17,663,000,000	1,766,300
27	SSC	CÔNG TY CP GIỒNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM	60,000,000,000	6,000,000
28	TMS	CÔNG TY CP KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG	42,900,000,000	4,290,000
29	TNA	CÔNG TY CP TM XNK THIÊN NAM	13,000,000,000	1,300,000
30	TRI	CÔNG TY CP NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN	45,483,600,000	4,548,360
31	TS4	CÔNG TY CP THỦY SẢN SỐ 4	15,000,000,000	1,500,000
32	VTC	CÔNG TY CP VIỄN THÔNG VTC	17,977,400,000	1,797,740

Sự gia tăng nhanh chóng lượng hàng hóa trên thị trường đã thu hút thêm nhiều nhà đầu tư tham gia kể cả trong và ngoài nước. So với con số 31.000 tài khoản tại thời điểm 31.12.2005, số lượng tài khoản được mở tại các công ty chứng khoán thành viên đến cuối năm 2006 đã đạt hơn 95.000 tài khoản và đến thời điểm tháng 6.2007, con số đã lên đến khoảng 250.000 tài khoản, trong đó có khoảng 6.000 tài khoản là của nhà đầu tư nước ngoài

Đi kèm theo đó là sự ra đời nhanh chóng của của các công ty chứng khoán. Tính đến thời điểm hiện tại (tháng 06/2007), toàn bộ thị trường (kể cả Hà Nội) đã có khoảng 55 công ty chứng khoán với vốn điều lệ bình quân khoảng 90 tỷ đồng, trong đó riêng thị trường TP.HCM đã có 48 công ty chứng khoán với vốn điều lệ bình quân khoảng 96 tỷ đồng. Dự kiến đến cuối năm sẽ có khoảng 100 công ty , ngoài ra còn có 18 công ty quản lý quỹ và 61 tổ chức lưu ký.

#### **2.4.2. Giá trị vốn hóa thị trường tăng với tốc độ nhanh, bước đầu thể hiện vai trò là kênh huy động vốn cho nền kinh tế:**

##### 2.4.2.1. Giá trị vốn hóa thị trường :

Trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 163/2003/QĐ-TTg ngày 05/08/2003 có nêu rõ định hướng phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2010 là “mở rộng quy mô của thị trường chứng khoán tập trung, phấn đấu đưa tổng giá trị thị trường đến năm 2005 đạt mức 2 - 3% GDP và đến năm 2010 đạt mức 10 - 15% GDP”. Đến khoảng giữa tháng 4/2005, tổng giá trị vốn hóa thị trường chưa đến 7,000 tỷ đồng, chưa bằng 1% GDP, tuy nhiên tính đến phiên giao dịch cuối năm 2006, tổng giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu niêm yết đã đạt khoảng 150.000 tỷ đồng (tương đương 9,4 tỷ USD), xấp xỉ 15,5% GDP ước tính cho năm 2006. Đến khoảng giữa tháng 06/2007, tổng giá trị vốn hóa của thị trường cổ phiếu niêm yết đã đạt trên 300 nghìn tỷ đồng (tương đương với khoảng 20 tỷ USD) và bằng 31% GDP. Tính riêng thị trường cổ phiếu niêm yết TP.HCM, giá trị vốn hóa thị trường đạt hơn 200 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 13 tỷ USD). Riêng vốn hóa của thị trường trái phiếu đạt trên 80 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng

8%GDP.

(<http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=206955&ChannelID=86>)

Như vậy tính đến thời điểm tháng 6 năm nay thì giá trị vốn hóa thị trường đã đạt gấp đôi mục tiêu của Chính phủ đặt ra cho đến năm 2010.

#### 2.4.2.2. Chỉ số VN-Index theo các năm:

Chỉ số VN - Index thể hiện biến động giá cổ phiếu giao dịch tại TTGDCK TP.HCM. Công thức tính chỉ số áp dụng đối với toàn bộ các cổ phiếu niêm yết tại TTGDCK nhằm thể hiện xu hướng giá cổ phiếu hàng ngày.

Chỉ số VN -Index so sánh giá trị thị trường hiện hành với giá trị thị trường cơ sở vào ngày gốc 28-7-2000, khi thị trường chứng khoán chính thức đi vào hoạt động. Giá trị thị trường cơ sở trong công thức tính chỉ số được điều chỉnh trong các trường hợp như niêm yết mới, huỷ niêm yết và các trường hợp có thay đổi về vốn niêm yết.

$$\text{VN Index} = \frac{\sum Q_1 \times P_1}{\sum Q_0 \times P_0} \times I_0$$

Trong đó: P1 là giá hiện hành của chứng khoán

Q1 là khối lượng cổ phiếu đang lưu hành

P0 là giá cổ phiếu thời kỳ gốc

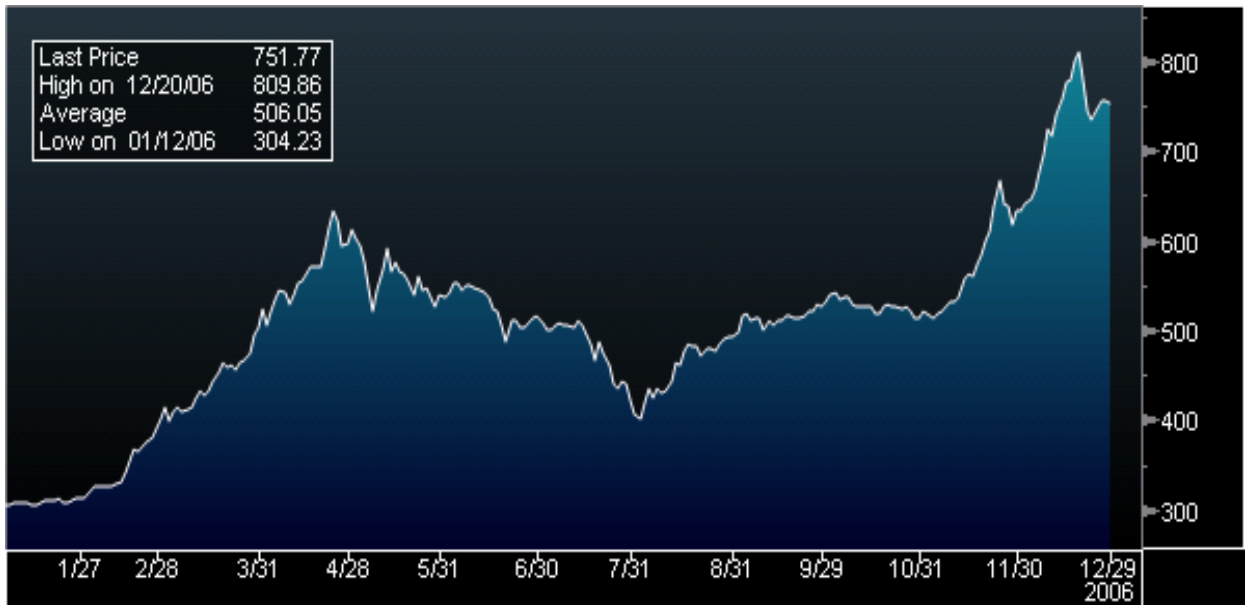
Q0 là khối lượng chứng khoán thời kỳ gốc

- VN-Index từ năm 2000 – 2005:



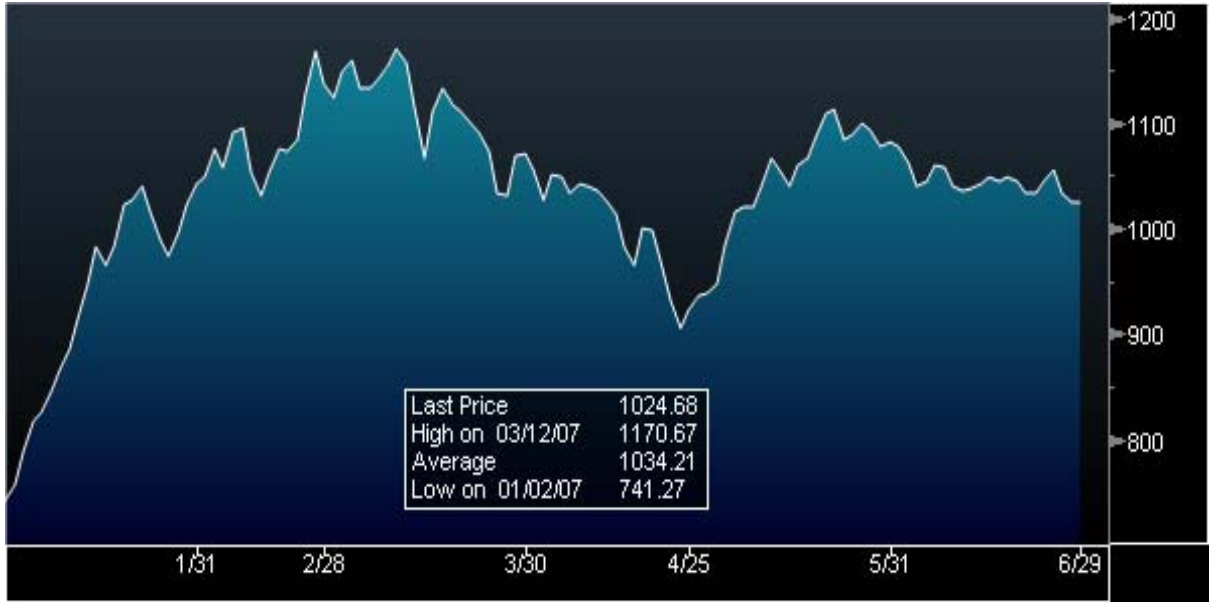
Biểu đồ 1: Biến động của VNI giao đoạn từ 2000 đến cuối 2005

- VN-Index trong năm 2006



Biểu đồ 2: Biến động của VNI giai đoạn từ đầu năm 2006 đến 29/12/2006.

VN Index từ mức 305,28 điểm cho phiên đầu năm 02/01/2006 đã tăng và đạt mức kỷ lục 809,86 điểm vào phiên giao dịch ngày 20/12/2006 và đóng cửa ở mức 751,77 điểm vào phiên cuối cùng của tháng 12/2006 (tăng 446,49 điểm, tương đương 146%)



Biểu đồ 3: Biến động của VNI từ đầu năm 2007 đến 29/06/2007

VN-Index tiếp tục leo thang đến ngày 12/03/2007 với tốc độ bình quân 14,84%/tháng và giá trị giao dịch bình quân lên đến hơn 1.200 tỷ đồng/phiên, tạo sức bật mạnh mẽ cho VN-Index lên đến đỉnh điểm 1.170,67 vào ngày 12/03/2007. Tuy nhiên sau đó VN Index bắt đầu sụt giảm và chạm đáy ở mức 905,93 điểm vào ngày 24/04/2007 và kéo dài đến tháng 07 chưa có dấu hiệu hồi phục, tuy nhiên VN Index rất có khả năng sẽ được cải thiện về lại ngưỡng 1.000 điểm vào những tháng cuối năm và đầu năm 2008 bởi:

- GDP 6 tháng đầu năm đã đạt 7.87%, mức tăng cao nhất so với cùng kỳ của 5 năm gần đây, và dự đoán sẽ tăng 9% vào 6 tháng cuối năm (nguồn: Báo cáo trình bày trước Quốc Hội vào ngày 19/07/2007 của Phó thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng) nên khả năng đạt chỉ tiêu tăng trưởng GDP 8.5% năm 2007 là khả thi. Với tốc độ tăng trưởng đó, thị trường chứng khoán sẽ hồi phục và đạt tăng trưởng.
- Các ngân hàng thương mại quốc doanh đang chuẩn bị phát triển dịch vụ cho vay cầm cố chứng khoán và tăng nguồn tiền cho nhà đầu tư chứng khoán.
- Chuyến thăm thành công của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết sang Mỹ và của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng sang Ấn Độ đã mang về nhiều hợp đồng lớn trị giá hơn 20 tỷ đô la Mỹ. Nguồn vốn này sẽ được giải ngân một phần vào cuối năm và sẽ tạo động lực phát triển nền kinh tế.



– Khả năng mở thêm room cho nhà đầu tư nước ngoài có thể thực hiện vào cuối năm nay, thêm vào đó Ngân hàng Nhà nước cũng đã nâng mức sở hữu cho phép của 1 tổ chức nước ngoài tại 1 tổ chức tín dụng từ 10% lên 15% (một số ngân hàng nước ngoài hiện nay như UOB, Standard Chartered Bank,... đang nắm giữ một tỷ lệ đáng kể trong vốn điều lệ tại các NHTMCP). Theo đó, một luồng vốn mới sẽ có điều kiện đổ thêm vào thị trường chứng khoán, tạo động lực tăng trưởng cho thị trường.

### **2.4.3. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh**

Năm 2006 và 6 tháng đầu năm 2007 chứng kiến sự đổ bộ của nguồn vốn đầu tư ngoại vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính riêng 6 tháng đầu năm nay, tổng giá trị mua trung bình của nhà đầu tư nước ngoài tại sàn TP.HCM đạt khoảng 15,44 ngàn tỷ đồng (tương đương 965 triệu USD) và chiếm 30% tổng giá trị giao dịch của toàn thị trường TP.HCM. Mức giao dịch bình quân ngày là 359 tỷ đồng (tương đương 22,4 triệu USD), mức cao nhất là trong phiên giao dịch ngày 01/02/2007 với giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài khoảng 836,4 tỷ đồng (tương đương 52,3 triệu đô la). Nhà đầu tư nước ngoài mua chủ yếu là các loại cổ phiếu của các công ty có quy mô lớn, thương hiệu mạnh, tình hình kinh doanh tốt như: Công ty CP sữa Việt Nam (mã chứng khoán: VNM) – 12,7 triệu cổ phiếu, Công ty CP nhiệt điện Phả Lại (mã chứng khoán: PPC) – 11,5 triệu cổ phiếu, Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh (mã chứng khoán: VSH) – 9,6 triệu cổ phiếu, Công ty CP khoan và dịch vụ khoan dầu khí (mã chứng khoán: PVD) – 5,8 triệu cổ phiếu, Công ty CP phát triển đầu tư công nghệ FPT (mã chứng khoán: FPT) – 5,3 triệu cổ phiếu, Công ty CP đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (mã chứng khoán: CII) – 4,7 triệu cổ phiếu, Công ty CP đại lý liên hiệp vận chuyển (mã chứng khoán: GMD) – 4,7 triệu cổ phiếu, Công ty CP khu công nghiệp Tân Tạo (mã chứng khoán: ITA) – 3,3 triệu cổ phiếu, Công ty CP phát triển nhà Thủ Đức (mã chứng khoán: TDH) – 3,2 triệu cổ phiếu, Công ty CP nhựa Bình Minh (mã chứng khoán: BMP) – 3,1 triệu cổ phiếu (*số lượng mua đến ngày 12.03/2007*)

(Nguồn: HoSE, BVSC)

Theo thống kê, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong cơ cấu vốn của công ty niêm yết tăng vọt trong năm 2007, tỷ lệ này đã lên đến 20-25% tính đến tháng 6.

Tính đến cuối tháng 06/2007, tổng tài sản hiện tại của các quỹ đầu tư nước ngoài ước tính khoảng 6 tỷ Đôla Mỹ, trong đó khoảng 4,8 tỷ USD đầu tư cho cổ phiếu niêm yết (còn lại là tiền mặt và cổ phiếu OTC).

Có thể tham khảo danh sách các quỹ có quy mô lớn hiện đang đầu tư tại Việt Nam theo bảng dưới đây:

**Bảng 7: DANH SÁCH CÁC QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM  
TÍNH ĐẾN THÁNG 6/2007**

*Total: USD 6,244.6 million*

Quỹ quản lý	Tên quỹ	Ngày thành lập	Tình trạng niêm yết	Quy mô quỹ (triệuUSD)
Dragon Capital	VN Enterprise Investment Ltd (VEIL)	7/95	Dublin	1.044,3
Vinacapital	VN Opportunity Fund (VOF)	9/03	London (AIM)	789,5
Dragon Capital	VN Growth Fund (VGF)	10/04	Dublin	536,0
International Data Group (IDG)	IDG Ventures VN	8/04	Private Equity	100,0
PXP Vietnam Asset Mgt	PXP VN Fund	12/03	Dublin	134,0
Dragon Capital	VN Dragon Fund	12/05	Dublin	334,1
PXP Vietnam Asset Mgt	VN Emerging Equity Fund	11/05	Dublin	97,0
Mekong Capital	Mekong Enterprise Fund (MEF)	4/02	Private Equity	27,1
Finansa Fund Mgt	VN Equity Fund	7/05	NA	18,1
KV Mgt Pte Limited (Singapore)	VN Investment Fund Singapore (VIF)	1992	Unlisted	5,5
Vietnam Fund Mgt	Beta VN Fund	9/93	Dublin	2,9
Korean Investment Trust Mgt	KITMC VN Growth Fund	4/06	NA	25,0
Korean Investment Trust Mgt	Worldwide VN Fund	9/06	Na	76,0
Mekong Capital	Mekong Enterprise Fund II (MEFII)	5/06	Private Equity	50,0
Indochina Capital	Indochina Equity Fund	5/06	London	428,0
Vietnam Holding Asset Mgt	VN Holding Fund	5/06	London (AIM)	128,8
Vinacapital	DFJ Vinacapital L.P	8/06	Member Fund	25,0
PPF Asset Mgt A.S	PPF A.S	4/06	NA	50,0
PXP Vietnam Asset Mgt	VN Lotus Fund	11/06	Dublin	41,0
JF Asset Mgt	JF Asset VN Fund	11/06	NA	104,0
Blackhorse Asset Mgt	Blackhorse Enhanced VN Inc	12/06	Sin or AIM	50,0
Deutsche Asset Mgt	DWS VN Fund	12/06	Dublin	354,0
Golden Bridge (Korea)	Blue Ocean Fund	12/06	Member Fund	10,0
Prudential Vietnam	Prudential VN Segregated Portfolio	12/07	Dublin	288,0
Korean Investment Trust Mgt	Korea Worldwide VN Hybrid Trust 1	1/07	NA	400,0
Lion Capital	Lion VN Fund	NA	NA	33,0

Vietnam Asset Management	Vietnam Emerging Market Fund	10/06		
LANDESBANK BERLIN	VN Oppotunity-Zertifikat	11/06	NA	50,0
DEUTSCHE BANK	VN Top Select - Zertifikat	NA	NA	100,0
HSBC	P-notes	NA	NA	100,0
Vinacapital	VinaLand Fund	12/05	London (AIM)	200,7
Keppel Land	Keppel Fund	2003	Private Equity	100,0
Indochina Capital	Indochina Land Holdings	5/05	Private Equity	42,0
Indochina Capital	Indochina Land Holdings II		Private Equity	100,0
Prudential Vietnam	Prudential Fund	6/05	Private Equity	63,7
Vietfund Mgt	VFMVF1	5/04	Vietnam	156,2
Thanh Viet Fund Mgt Co. (TMC)	Saigon Fund A1	11/05	Member Fund	1,3
Prudential Vietnam Fund Mgt	Prudential Balanced Fund I	8/06	Vietnam	31,3
Pioneer	VN Pioneer Fund	NA	NA	NA
Horizon Capital Vietnam		NA	NA	Na
Vietfund Mgt	VFMVF2	12/06	NA	25
Hanoi Fund Mgt	Hanoi Investment Fund	NA	NA	12
Bao Viet	Bao Viet Investment Fund	7/06	None	31,3
Vietcombank JV	VPF1	1/06	None	12,5
BIDV Partners	BVIM	2/06	None	100,0
Vietcombank JV	VPF2	7/06	None	NA

(Nguồn: Báo đầu tư chứng khoán, ngày 01/06/2007)

Thực tế thời gian qua cho thấy động thái của nhà đầu tư nước ngoài có tác động lớn đến quyết định của các nhà đầu tư trong nước. Với số lượng quỹ đầu tư mới dự kiến sẽ tiếp tục tăng từ nay đến cuối năm 2007 cùng với tiềm lực vốn lớn hứa hẹn sẽ đổ thêm vào thị trường chứng khoán.

Cùng với việc tăng mua cổ phiếu của các quỹ đầu tư ngoại, lượng tài khoản của nhà đầu tư cá nhân nước ngoài đến mở mới tại các công ty chứng khoán cũng tăng mạnh. Theo thống kê của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP HCM, trong số các công ty chứng khoán được công nhận tư cách thành viên của trung tâm hiện đã có gần 6.000 tài khoản cá nhân của nhà đầu tư nước ngoài, chủ yếu đến từ Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore... Trong đó, lượng tài khoản của nhà đầu tư Nhật mở mới được xem là đông nhất.

Lượng nhà đầu tư cá nhân nước ngoài đến mở tài khoản tại công ty đang ngày một tăng lên. Điều này sẽ góp phần rất lớn thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, sức cầu của các quỹ đầu tư lớn vẫn ảnh hưởng mạnh hơn đến thị trường.

**2.4.4. Công tác quản lý, giám sát, công bố thông tin của cơ quan chức năng có phần khởi sắc, góp phần vào việc xây dựng thị trường chứng khoán phát triển trong sạch, vững chắc:**

- Gần đây UBCKNN có nhiều biện pháp tích cực như việc đăng ký công ty đại chúng, yêu cầu công ty đại chúng phải lưu ký tập trung, tăng cường các quy định về công bố thông tin, yêu cầu công ty chứng khoán không được giữ tiền của nhà đầu tư mà phải uỷ quyền quản lý tiền của nhà đầu tư tại ngân hàng. Đây là những bước cần thiết để đảm bảo an toàn của hệ thống.

Trong thời gian qua, cùng với tốc độ cổ phần hóa ngày càng nhanh đi kèm với sự phát triển vượt bậc của thị trường chứng khoán, công tác giám sát gặp không ít khó khăn, thách thức. Tuy còn nhiều hạn chế nhưng phần nào đã định hình sự tiến bộ của công tác quản lý và giám sát. Bên cạnh việc phát hiện và xử lý các hoạt động giao dịch nội gián, gây nhiễu thị trường, các vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về giao dịch chứng khoán, các cơ quan quản lý (UBCKNN, Trung tâm giao dịch chứng khoán/Sở Giao Dịch Chứng khoán) còn theo dõi tình hình tuân thủ việc công bố thông tin của các thành viên thị trường và ngay cả công tác công bố thông tin của Trung tâm giao dịch chứng khoán/Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

Về phía Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM (nay là Sở Giao Dịch chứng khoán TP.HCM), tất cả những thông tin từ các nguồn đều được kiểm tra tính chính xác trước khi công bố ra công chúng. Hình thức công bố thông tin cũng dần dần được đa dạng hóa qua nhiều kênh như: website của Trung tâm, Bản tin thị trường chứng khoán, ... Ngoài ra Trung tâm còn thỏa thuận cung cấp tin với các hãng thông tin nổi tiếng thế giới như Bloomberg, Reuters, Dow Jones, ... để thông tin về thị trường chứng khoán Việt Nam được đến với các nhà đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, trong năm 2006, Trung tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM đã ký kết thỏa thuận cung cấp thông tin về niêm yết và giao dịch trên thị trường với S&P nhằm quảng bá hình ảnh và hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam với thế giới.

Ngoài ra, công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức chứng khoán cũng được thực hiện định kỳ ½ tháng một lần bằng các buổi tọa đàm giữa các nhà đầu tư với các diễn giả là các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán và đã thu được sự hưởng ứng nhiệt tình của những nhà đầu tư. Chỉ số giá chứng khoán và tình hình giao dịch hàng ngày cũng được phát sóng trên các đài truyền hình TW và địa phương.

- Để chuẩn bị cho việc chuyển thành Sở Giao Dịch Chứng Khoán, TTGDCK TP.HCM đã có những bước đi tích cực như áp dụng phương thức khớp lệnh liên tục bắt đầu từ ngày 30/07/2007 để tăng tính minh bạch và công bằng trong giao dịch, bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư. Ngoài ra TTGDCK TP.HCM cũng đang nghiên cứu phần mềm giao dịch tự động theo chuẩn quốc tế và dự kiến sẽ được áp dụng vào cuối năm nay hoặc đầu năm 2008.

## **2.5. Những hạn chế và nguyên nhân:**

### **2.5.1. Thị trường chứng khoán phát triển nhanh chóng nhưng chưa ổn định**

Tuy số lượng các nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng khoán gia tăng nhanh chóng, so với con số 31.000 tài khoản vào cuối năm 2005, tăng gấp 3 lần lên 95.000 tài khoản vào cuối năm 2006 và lên đến 250,000 vào giữa năm 2007 thì rõ ràng thị trường chứng khoán đã và đang dần thu hút một số lượng đáng kể người dân tham gia. Nhưng nếu xét trên tỷ lệ 85 triệu dân của nước ta hiện nay thì con số đó còn quá nhỏ nhoi: chưa đến 0.03%. Ngoài ra trong tổng số tài khoản được mở đó, chỉ có khoảng 2.4% là tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài, trong số đó chỉ có khoảng 4% là tổ chức.

Sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam thời gian qua rất nhanh nhưng chưa ổn định là do:

- Thị trường chứng khoán Việt Nam mới ra đời từ năm 2000 nhưng chỉ thực sự được đông đảo quần chúng quan tâm kể từ năm 2006, khi thị trường chứng khoán “bùng nổ” với hàng loạt công ty niêm yết và giá trị vốn hóa tăng nhanh

chóng. Các khái niệm, kiến thức về chứng khoán cũng chưa thực sự nắm rõ, kể cả các nhà đầu tư đã và đang tham gia thị trường.

- Các nhà đầu tư hiện tại ở Việt Nam phần lớn là nhà đầu tư nhỏ lẻ, đầu tư theo tâm lý bầy đàn nên tạo cơ hội cho các hành vi “làm giá”, phản ánh không đúng thực chất cung-cầu của thị trường.
- Hệ thống pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán còn nhiều sơ sót, chưa cụ thể (vd: việc phân định rõ ràng chức năng của các công ty chứng khoán trong trường hợp thay đổi thành viên lưu ký cho khách hàng nước ngoài, quy trình mở/đóng tài khoản và các quy định liên quan đối với nhà đầu tư nước ngoài, v.v...)
- Tuy số lượng các tổ chức đầu tư nước ngoài chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng số tài khoản được mở nhưng hoạt động của bộ phận này có khả năng tác động lớn đến giao dịch của toàn thị trường nhờ vào tiềm lực vốn lớn. Các tên tuổi xuất hiện trên thị trường chứng khoán thời gian qua như: Citigroup, Deutsche Bank, Merrillinch, Credit Suisse,... đã từng “làm mưa làm gió” trên thị trường và tác động mạnh đến sức cầu của thị trường chứng khoán thời gian qua, đặc biệt là giai đoạn cuối năm 2006 và 3 tháng đầu năm 2007. Chỉ mới vài tổ chức tham gia mua bán mà đã gây nên các cơn sốt cho thị trường, thì khi những tên tuổi khác vốn chưa tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam hoặc đã tham gia nhưng còn đang dò xét thị trường chính thức đổ vốn vào thị trường thì khả năng sẽ lại tạo nên các biến động khác trên thị trường chứng khoán Việt Nam còn nhỏ bé.

### **2.5.2. Chất lượng các doanh nghiệp niêm yết còn chênh lệch lớn**

Trước khi TTGDCK TP.HCM chuyển thành Sở giao dịch chứng khoán thì theo quy định của UBCKNN doanh nghiệp để được niêm yết trên TTGDCK TP.HCM phải đáp ứng yêu cầu như sau:

- Vốn điều lệ đã góp tối thiểu: 10 tỷ đồng
- Không có lỗ lũy kế và lợi nhuận liên tục 2 năm gần nhất

- Không có các khoản nợ quá hạn
- Tối thiểu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty do ít nhất 100 cổ đông nắm giữ
- Cổ đông thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám Đốc, Phó Giám Đốc, Kế toán trưởng phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% trong vòng 6 tháng tiếp theo.

Sau khi TTGDCK TP.HCM chuyển thành Sở giao dịch, vốn điều lệ đã góp tối thiểu được tăng lên 80 tỷ đồng. Theo đó, những doanh nghiệp niêm yết trước khi TTGDCK TP.HCM chuyển đổi thành Sở giao dịch chứng khoán với vốn điều lệ đã góp tối thiểu là 10 tỷ đồng thì phải thực hiện tăng vốn dần. Hiện tại chưa có quy định về thời hạn hoàn thành việc tăng vốn nhưng dự kiến sẽ áp dụng vào cuối năm 2008. Theo đó, các doanh nghiệp niêm yết trước đây có vốn điều lệ dưới 80 tỷ đồng phải chuẩn bị kế hoạch tăng vốn trước thời hạn quy định. Điều kiện mới này phần nào giúp rút ngắn chênh lệch giữa các doanh nghiệp tuy nhiên năng lực hoạt động giữa các doanh nghiệp niêm yết vẫn còn khoảng cách khá lớn. Chẳng hạn khi so sánh các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành. Chẳng hạn: Công ty CP liên hiệp vận chuyển (Gemadep) với vốn điều lệ trên 400 tỷ và chiếm khoảng 2% trên tổng giá trị vốn hóa của thị trường và EPS gấp đôi doanh nghiệp cùng ngành – Công ty CP vận tải Sài Gòn (SHC) với vốn điều lệ chỉ có 30 tỷ và chiếm tỷ trọng chưa đến 0.1% trong tổng giá trị vốn hóa toàn thị trường; hoặc Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh (VSH) với vốn điều lệ 1.250 tỷ và chiếm khoảng 1.57% trên tổng giá trị vốn hóa toàn thị trường trong khi Công ty CP thủy điện Ry Ninh vốn điều lệ chỉ có 32 tỷ và chỉ chiếm 0.07% trên tổng giá trị vốn hóa toàn thị trường, EPS của “đàn anh” VSH gấp hơn 3 lần so với EPS của RHC.



### **2.5.3. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật kém:**

Vì thị trường chứng khoán của chúng ta còn non trẻ nên hạ tầng thông tin còn phải phụ thuộc nhiều vào các chương trình, chuyên gia nước ngoài nên chúng ta không thể hoàn toàn chủ động trong việc quản lý. Tiêu điểm cho vấn đề này là việc chuẩn bị cho quá trình triển khai khớp lệnh liên tục thời gian vừa qua.

Để đáp ứng sự phát triển của thị trường chứng khoán, UBCKNN đã quyết định đưa phương thức khớp lệnh liên tục vào giao dịch của TTGDCK TP.HCM. So với phương thức khớp lệnh định kỳ hiện tại thì phương thức khớp lệnh liên tục có nhiều ưu điểm, hạn chế tình trạng ùn tắc lệnh và tình trạng “làm giá” trên thị trường thời gian qua. Tuy nhiên, “quy định” đã lâu nhưng “thực tế” vẫn chưa thực hiện được, bên cạnh nhiều nguyên nhân thì trong đó lý do kỹ thuật đóng vai trò chính yếu khiến cho quá trình thực hiện khớp lệnh liên tục bị trì hoãn nhiều lần. Ngoài việc chờ đợi cho các công ty chứng khoán có đủ thời gian chuẩn bị đầy đủ cơ sở kỹ thuật và nhân lực để thực hiện, thì ngay bản thân TTGDCK TP.HCM cũng chưa sẵn sàng. Vốn là phần mềm mà TTGDCK TP.HCM đang sử dụng là của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thái Lan tặng từ khi TTCK Việt Nam mở cửa năm 2000, nhưng bản quyền là do công ty DST International giữ. Phần mềm này có những chỗ khuyết như: lệnh đặt của nhà đầu tư trong nước vào hệ thống nếu chưa khớp thì nằm chờ ở sổ lệnh đến khi có lệnh đối ứng, nhưng lệnh của nhà đầu tư nước ngoài thì sẽ bị trả về và công ty chứng khoán phải nhập lại lệnh từ đầu, điều này vừa mất thời gian cho các nhân viên công ty chứng khoán nhập lệnh, vừa không công bằng đối với lệnh của nhà đầu tư nước ngoài so với nhà đầu tư trong nước vì lệnh đã bị mất ưu tiên về thời gian. Điều này có thể dẫn đến mâu thuẫn với quy định của TTGDCK về cơ chế giao dịch (ưu tiên về giá, ưu tiên về thời gian, ưu tiên về khối lượng). UBCKNN không phải không thấy được lỗ hổng này nhưng không thay đổi được vì đây là “lỗi kỹ thuật”, bất cứ thay đổi nào TTGDCK TP.HCM đều phải nhờ đến Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thái Lan. Như vậy có nghĩa là nếu Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thái Lan không đồng ý sửa lại phần mềm này thì



chúng ta sẽ phải áp dụng theo cơ chế nói trên tức là tạo nên sự phân biệt trong giao dịch giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước, và khả năng là sẽ có sự phản ứng mạnh từ các nhà đầu tư nước ngoài. Rõ ràng sự phụ thuộc hoàn toàn vào phần mềm Thái Lan đã đưa cơ quan quản lý của chúng ta vào thế bí, muốn nhưng không làm được. Được biết, TTGDCK TP.HCM đã chọn được nhà cung cấp phần mềm và trình cho UBCKNN nhưng nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) vẫn chưa giải ngân.

Ngoài ra, còn có các yếu tố khác như: đường truyền internet rất chậm, băng thông hẹp. Trong khi đó, giao dịch chứng khoán được tính từng phần trăm giây, nên với tốc độ truyền dữ liệu như hiện nay nhà đầu tư không thể quyết định chính xác được hoạt động mua/bán của mình. Lệnh được nhập vào hệ thống phải đến 1,2 phút sau mới hiển thị trên bảng điện (*xem phụ lục 4*)

#### **2.5.4. Công tác quản lý, giám sát thị trường còn lỏng lẻo:**

Sự biến động của thị trường thời gian qua có lúc đã gây ra thắc mắc cho các nhà đầu tư nhỏ, đơn lẻ rằng: phải chăng có một số “đại gia” đứng sau thao túng thị trường? Có hay không, nhưng chắc chắn là hành vi cố ý gây hiểu lầm, thao túng thị trường là có thật và đã xuất hiện trên thị trường chứng khoán thời gian qua. “Căn bệnh” về nguyên tắc công khai, minh bạch xem ra khó có thể chữa dứt trong một sớm một chiều khi mức phạt vi phạm còn quá nhẹ, hiện thường chỉ là nhắc nhở hoặc phạt tiền chỉ khoảng vài chục triệu đồng, áp dụng kể cả cho các công ty chứng khoán với mức lãi hàng trăm tỷ đồng mỗi năm. Đặc biệt, hành vi giả tạo hồ sơ mà cũng chỉ bị phạt vi phạm hành chính, đó là trường hợp của công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex (Pjtaco) bị phạt 50 triệu đồng vì có hành vi nhằm hợp thức hóa đợt phát hành và có sự giả tạo trong hồ sơ đăng ký phát hành thêm và hồ sơ đăng ký niêm yết. Trong khi đó, cũng là hành vi giả hồ sơ nói trên nếu ở thị trường chứng khoán New York hay London sẽ bị phạt tù từ vài năm đến cả chục năm và bị tịch thu tất cả các khoản thu nhập trái pháp luật. Thế mới thấy “thuốc” bốc cho “căn bệnh” trầm kha nói trên tỏ vẻ như không phát huy được tác dụng.

Một trường hợp gần đây gây xôn xao giới chứng khoán là trường hợp đầu tiên bị Thanh tra Ủy Ban Chứng Khoán ra quyết định phạt tiền 30 triệu đồng vì hành vi “thông đồng trong giao dịch chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo” đối với một cá nhân ngụ ở quận 3, TP.HCM. Tiếp sau đó là quyết định phạt 2 cá nhân khác với số tiền lần lượt là 100 triệu và 60 triệu đồng do việc cấu kết với nhau liên tục mua và bán chứng chỉ quỹ VFMVF1 để thao túng giá của chứng khoán này trên thị trường (theo tin từ Vietnamnet). Đây là mức phạt cao nhất đối với 1 cá nhân từ trước đến nay. Tuy đây là dấu hiệu tốt cho thấy cơ quan quản lý đã lưu tâm và theo dõi sát các hành vi trên thị trường, tuy nhiên vẫn chưa phát hiện được trường hợp vi phạm nào của các tổ chức, quỹ đầu tư, trong khi đây mới chính là “cá lớn” có khả năng khuynh đảo thị trường với số vốn cực lớn trong tay.

## **2.6. Kinh nghiệm của các thị trường chứng khoán trên thế giới**

### **2.6.1. Mỹ**

Sở giao dịch tiêu biểu là Sở giao dịch chứng khoán New York (New York Stock Exchange)

Sở giao dịch chứng khoán New York hoạt động dưới hình thức sở hữu thành viên.

Hội đồng quản trị của Sở giao dịch chứng khoán New York có 25 thành viên, trong đó có: 1 chủ tịch, 12 thành viên đại diện cho công chúng, và 12 thành viên đại diện cho các công ty chứng khoán thành viên. Đại diện cho công chúng là các công ty niêm yết, các học giả và các đại diện khác của công chúng.

Giờ giao dịch thông thường là từ 09:30 – 16:00

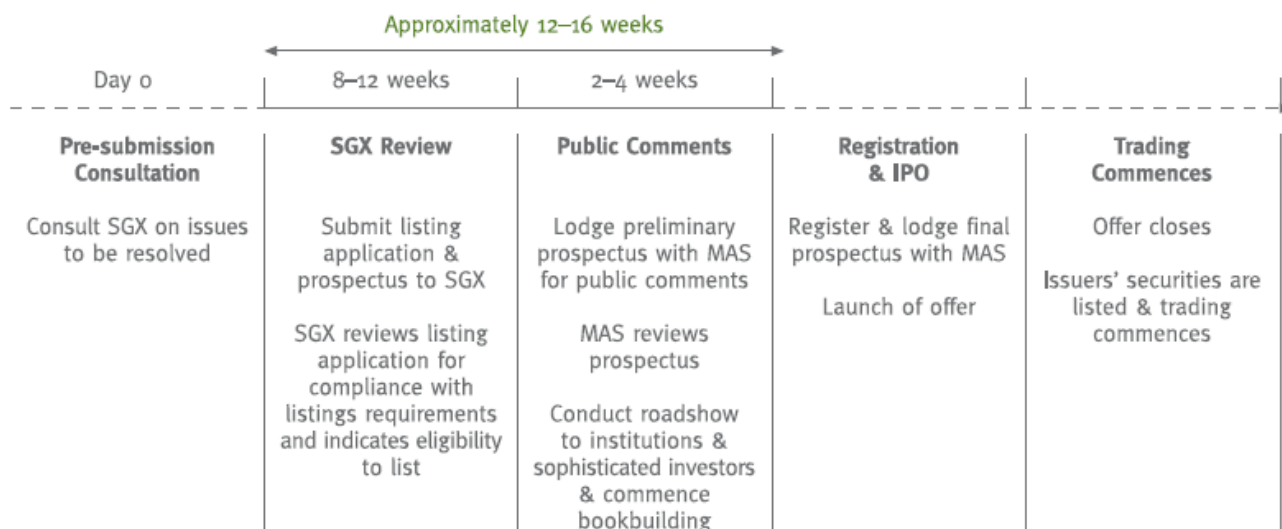
Ở Mỹ, các nhà môi giới và tổ chức giao dịch chứng khoán đều phải đăng ký, hiện số nhà môi giới vào khoảng 150.000 người. Với 9 sàn giao dịch chứng khoán ở tầm quốc gia và nhiều sàn thứ cấp, mỗi bang có một đơn vị quản lý riêng. Tuy nhiên, họ thường xuyên gặp gỡ, trao đổi thông tin, điều phối cả khía cạnh thanh tra. Theo luật Mỹ, hàng năm đều có những cuộc kiểm tra định kỳ với các nhà môi giới và hãng đầu tư, song doanh nghiệp còn chịu sự kiểm tra đột xuất dựa trên thông tin thị trường và khiếu nại của NĐT.

Các thành viên của Sở giao dịch chứng khoán New York bao gồm các chuyên gia, nhà môi giới hưởng hoa hồng của công ty thành viên, nhà môi giới độc lập, nhà tạo lập thị trường.

## 2.6.2. Singapore

Sở giao dịch chứng khoán Singapore (The Singapore exchange – SGX)

Quy trình niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Singapore:



(Nguồn: <http://www.ses.com.sg/>)

Thời gian giao dịch:

Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, từ 9h00 đến 12h30 và từ 14h00 đến 17h00. Ngoài ra từ 8h30 đến 9h00 là thời gian giao dịch trước khi mở cửa (pre-open) và từ 5h00 đến 5h06 dành cho giao dịch trước khi đóng cửa (pre-close).

Sở ngừng giao dịch vào ngày cuối tuần và các ngày lễ. Nếu ngày lễ rơi vào ngày Chủ Nhật thì ngày thứ hai kế tiếp sẽ là ngày nghỉ lễ.

Lô cổ phiếu giao dịch quy định là 1.000 cổ phiếu. Tuy nhiên, giao dịch cổ phiếu lẻ vẫn được chấp nhận.

Phí môi giới (có hiệu lực từ ngày 01/10/2000):

Phí môi giới được xác định dựa trên thỏa thuận giữa các bên.

Các loại chi phí khác:

+ Phí đánh 0.04% trên giá trị hợp đồng, tối đa là S\$600.

+ Các loại thuế dịch vụ và hàng hóa hiện hành.

Thuế cổ tức/thuế thu nhập: không đánh thuế cổ tức/thuế thu nhập đối với cổ tức trả cho người nước ngoài. Tuy nhiên, thuế phải nộp của doanh nghiệp sẽ được khấu trừ từ khoản cổ tức gộp phải trả.

Quản lý ngoại hối:

Không áp dụng việc quản lý ngoại hối hoặc thuế lợi tức trên giao dịch chứng khoán đối với người nước ngoài. Sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài chỉ bị giới hạn ở một số công ty nhất định. Đồng thời SGX cũng không hạn chế việc chuyển trả về nước tiền từ thu nhập, vốn và lợi tức.

Không hạn chế việc mua chứng khoán nước ngoài nhưng cổ tức nhận được từ nước ngoài phải đóng thuế.

#### **2.6.4. Hồng Kông**

Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (The Stock Exchange of Hong Kong, Ltd) hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Địa chỉ: P.O. Box 8888, tầng 1, One&Two-Exchange Square, Central Hong Kong.

Điện thoại : (852) 2522 1122 Fax: (852) 2810 4475 Email:  
info@sehk.com.hk

Giờ giao dịch:

- Phiên mở cửa (Pre-opening session): 09:30 – 10:00
- Phiên giao dịch liên tục: 10:00 – 12:30
- 14:30 – 16:00, từ thứ hai đến thứ sáu

Giá đóng cửa được xác định bằng cách lấy điểm giữa của 5 mức giá đặt vào phút giao dịch cuối cùng.

Phương thức giao dịch: Khách hàng gọi cho nhân viên môi giới (broker) để đặt lệnh. Broker sau đó gọi cho nhân viên tại sàn để nhập lệnh qua hệ thống máy tính. Hệ thống điện toán này là hệ thống thực hiện và khớp lệnh tự động (Automatic Order Matching and Execution System – AMS). Chứng khoán được chia phân làm 2 loại: loại tự động và không tự động. Vào tháng 01/1996, một thiết bị thứ 2 đã được triển khai bằng cách lắp đặt tại các văn phòng của các thành viên của Sở giao dịch. Thiết bị này dựa trên cơ sở giao dịch hoàn toàn tự động.

Việc thanh toán giao dịch:

Kỳ hạn thanh toán là ngày T+2. Công ty thanh toán chứng khoán Hong Kong – The Hong Kong Securities Clearing Company (HKSCC) – thực hiện chức năng như một trung gian thanh toán giữa các broker và các tổ chức tài chính khác. Hệ thống điện toán thực hiện chức năng thanh toán bù trừ sẽ ghi nhận tự động các hoạt động giao nhận chứng khoán giữa các tài khoản chứng khoán với nhau.

Các loại chứng khoán hiện có trên thị trường chứng khoán Hồng Kông:

Cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi, cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi, trái phiếu, đơn vị quỹ, quyền và chứng quyền.

Yêu cầu về báo cáo đối với các công ty niêm yết trên SEHK:

Các công ty niêm yết phải công bố cho các cổ đông và cho SEHK các thông tin về việc chia cổ tức, các thông báo liên quan đến lãi/lỗ và các thông tin khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty. Các thành viên hội đồng quản trị phải báo cáo các khoản vay và nợ ngân hàng của công ty và của từng thành viên HĐQT, cùng với các khoản lãi phát sinh từ khoản vốn góp của họ vào công ty.

Điều kiện niêm yết trên SEHK:

Công ty phải có lãi liên tục 3 năm. Mức lãi yêu cầu là 20 triệu HK\$ vào năm gần nhất và 30 triệu HK\$ vào 2 năm kế tiếp. Các điều kiện khác bao gồm: số lượng vốn phát hành ra công chúng, chi tiết về tài sản, vốn và tình hình tương lai của công ty.

Phí hoa hồng trên giao dịch bán chứng khoán:

Khoản thuế đánh trên mỗi giao dịch bán là 0.007% (ở Việt Nam hiện tại mức thuế đánh vào giao dịch bán chứng khoán là 0.1% trên trị giá giao dịch, chỉ áp dụng cho tổ chức đầu tư nước ngoài)

Mức thuế áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài (khác Hồng Kông):

Không áp dụng thuế đánh trên phần cổ tức và lợi nhuận trên vốn của nhà đầu tư. (hiện tại ở Việt Nam cũng chưa áp dụng loại thuế này)

Quy định về sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với ngành phát thanh truyền hình (television broadcasting), trừ ngành phát thanh qua vệ tinh, là 49%. Đây là giới hạn duy nhất về sở hữu đối với các nhà đầu tư nước ngoài. (ở Việt Nam, giới hạn sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài là 30% đối với các doanh nghiệp thuộc ngành ngân hàng, còn lại tất cả các ngành khác thì đều giới hạn sở hữu ở mức 49%).

Thuế và phí giao dịch:

SEHK áp dụng mức phí giao dịch là 0.005% (TTGDCK TP.HCM, nay là Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, hiện áp dụng mức phí giao dịch là 0.05% đối với các thành viên). Còn thuế giao dịch là HK\$0.50 đánh trên mỗi giao dịch mua/bán.

Các chỉ số:

Sự biến chuyển về giá chứng khoán trên SEHK được đo lường bởi chỉ số Hang Seng (HSI). Chỉ số Hang Seng dựa trên tỷ trọng vốn của 33 loại cổ phiếu. Chỉ số này được chia thành 4 chỉ số phụ: chỉ số về tài chính, chỉ số về tài sản, chỉ số về thương mại và chỉ số về dịch vụ.

Ngoài ra còn có chỉ số HKEx GEM, chỉ số tỷ trọng mức vốn hoá thị trường thả nổi, dùng để đo lường thị trường của các doanh nghiệp phát triển (the Growth Enterprise Market). Chỉ số này bao gồm các loại chứng khoán đáp ứng các yêu cầu về khả năng thanh toán rất nghiêm ngặt.

Thông tin chung:

Giao dịch chứng khoán ở Hồng Kông xuất hiện từ năm 1866 mặc dù Sàn giao dịch đầu tiên đến năm 1891 mới hình thành. Vào năm 1914, sàn giao dịch được đổi tên từ Hiệp hội các nhà môi giới chứng khoán ở Hồng Kông (the Association of

Stockbrokers in Hong Kong) thành Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (Hong Kong Stock Exchange). Vào năm 1921, sàn giao dịch thứ hai ra đời có tên là Hội các nhà môi giới Hồng Kông (the Hong Kong Stockbrokers Association). Hai trung tâm này hợp nhất vào năm 1947. Vào cuối những năm 60 và đầu những năm 70 thêm 3 trung tâm giao dịch địa phương nữa hình thành. Sự sụp đổ của thị trường vào năm 1973 đã dẫn đến sự hợp nhất của 4 trung tâm giao dịch thành Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông, HKSE, ngày nay vào ngày 07/07/1980.

### **2.6.5. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Do thị trường chứng khoán Việt Nam còn đang trong giai đoạn học hỏi để phát triển nên vẫn còn nhiều nhược điểm so với các thị trường đã hoạt động lâu đời. Số lượng hàng hóa của thị trường chúng ta vẫn còn rất hạn chế. Cùng với xu thế phát triển thì sắp tới chúng ta cần phải mở rộng thêm nhiều loại hàng hóa khác nhau.

So với các thị trường chứng khoán khác thì mức phí, thuế hiện tại của Việt Nam vẫn còn khá cao, chẳng hạn:

- Thuế đánh trên giao dịch bán chứng khoán: ở Việt Nam áp dụng mức 0.1% trên trị giá bán, trong khi tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài thường áp dụng mức thấp hơn khoảng 100 lần (Tại sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông, mức thuế thu trên giá trị bán chỉ bằng 0.007%). Tuy nhiên mức thu này chỉ áp dụng đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, chưa áp dụng đối với cá nhân.
- Mức thu phí thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh cũng cao gấp 10 lần so với Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (chỉ thu 0.005%). Mức thu này là khá cao so với các Sở giao dịch chứng khoán thế giới. Vì vậy trong tương lai khi Sở giao dịch chứng khoán đã đi vào hoạt động ổn định Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh có thể xem xét giảm mức thu phí thành viên đối với các công ty chứng khoán thành viên.
- Hầu hết ở các thị trường chứng khoán lâu đời đều xây dựng các chỉ số (index) theo ngành hoặc nhóm ngành, nhóm công ty, vv.... làm thước đo sự vận động của thị trường chứng khoán như chỉ số Hang-Seng ở Hồng Kông, chỉ số Dow Jones,

Nasdaq...ở Mỹ, v.v....Ở Việt Nam hiện tại chỉ số VN Index dựa trên giá và khối lượng lưu hành của các công ty niêm yết trên sàn TP.HCM được xem là chỉ số đại diện cho toàn bộ thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong khi đó Việt Nam hiện có 2 sàn giao dịch ở Hà Nội và TP.HCM, tuy sàn Hà Nội cũng có riêng chỉ số HaSTC index nhưng lại bị tách biệt ra khỏi chỉ số VN-Index và không được dùng như một chỉ số chung tiêu biểu cho thị trường chứng khoán Việt Nam. Do đó các Sở/TTGDCK nên cùng với UBCKNN xem xét xây dựng thêm một chỉ số VN-Index tổng hợp cho toàn thị trường, đồng thời cũng xây dựng thêm các chỉ số theo nhóm ngành hoặc nhóm công ty đặc biệt khi số lượng hàng hóa trên thị trường ngày càng tăng.



## CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TẬP TRUNG TẠI TP.HCM

### 3.1. Các giải pháp phát triển hệ thống:

#### 3.1.1. Hệ thống thành viên:

❖ Hiện tại nếu chỉ xét riêng hệ thống công ty chứng khoán thành viên thì có khoảng 48 công ty tính riêng cho sàn giao dịch TP.HCM và 55 công ty cho toàn thị trường thì cũng có khoảng một số tương đương như vậy nộp đơn lên UBCKNN xin cấp giấy phép thành lập, và như vậy số công ty chứng khoán đến cuối năm 2007 ước tính lên đến gần 100 công ty. Nếu các công ty này đủ điều kiện và được cấp phép thì số lượng công ty chứng khoán của thị trường chứng khoán Việt Nam tương đương với số lượng công ty chứng khoán của Trung Quốc trong khi thị trường chứng khoán Trung Quốc có quy mô lớn hơn nhiều so với thị trường chứng khoán Việt Nam.

Để đáp ứng được nhu cầu phát triển của thị trường và bảo vệ lợi ích nhà đầu tư thì cơ quan quản lý cần xem xét kỹ trước khi cấp phép đầu tư và chỉ cấp phép cho công ty nào đủ cơ sở vật chất cũng như nguồn nhân lực đạt chất lượng để tránh tình trạng chênh lệch lớn về trình độ cũng như cơ sở vật chất giữa các công ty chứng khoán.

Vừa qua có những thông tin xung quanh việc UBCKNN có thể sẽ ngừng cấp phép thành lập cho các công ty chứng khoán mới. Tuy chưa trở thành quy định chính thức nhưng thông tin nói trên gây được sự quan tâm đặc biệt của công chúng. Dù cho có quá nhiều công ty chứng khoán thành lập thì cũng không nên hạn chế sự ra đời của loại hình công ty này bằng cách ngừng cấp phép thành lập mà nên để cho thị trường tự đào thải những doanh nghiệp nào yếu kém. Doanh nghiệp có yếu kém hay không thiết nghĩ nên để cho thị trường, nhà đầu tư tự quyết định, Nhà nước không nên can thiệp để quyết định công ty chứng khoán nào thành công hơn. Điều đó vừa đi ngược lại với quy luật của nền kinh tế thị trường vừa trái với quy định “người dân được làm những gì pháp luật không cấm”.

❖ Xem xét việc thu nhận thêm các thành viên nước ngoài để tạo ra môi trường cạnh tranh tích cực cho các công ty chứng khoán trong nước, đồng thời tạo điều kiện để các công ty chứng khoán trong nước học hỏi thêm kinh nghiệm từ các thị trường phát triển.

### 3.1.2. Hệ thống niêm yết

❖ Chuẩn bị cho việc đa dạng hóa các loại chứng khoán niêm yết như các công cụ tài chính khác: chứng quyền (rights, warrants), hợp đồng quyền chọn (option), hợp đồng tương lai (future)... như các thị trường chứng khoán khác. Đây là một bước phát triển cao hơn của thị trường chứng khoán, đòi hỏi sự tiến bộ về công nghệ, hoàn thiện về đội ngũ quản lý, đồng thời đòi hỏi hoạt động của thị trường phải mang tính công bằng, công khai, hiệu quả và tuân thủ các nguyên tắc, luật lệ chung của thế giới.

❖ Về điều kiện niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán: Ngoài các tiêu chuẩn theo quy định, khi Sở Giao Dịch Chứng Khoán đi vào hoạt động thì tiêu chuẩn niêm yết nên được bổ sung thêm các tiêu thức một cách cụ thể hơn, như:

- Doanh thu: Đối với một số ngành nghề hoặc lĩnh vực hoạt động thì việc quy định doanh số tối thiểu theo đặc trưng và mặt bằng chung của ngành nên được đưa ra nhằm chọn lọc các công ty có chất lượng cao hơn.
- Tỷ lệ nợ: để đảm bảo tình trạng tài chính hợp lý của các công ty niêm yết. Tỷ lệ nên thấp hơn tỷ lệ nợ bình quân của các công ty cùng ngày, cùng lĩnh vực. Tuy nhiên tỷ lệ nợ trên vốn sẽ không được áp dụng đối với các lĩnh vực hoạt động tài chính tiền tệ như ngân hàng, bảo hiểm, công ty cho thuê tài chính.
- Giá trị tài sản trên thu nhập: quy định về tỷ lệ này so với một mức tối thiểu nào đó là một tiêu chí nhằm loại trừ các công ty không hiệu quả trong việc tạo ra thu nhập cho cổ đông từ những tài sản mà cổ đông đã bỏ ra để đầu tư. Tiêu thức này nhằm duy trì một thị trường niêm yết chất lượng cao.
- Lợi nhuận: mức lợi nhuận trước thuế được đặt ra nhằm tạo động lực phấn đấu cho các công ty hoạt động chưa tốt hoặc chưa phấn đấu hết mình.

Tuy nhiên tỷ lệ lợi nhuận có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế của nền kinh tế cũng như quy mô thực sự của thị trường chứng khoán.

❖ Nên dần phổ biến việc định mức tín nhiệm, một hình thức thông hành trên thị trường vốn cho các doanh nghiệp niêm yết. Định mức tín nhiệm là việc đánh giá chất lượng, mức độ tin cậy, khả năng thanh toán của một công ty phát hành đối với các công cụ nợ dựa trên các yếu tố rủi ro có liên quan (công cụ nợ có thể là các công cụ ngắn hạn như: hối phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc dài hạn như: trái phiếu, cổ phần ưu đãi cổ tức), tuy nhiên việc đánh giá định mức tín nhiệm cũng góp phần giúp cho việc đánh giá chất lượng của công ty phát hành, tạo niềm tin và kỳ vọng của nhà đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp đó.

Định mức tín nhiệm có vai trò rất quan trọng đối với thị trường tài chính mỗi quốc gia, đặc biệt là nền tài chính mới nổi như Việt Nam thì sự có mặt của các công ty định mức tín nhiệm lớn trên thế giới chắc chắn sẽ tạo được niềm tin và góp phần thu hút mạnh mẽ nguồn vốn của các nhà đầu tư nước ngoài. Đối với các công ty phát hành, định mức tín nhiệm giúp huy động vốn với chi phí hợp lý, hiệu quả, là một phương tiện để các công ty quảng bá thương hiệu với thị trường không những trong nước mà còn ở nước ngoài, đồng thời tạo ra cơ chế kiểm soát công khai, tạo động lực cho công ty cơ cấu tài chính, cải tiến quy trình quản lý, chất lượng và hiệu quả hoạt động. Đối với giới đầu tư và các tổ chức tín dụng, định mức tín nhiệm là một chỉ tiêu để nhà đầu tư quyết định nên hay không nên đầu tư vào công ty nào, đồng thời cũng là cơ sở để các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng quyết định các dự án vay vốn.

Định mức tín nhiệm vừa phản ánh độ tin tưởng, khả năng thanh toán của nhà phát hành, vừa là một tiêu chí đánh giá chung đối với doanh nghiệp. Việc đánh giá doanh nghiệp dựa trên định mức tín nhiệm sẽ góp phần giảm thiểu những hậu quả đáng tiếc từ việc đầu tư thiếu thông tin.

3 công ty định mức tín nhiệm lớn nhất thế giới là: Moody's (do nhà đầu tư tài chính John Moody người Mỹ khởi xướng), Standard & Poor (một bộ phận của tập đoàn McGraw-Hill) và Fitch.

Kết quả đánh giá định mức tín nhiệm doanh nghiệp được thể hiện ở các ký hiệu từ A (tốt nhất) đến D (mất khả năng thanh toán) và mỗi công ty định mức tín nhiệm có cách ký hiệu riêng với kết quả đánh giá định mức tín nhiệm của mình. Tuy nhiên, kết quả đánh giá nói chung đều phân thành hai loại : đầu tư và không nên đầu tư. Ký hiệu định mức tín nhiệm dài hạn của 3 công ty lớn được tóm tắt theo bảng dưới đây:

**Bảng 7: Bảng ký hiệu định mức tín nhiệm dài hạn**

Ký hiệu định mức tín nhiệm			Giải thích
Moody's	S&P	Fitch	
Aaa	AAA	AAA	Chất lượng cao nhất, hoàn toàn tin tưởng, ổn định, độ rủi ro thấp nhất
Aa1, Aa2, Aa3	AA	AA	Chất lượng rất cao, rủi ro rất thấp
A1, A2, A3	A	A	Hạng khá, rủi ro thấp, tuy nhiên có thể bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế
Baa1, Baa2, Baa3	BBB	BBB	Hạng trung bình, có thể chứa đựng những yếu tố rủi ro, tuy nhiên vẫn an toàn trong hiện tại
Ba1, Ba2, Ba3	BB	BB	Có yếu tố rủi ro, có thể gặp khó khăn trong trả nợ, dễ bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế
B1,B2,B3	B	B	Rủi ro cao, tình hình tài chính có thể biến động mạnh theo thời gian
Caa1, Caa2, Caa3	CCC	CCC	Rủi ro rất cao, chỉ có khả năng trả nợ nếu tình hình kinh tế lạc quan và không xấu đi
Ca	CC,C	CC,C	Vô cùng rủi ro, có thể đã phá sản hoặc gần phá sản nhưng đang cố gắng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán
	CI,R		Đang bị giám sát hoạt động do không có khả năng thanh toán
C	SD,D	D	Xếp hạng thấp nhất, phá sản hoặc sẽ bị phá sản trong hầu hết các trường hợp.

Việc đánh giá định mức tín nhiệm được thực hiện dựa trên 2 tiêu chí cơ bản là định tính và định lượng, hay còn gọi là phân tích kinh doanh và phân tích tài chính. Các yếu tố định tính được xem xét theo phương pháp bậc thang 3 bước:

- Tình hình và triển vọng phát triển kinh tế đất nước, các yếu tố rủi ro vĩ mô, chính sách của Nhà nước có ảnh hưởng đến ngành và công ty.
- Đặc điểm của các ngành kinh tế mà công ty đang tham gia; triển vọng phát triển của ngành đó trong nền kinh tế quốc dân; tác động, ảnh hưởng của những yếu tố vĩ mô trong và ngoài nước tới ngành kinh tế; vị trí, thị phần của công ty trong ngành.
- Chính sách quản lý trong sản xuất – kinh doanh, chính sách tài chính, quản lý vốn, marketing, bán hàng, đặc điểm công nghệ, quy trình sản xuất, khả năng, kinh nghiệm của bộ máy lãnh đạo...

Các yếu tố định lượng được xem xét dựa trên các báo cáo tài chính đã được kiểm toán, công ty định mức tín nhiệm sẽ tính toán tất cả các chỉ số tài chính để đưa ra những nhận định đầy đủ nhất về tình hình tài chính hiện tại và tương lai của công ty.

Ở Việt Nam khái niệm này còn rất mới, nhận thức thị trường về định mức tín nhiệm còn khá “xa vời”. Hiện tại cả nước mới chỉ có 3 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực có liên quan đến định mức tín nhiệm là: Công ty thông tin tín nhiệm và xếp hạng doanh nghiệp C&R; Trung tâm thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước và Trung tâm đánh giá tín nhiệm doanh nghiệp (CRVC) thuộc Công ty phần mềm và truyền thông Vietnamnet. Tuy nhiên cả 3 doanh nghiệp này đều chưa phải là tổ chức đánh giá định mức tín nhiệm theo đúng nghĩa vì hoạt động chính hiện nay vẫn chỉ là cung cấp thông tin có liên quan tới các doanh nghiệp mà chưa thực hiện nghiệp vụ đánh giá định mức tín nhiệm theo chuẩn mực quốc tế. Trong số 3 đơn vị nói trên thì CRVC hiện đã phải tạm ngừng hoạt động do chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của các cấp chức năng và

của thị trường. Còn đối với các doanh nghiệp cần được đánh giá định mức tín nhiệm thì trong hàng vạn doanh nghiệp ở nước ta hiện mới chỉ có 2 doanh nghiệp thuê đánh giá định mức tín nhiệm: một là Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), hai là Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (Techcombank). Và Moody's là công ty được thuê. Do đó việc cho phép thành lập các tổ chức định mức tín nhiệm đủ điều kiện tại Việt Nam và cho phép một số tổ chức định mức tín nhiệm có uy tín của nước ngoài thực hiện hoạt động tại Việt Nam là việc làm cần thiết.

Cùng với đà phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư dần dần sẽ trở nên khó tính hơn đối với các doanh nghiệp phát hành, họ sẽ không chỉ dựa vào danh tiếng của công ty để quyết định đầu tư mà còn cần phải có một cơ sở để tin tưởng vào tình hình hoạt động, thực lực của công ty. Trong tương lai khi các doanh nghiệp của chúng ta niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài (như Vinamilk, SSI,...) thì các tên tuổi như Moody's, Standard & Poor, Fitch sẽ trở nên dần quen thuộc với thị trường chứng khoán Việt Nam. Đó tất yếu là xu thế hội nhập.

### ***3.1.3. Hệ thống công nghệ - thông tin:***

#### ***3.1.3.1. Về phía cơ quan quản lý Nhà nước:***

##### ***- Nâng cao cơ sở hạ tầng:***

Hiện nay Trung Tâm Giao Dịch chứng khoán TP.HCM đang chuyển thành Sở Giao Dịch Chứng Khoán, đồng nghĩa với việc trở thành một công ty hạch toán độc lập, các thành viên có thể tham gia góp vốn để hình thành và phát triển. Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chủ động hơn trong việc quản lý, điều hành thị trường, cũng như tự chủ được nguồn tài chính, đáp ứng được tính nhanh nhạy của thị trường hơn thay vì phải sử dụng vốn ngân sách và phải thông qua quy trình, cơ chế xét duyệt của Nhà nước như lâu nay.

Về cơ sở hạ tầng, việc áp dụng dần phương thức khớp lệnh liên tục là cần thiết tuy nhiên chúng ta cần phải chủ động hơn trong vấn đề công nghệ. Sở Giao Dịch chứng

khoán cần tận dụng quyền tự chủ về tài chính của mình để mời thầu mua phần mềm giao dịch mà chúng ta có thể chủ động trong việc mở rộng, nâng cấp hệ thống khi thị trường phát triển, tránh tình trạng bị lệ thuộc vào nước ngoài như hiện nay.

Khi áp dụng phương thức khớp lệnh liên tục, các công ty chứng khoán và nhà đầu tư cần phải thường xuyên và kịp thời nhận được tình hình giao dịch, báo giá trên thị trường. Muốn như vậy thì hệ thống báo giá điện tử kết nối giữa Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các công ty chứng khoán phải hoạt động tốt, các lệnh được nhập vào hệ thống phải lập tức được xử lý và truyền qua các kênh khác nhau cho người sử dụng.

Đối với Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, hiện tại số lượng thành viên ngày càng tăng dẫn đến việc phải đối diện với tình hình “kín” chỗ cho các đại diện giao dịch sàn. Số lượng tối đa mà sàn còn có thể “chứa” chỉ là 12 thành viên trong khi đó số lượng công ty chứng khoán xin cấp phép ngày càng tăng. TTGDCK TP.HCM vừa ra quy định mới là các công ty chứng khoán mới đã được UBCKNN cấp giấy phép thành lập có thể không được nhận làm thành viên của TTGDCK TP.HCM. Như vậy, cho dù không ngừng việc cấp phép thành lập cho công ty chứng khoán mới thì các công ty này cũng có khả năng là không thể trở thành thành viên của TTGDCK TP.HCM, nghĩa là kèm với việc không có đại diện giao dịch sàn để nhập lệnh vào hệ thống trung tâm. Hàng loạt những bất cập có thể nảy sinh quanh vấn đề này. Do đó vấn đề cấp bách trước mắt là Sở cần phải nâng cấp và phát triển hệ thống giao dịch hiện đang sử dụng nhằm đảm bảo cho hệ thống được vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng khả năng mở rộng về số lượng thành viên giao dịch, cụ thể là:

- Triển khai việc chuyển các màn hình nhập lệnh tại sàn hiện tại (DCTerm) về địa điểm của các công ty chứng khoán để giải quyết tình trạng “kín sàn”.
- Dẫn chuyển sang hình thức giao dịch trực tuyến. Đối với hình thức giao dịch trực tuyến đòi hỏi Công ty chứng khoán thành viên phải có hệ thống front-office cho phép giao tiếp với máy chủ giao dịch thông qua gateways để chuyển lệnh và nhận thông tin giao dịch.

- o Tiếp tục sử dụng hình thức giao dịch sàn dành cho các công ty chứng khoán chưa có hệ thống front-office.

UBCKNN, Trung tâm lưu ký chứng khoán cũng cần phải chuẩn bị hạ tầng về kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của TTCK, nâng cao tính an toàn chứng khoán của các công ty đại chúng.

*- Nâng cấp và bổ sung thông tin tại website của cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán.*

Mở rộng và nâng cấp các hình thức phổ biến thông tin ra công chúng như: website, bảng điện tử, các ấn phẩm của Sở Giao Dịch, điện thoại tự động trả lời.

*- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch:*

Để đảm bảo tính công khai, minh bạch của thị trường, bảo vệ nhà đầu tư các cơ quan quản lý cần phải thực hiện được các yêu cầu: thông tin cần phải được công bố đầy đủ và kịp thời, đặc biệt là các thông tin quan trọng; ngăn ngừa và xử lý nghiêm đối với các hành vi gây hiểu lầm, hành vi thao túng thị trường hoặc lừa đảo.

Cơ quan quản lý cần tăng cường việc giám sát để sớm phát hiện các giao dịch không công bằng. Chúng ta có thể học tập từ các cơ quan quản lý chứng khoán của các nước phát triển, như UBCK Mỹ (SEC) chẳng hạn, xây dựng một phần trong trang web của SEC để cho các nhà đầu tư gửi các khiếu nại, phản ánh của họ và các khiếu nại, phản ánh đó đều được cơ quan quản lý xem xét và xử lý một cách nghiêm túc.

*- Tăng cường hội nhập và học hỏi:* bằng cách hợp tác song phương với UBCK, Sở giao dịch chứng khoán các nước; hỗ trợ DN Việt Nam niêm yết tại thị trường chứng khoán nước ngoài và xây dựng lộ trình hội nhập cho các tổ chức kinh doanh chứng khoán.

### 3.1.3.2. Về phía các doanh nghiệp niêm yết:

- Chủ động và tích cực trong việc công bố thông tin. Ngoài các loại thông tin bắt buộc phải công bố, các doanh nghiệp nên công bố thêm các loại thông tin khác như một cách tự quảng bá cho mình với công chúng đầu tư. Để được như vậy thì cần có sự hỗ trợ, khuyến khích của Sở Giao Dịch Chứng Khoán cho loại công bố này.



- Tôn trọng nguyên tắc công khai và minh bạch. Hiện nay có nhiều trường hợp giao dịch nội bộ của các lãnh đạo, thành viên HĐQT của các doanh nghiệp niêm yết không công bố thông tin (như trường hợp giao dịch cổ phiếu RHC của thành viên HĐQT công ty CP Thủy Điện Ry Ninh II, giao dịch cổ phiếu VTB của thành viên Ban Kiểm Soát công ty CP Điện Tử Tân Bình, giao dịch cổ phiếu PAC của thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Pin Ấc Quy Miền Nam, giao dịch cổ phiếu SJS của thành viên HĐQT Công ty CP Sudico,...).

- Đẩy mạnh kênh thông tin qua website công ty và tận dụng các phương tiện thông tin đại chúng để công bố thông tin. Đặc biệt, việc phối hợp với một hoặc nhiều kênh truyền hình để cung cấp thông tin là một hình thức rất tốt vừa để phổ biến thông tin ra công chúng, vừa là cách quảng bá hình ảnh của công ty.

Các thông tin như báo cáo định kỳ, bản cáo bạch, báo cáo tài chính, thông tin trên website công ty nên được công bố bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Có như vậy các nhà đầu tư nước ngoài sẽ thuận lợi hơn trong việc tiếp cận thông tin để quyết định đầu tư.

#### ***3.1.4. Hệ thống giao dịch:***

❖ Tính đến giữa tháng 6/2007, tổng số tài khoản giao dịch chứng khoán đã lên đến khoảng 250,000 tài khoản, và số công ty chứng khoán đã lên đến 55 công ty tính cho toàn thị trường thế nhưng 80% số tài khoản giao dịch chỉ tập trung vào 5 công ty chứng khoán “lão làng” trên thị trường (SSI, BVSC, ACBS, BSC, VCBS). Điều này có thể do thói quen, niềm tin của nhà đầu tư vào các công ty chứng khoán lâu đời, cho nên sàn giao dịch của một số công ty chứng khoán lúc nào cũng chật cứng khách hàng. Có những giai đoạn thị trường “sốt” thì các sàn giao dịch này không thể đáp ứng xuề xòa tất cả các nhà đầu tư dẫn đến chất lượng dịch vụ giảm. Điều này khiến cho một số công ty chứng khoán chọn giải pháp tiêu cực là hạn chế số lượng nhà đầu tư nhỏ, vốn ít để tập trung vào phục vụ các nhà đầu tư vốn lớn hơn. Trong tương lai số lượng tài khoản giao dịch sẽ tăng lên nhiều lần nên các công ty chứng khoán mới phải nỗ lực

xây dựng cơ sở hạ tầng, nhân lực, quản lý,... tốt mới có thể cạnh tranh với các “đàn anh” và thu hút lượng khách hàng mới về phía mình.

Đối với các công ty chứng khoán ra đời lâu năm và đã có sẵn vị thế trên thị trường thì để giữ vững vị thế của mình các công ty chứng khoán cần phải mở rộng sàn giao dịch, thậm chí thuê/mua thêm các địa điểm khác để nhận lệnh của khách hàng. Riêng đối với các công ty chứng khoán vốn có nguồn gốc từ ngân hàng như: Công ty chứng khoán ngân hàng Á Châu - ACBS (công ty mẹ là Ngân hàng TMCP Á Châu – ACB), Công ty chứng khoán ngân hàng Ngoại thương – VCBS (xuất thân từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank), Công ty chứng khoán ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC), v.v... có lợi thế về địa điểm là vì các ngân hàng đã có sẵn các chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng ở khắp các tỉnh, thành nên có thể kết hợp sử dụng các chi nhánh, phòng giao dịch này để làm đại lý nhận lệnh của khách hàng. Với cách kết hợp như vậy, nhà đầu tư ở các nơi có thể đến các đại lý nhận lệnh nào thuận tiện cho việc đặt lệnh đồng thời cũng tiện trong việc sử dụng các dịch vụ của ngân hàng.

❖ Thời gian sắp tới khi thị trường phát triển, số chứng khoán niêm yết trên Sở Giao Dịch ngày càng nhiều và số nhà đầu tư ngày càng tăng thì thời gian giao dịch cũng cần phải tăng thêm để góp phần làm tăng tính thanh khoản của thị trường.

### ***3.1.5. Hệ thống giám sát:***

Thị trường chứng khoán Việt Nam còn non trẻ, các nhà đầu tư hiện vẫn chiếm phần lớn là các nhà đầu tư đơn lẻ, thiếu kinh nghiệm và kiến thức trong kinh doanh chứng khoán do đó là đối tượng bị thiệt hại nhiều nhất đối với các hành vi lừa đảo, gây hiểu lầm, thao túng thị trường...Do đó việc tăng cường kiểm tra, giám sát để ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực nói trên nhằm bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư và lành mạnh hóa thị trường.

Để đạt hiệu quả trong quá trình thanh tra giám sát, điều kiện cần là phải nâng cao kiến thức chuyên môn, đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ chuyên trách.

Hiện nay, trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM đang xây dựng nhiều chương trình giám sát sẽ được áp dụng nhằm hỗ trợ cho công tác giám sát được tốt hơn. Công tác giám sát được tập trung vào 2 mảng: giám sát tuân thủ và giám sát giao dịch. Giám sát tuân thủ là công tác giám sát để phát hiện và ngăn chặn các nhà đầu tư mở cùng lúc nhiều tài khoản giao dịch (hiện tại, theo quy định của UBCKNN, mỗi nhà đầu tư chỉ được mở 1 tài khoản để giao dịch trên thị trường chứng khoán), giao dịch vi phạm chế độ công bố thông tin, vi phạm về vừa mua/bán cùng một loại chứng khoán trong cùng phiên giao dịch, v.v... Giám sát giao dịch nhằm phát hiện và ngăn chặn các giao dịch thao túng và giao dịch nội gián dựa trên việc phân tích những chứng khoán có biến động bất thường. Các trường hợp nghi ngờ cần phải được thường xuyên báo cáo lên UBCKNN để theo dõi, điều tra và xử lý thích hợp.

Sự thành lập Ban Giám Sát thị trường chứng khoán là việc làm thiết thực, cần phải được thực hiện càng sớm càng tốt.

### **3.2. Các giải pháp tạo môi trường phát triển**

#### ***3.2.1. Cơ chế tài chính và chính sách thuế***

##### **3.2.1.1. Cơ chế tài chính:**

Thị trường tiền tệ, trong đó có chứng khoán là thị trường nhạy cảm với những sự kiện biến động về kinh tế, chính trị, xã hội vì vậy nó được coi như là thước đo của nền kinh tế.

Thị trường chứng khoán của Việt Nam còn non trẻ. Sự chưa phát triển của thị trường chứng khoán thể hiện ở chỗ: Các công cụ giao dịch trên thị trường còn nghèo nàn và khối lượng giao dịch còn hạn chế, thị trường chưa thu hút được đông đảo các thành viên tham gia và chưa thể hiện được tính chuyên nghiệp của thị trường.

Để thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán, một số giải pháp đề xuất có thể xem xét như sau:

- Thứ nhất, gia tăng hoạt động hiệu quả của thị trường vốn : tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa, như vậy sẽ kích thích sự phát triển của thị trường chứng khoán đồng thời nhà nước cần có các biện pháp thích hợp thúc đẩy sự quan tâm của các ngân hàng thương mại vào thị trường tiền tệ. Thời gian qua cùng với sự sụt giảm của thị trường chứng khoán thì quá trình IPO các doanh nghiệp lớn cũng bị trì hoãn. Điều quan trọng là lộ trình cổ phần hóa các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty lớn đã được hoạch định, cho nên không nên trì hoãn quá trình có tác động tích cực không chỉ về mặt kinh tế, chính trị xã hội mà còn có vai trò tái cấu trúc lại nền kinh tế , góp phần thay đổi phương thức quản lý và điều hành kinh tế này. Việc đẩy nhanh quá trình phát hành chứng khoán của các tập đoàn, tổng công ty lớn có tác dụng tích cực cho sự khôi phục và phát triển của thị trường.
- Thứ hai, tạo tính chuyên nghiệp trong hoạt động của thị trường chứng khoán bằng cách đa dạng hóa “hàng hóa” trên thị trường.
- Thứ ba, các văn bản pháp lý cho hoạt động của thị trường chứng khoán phải mang tính đồng bộ cao. Đến nay có thể nói các nội dung cơ bản của thị trường chứng khoán đã được cụ thể hóa trong Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 của Quốc Hội ngày 29/06/2006.
- Thứ tư, cơ sở hạ tầng cũng như nhận thức của công chúng về nền kinh tế thị trường, đặc biệt là thị trường tài chính - thị trường tiền tệ còn rất hạn chế, cho nên việc đào tạo, tuyên truyền nhận thức cho đông đảo các tầng lớp xã hội cần phải được thực hiện triệt để.

#### 3.2.1.2. Chính sách thuế:

Theo dự thảo luật thuế thu nhập cá nhân thì nhóm lợi tức cổ phần, cổ phiếu thưởng, chênh lệch chuyển nhượng chứng khoán là 3 nhóm đối tượng bị đánh thuế thu nhập cá nhân, thuế được thu bằng cách khấu trừ tại nguồn. Các khoản thu nhập từ lãi trái phiếu, tín phiếu, lợi tức cổ phần, lợi tức từ các hình thức góp vốn kinh doanh khác cũng thuộc diện chịu thuế thu nhập. Mức thuế dự tính là 25% thu nhập từ chứng khoán. Tuy nhiên mức thuế suất này xem ra còn nhiều

bất hợp lý và không nhận được sự đồng tình của công chúng. Mức thuế 25% được xem là quá cao, cơ quan quản lý thuế không đủ cơ sở pháp lý để xây dựng được phương pháp tính các khoản phí liên quan trực tiếp đến việc tạo ra thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn. Đối với giao dịch cổ phiếu thì việc tính chênh lệch giá bán và giá mua chỉ thực hiện được trên thị trường tập trung vì chứng khoán niêm yết dễ xác định được giá mua, giá bán cụ thể theo từng phiên hoặc từng ngày giao dịch và mỗi nhà đầu tư đều phải mở tài khoản và phải giao dịch tại công ty chứng khoán. Nhưng ở thị trường phi tập trung thì không thể xác định được giá giao dịch là giá thị trường hay giá do thỏa thuận giữa các nhà đầu tư với nhau, do đó cơ sở tính thuế không rõ ràng.

Việc thu thuế từ chứng khoán là cần thiết nhưng mức thu thuế và cách thu thuế cần phải hợp lý.

- Thứ nhất, không áp dụng tính thuế đầu tư chứng khoán đối với các cổ phiếu chưa niêm yết vì không có cơ sở để tính thu nhập.

- Thứ hai, khi tính thuế đối với thị trường tập trung nên dùng phương pháp thuế khoán trên từng giao dịch. Tuy nhiên cách thực hiện không đơn giản vì cơ quan thuế địa phương không thể trực tiếp tiến hành thu thuế hàng trăm ngàn người chơi chứng khoán và sắp tới số lượng người tham gia còn tăng cao hơn nữa. Do đó, cách khả thi nhất là công ty chứng khoán sẽ thay mặt khấu trừ thuế cho Nhà nước. Theo đó, sau mỗi giao dịch bán của nhà đầu tư, công ty chứng khoán sẽ tính số thuế mà nhà đầu tư phải nộp và có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế đó.

Còn đối với thị trường phi tập trung nên lấy mệnh giá cổ phần làm giá tính thuế

- Thứ ba, mức thuế nên thu ở mức như thông lệ quốc tế vì nếu thu thuế quá cao có thể ảnh hưởng đến nỗ lực huy động vốn cổ phần từ công chúng đầu tư của Chính phủ.

- Thứ tư, không nên đánh thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập về lợi tức cổ phần, lợi tức từ hình thức góp vốn kinh doanh vì trước khi doanh nghiệp chia cổ tức hoặc lợi tức góp vốn kinh doanh thì doanh nghiệp nhận vốn góp đã phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp rồi (cổ tức là thu nhập sau thuế). Do đó

nếu đánh thuế như vậy thì vô hình chung cá nhân đã bị đánh thuế 2 lần, dẫn đến vi phạm nguyên tắc không đánh thuế 2 lần đối với một khoản thu nhập.

Ngoài ra, mức thuế đánh trên doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đối với nhà đầu tư nước ngoài hiện tại còn quá cao so với các thị trường chứng khoán nước ngoài. Thuế đánh trên giao dịch bán chứng khoán ở Việt Nam hiện áp dụng mức 0.1% trên trị giá bán, trong khi tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài thường áp dụng mức thấp hơn khoảng 100 lần (chẳng hạn, sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông, mức thuế thu trên giá trị bán chỉ bằng 0.007%). Tuy nhiên mức thu này chỉ áp dụng đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, chưa áp dụng đối với cá nhân và tổ chức trong nước. Xét về lâu dài, mức thuế này nên được điều chỉnh lại cho phù hợp với các thị trường trong khu vực.

### **3.2.2. Đào tạo nhân lực:**

- Phá bỏ thế độc quyền trong việc đào tạo chứng khoán

Chính phủ cần điều chỉnh lại cấu trúc thị trường theo hướng mang tính cạnh tranh cao hơn, nghĩa là tăng số nhà cung ứng dịch vụ đào tạo. Chính sách cho phép 5 trường đại học được đào tạo đã là một bước đi đúng đắn để giải độc quyền trong việc đào tạo. Tuy vậy không nên dừng lại ở con số trên vì điều đó có thể dẫn đến độc quyền nhóm. Việc cho phép các đơn vị có đủ điều kiện nhất định tham gia vào việc đào tạo các khóa học chứng khoán sẽ tạo nên một thị trường cạnh tranh dẫn đến sự tự đổi mới và cải tiến liên tục chất lượng các trung tâm đào tạo.

Vai trò của Ủy ban chứng khoán nhà nước không nên tập trung vào việc đào tạo chứng khoán mà chỉ nên tập trung vào nhóm dịch vụ cấp chứng chỉ hành nghề thông qua tổ chức các kỳ thi sát hạch.

- Nâng cao chất lượng đào tạo cho học viên

Ở Việt Nam hiện nay, trong lĩnh vực đào tạo chứng khoán, có điểm đặc thù là muốn có chứng chỉ hành nghề thì phải học qua 3 khóa đào tạo của UBCK (Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán (TTKHĐTCK)). Điều này tất nhiên đã tạo nên độc quyền trong việc đào tạo. Bởi vì nếu học và nhận chứng chỉ ở chỗ khác thì

không được dự thi cấp chứng chỉ hành nghề, nên học ở những nơi khác sẽ chẳng ích gì; cho nên có thể nói, dịch vụ đào tạo chứng khoán hiện nay là do TTKHĐTCK độc quyền cung ứng (Nguyễn Đức Thành, 2007).

Do vậy việc nâng cao chất lượng đào tạo chứng khoán là không thể trong trường hợp UBCKNN không cập nhật các kiến thức và thông tin mới kịp thời cho các cán bộ đào tạo cũng như đổi mới về cơ sở hạ tầng. Giải pháp hiện nay là UBCK nên có những chương trình hợp tác hợp tác quốc tế nhằm xác định rõ chất lượng đào tạo của bản thân và trên cơ sở đó, học viện sẽ có nhiều cơ hội hơn trong việc tiếp cận những kiến thức và công cụ hành nghề mang tiêu chuẩn quốc tế nhằm đáp ứng nhanh chóng quá trình hội nhập của đất nước.

Hiện tại bối cảnh lao động trong ngành tài chính – chứng khoán còn thiếu hụt, nguồn nhân lực trong ngành không những thiếu mà còn yếu về chất lượng nên cần có sự đào tạo thường xuyên. Sở Giao dịch chứng khoán, cũng như các thành viên nên xem xét đến việc tăng chi phí đào tạo chuyên môn cho đội ngũ nhân lực của mình, không chỉ đào tạo 3 chứng chỉ (luật chứng khoán, chứng khoán căn bản, phân tích) theo quy định mà còn thường xuyên bổ sung các khóa đào tạo ngắn hạn khác để nâng cao trình độ cho họ.

- Thực hiện việc đào tạo nhân lực với các thị trường chứng khoán nước ngoài:

Hợp tác với thị trường chứng khoán nước ngoài về các mặt: hỗ trợ kỹ thuật, trao đổi thông tin, huấn luyện đào tạo, v.v...

Ngoài ra, việc mời các chuyên gia chứng khoán ở các nước phát triển để thực hiện huấn luyện cho các nhân viên trong ngành cũng là một định hướng tốt trong việc đào tạo nguồn nhân lực

### **3.2.3. Các giải pháp khác:**

- Mức thu phí thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh khá cao so với các Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài: hiện thu 0.05% trên tổng giá trị giao dịch của các thành viên (cao gấp 10 lần so với Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông, chỉ thu 0.005). Vì vậy trong tương lai khi Sở giao dịch chứng khoán đã đi vào hoạt

động ổn định Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh có thể xem xét giảm mức thu phí thành viên đối với các công ty chứng khoán thành viên.

- Hầu hết ở các thị trường chứng khoán lâu đời đều xây dựng các chỉ số (index) theo ngành hoặc nhóm ngành, nhóm công ty, vv... làm thước đo sự vận động của thị trường chứng khoán như chỉ số Hang-Seng ở Hồng Kông, chỉ số Dow Jones, Nasdaq... ở Mỹ, v.v.... Ở Việt Nam hiện tại chỉ số VN Index dựa trên giá và khối lượng lưu hành của các công ty niêm yết trên sàn TP.HCM được xem là chỉ số đại diện cho toàn bộ thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong khi đó Việt Nam hiện có 2 sàn giao dịch ở Hà Nội và TP.HCM, tuy sàn Hà Nội cũng có riêng chỉ số HaSTC index nhưng lại bị tách biệt ra khỏi chỉ số VN-Index và không được dùng như một chỉ số chung tiêu biểu cho thị trường chứng khoán Việt Nam. Do đó các Sở/TTGDCK nên cùng với UBCKNN xem xét xây dựng thêm một chỉ số VN-Index tổng hợp cho toàn thị trường, đồng thời cũng xây dựng thêm các chỉ số theo nhóm ngành hoặc nhóm công ty đặc biệt khi số lượng hàng hóa trên thị trường ngày càng tăng.

- Chu kỳ thanh toán bù trừ hiện tại của thị trường chứng khoán hiện nay là ngày T+3, chu kỳ này là khá dài. Xét một thực tiễn trùng hợp cho thấy một số thị trường trong khu vực như Thái Lan, Hồng Kông cũng áp dụng chu kỳ T+3 và các thị trường này đã từng trải qua những thời kỳ chao đảo, riêng thị trường chứng khoán Mỹ áp dụng ngày T+0 và nó hoạt động ổn định cho đến nay. Thực tế ở Việt Nam, tuy ngày thanh toán bù trừ là T+3 nhưng thực tế là T+4 vì chiều ngày T+3 chứng khoán mới về, thì nhà đầu tư chỉ có thể bán được vào sáng ngày T+4. Việc kéo dài chu kỳ này làm giảm vòng quay vốn, tăng rủi ro cho nhà đầu tư. Do đó, việc giảm dần chu kỳ xuống T+2 hoặc T+1 cũng góp phần làm tăng sự sôi động của thị trường. Tuy nhiên điều này cũng phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Sở Giao Dịch chứng khoán.

### **3.3. Các giải pháp cải thiện hệ thống pháp lý**

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế quản lý

Việc ban hành các văn bản pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán đã được sửa đổi hoặc ban hành mới cho phù hợp với sự phát triển của thị trường, đồng bộ



với các văn bản pháp luật khác và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế là một việc làm cần được nhanh chóng triển khai.

Đặc biệt, những văn bản liên quan như Luật các công cụ chuyển nhượng, Pháp lệnh Ngoại hối, Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp cần được Quốc hội xem xét thông qua và cập nhật liên tục sẽ tạo nên khung pháp lí vững chắc cho hoạt động của doanh nghiệp và như vậy sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động thị trường chứng khoán. Việc xây dựng Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán cần được tích cực thực hiện cũng góp phần nâng cao tính đồng bộ, năng lực giám sát và thực thi của hệ thống văn bản pháp quy này.

Với nhiều nội dung đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, Dự thảo Luật cần được sự tư vấn, góp ý của nhiều tổ chức quốc tế nhằm đảm bảo chất lượng cho các văn bản pháp lý ban hành sau này.

## KẾT LUẬN

Thị trường chứng khoán niêm yết TP.HCM nói riêng và thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung đã có sự tăng trưởng vượt bậc đặc biệt là trong năm 2006 đến nửa đầu năm 2007 với sự phát triển nhanh về quy mô vốn, số lượng chứng khoán, giá trị giao dịch, số lượng tài khoản giao dịch. Tuy thị trường có sự điều chỉnh giảm thời gian qua nhưng tiềm năng phát triển vẫn còn rất lớn.

Theo đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, mục tiêu là đến 2010 giá trị vốn hóa thị trường chứng khoán đạt 50% GDP và đến năm 2020 đạt 70% GDP. Với mục tiêu đó, thị trường chứng khoán là thành phần chủ đạo để đưa thị trường vốn trở thành một cấu thành quan trọng của thị trường tài chính Việt Nam, và đến năm 2020 thị trường vốn của chúng ta sẽ phát triển tương đương với các thị trường các nước trong khu vực.

Thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung, thị trường cổ phiếu niêm yết TP.HCM nói riêng sẽ đóng một vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế, và có khả năng liên kết với các thị trường chứng khoán khu vực và quốc tế. Để được như vậy, các giải pháp phát triển thị trường cần phải được thực hiện dần mà trước mắt là việc tập trung phát triển quy mô, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hàng hóa trên thị trường.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Ngọc Thơ (2005), “Tài chính doanh nghiệp hiện đại”, Nhà xuất bản Thống Kê
2. Trần Ngọc Thơ, Nguyễn Ngọc Định (2002), “Tài chính quốc tế”, Nhà xuất bản Thống Kê
3. Phan Thị Bích Nguyệt, (2006), “Đầu tư tài chính”, Nhà xuất bản Thống Kê
4. Nguyễn Thị Ngọc Trang, Nguyễn Thị Liên Hoa, “Phân tích tài chính”, Nhà xuất bản Thống Kê.
5. Lê Văn Tề, Trần Đắc Sinh, Nguyễn Văn Hà (2005), “Thị trường chứng khoán tại Việt Nam”, Nhà xuất bản lao động Hà Nội
6. Brealey and Myers, “Principles of Corporate Finance”, Sixth Edition
7. Lawrence J.Gitman , “Principles of Managerial Finance”, Eleventh Edition
8. Brealey, Myers, Marcus, “Fundamentals of Corporate Finance”, Third Edition
9. Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước - Đào Lê Minh (2002), “Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán”, Nhà xuất bản chính trị quốc gia
10. Hal McIntyre , “How the U.S. Securities Industry Works”, Second Edition
11. Mạng thông tin tài chính Bloomberg
12. Báo đầu tư chứng khoán
13. Thời báo ngân hàng
14. Thời báo kinh tế Sài gòn
15. Báo Đầu Tư
16. Bản tin thị trường chứng khoán – Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM
18. Ủy ban chứng khoán Nhà nước: [www.ssc.gov.vn](http://www.ssc.gov.vn)
19. Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh: [www.vse.org.vn](http://www.vse.org.vn)
20. Trung tâm lưu ký chứng khoán: [www.vsd.vn](http://www.vsd.vn)
21. Website các công ty chứng khoán: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn), [www.dvsc.com.vn](http://www.dvsc.com.vn), [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn), [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn), [www.acbs.com.vn](http://www.acbs.com.vn), [www.bsc.com.vn](http://www.bsc.com.vn),...
22. Các trang web, báo, tạp chí khác
23. Các văn bản luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

**PHỤ LỤC 1: GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT TP.HCM**

Ngày 15 tháng 06 năm 2007

**STOCKS LISTED ON HOCHIMINH SECURITIES TRADING CENTER**

NO.	CODE	COMPANY NAME	SHORT NAME	MAIN SECTOR	OTHER SECTOR	As at		15-Jun-07	
						CHARTERED CAPITAL	OUTSTANDING VOL. (SHARES)	MARKET PRICE	MARKET CAPITALIZATION
1	ABT	BenTre Aquaproduct Import & Export JSC	Aquatex Bentre	Aquaproducts		33,000,000,000	3,300,000	110,000	353,100,000,000
2	AGF	An Giang Fisheries Import & Export J/S Co	Agifish	Aquatic product		78,875,780,000	7,887,578	107,000	914,959,048,000
3	ALT	Tan Binh Culture J/S Co.	Alta	Cultural product	Plastic packaging	15,344,150,000	1,531,145	116,000	83,447,402,500
4	BBC	Bien Hoa Confectionery Co	Bibica	Confectionery		100,617,000,000	10,061,700	54,500	221,357,400,000
5	BBT	Bach Tuyet Cotton Corp	Cobovina	Consumer product		68,400,000,000	6,840,000	22,000	280,440,000,000
6	BHS	Bien Hoa Sugar J/S Co	BSJC	Sugar		168,477,270,000	16,847,727	41,000	7,918,431,690,000
7	BMC	Binh Dinh Minerals JS Co.	BIMICO	Minerals		13,110,000,000	1,311,400	470,000	257,034,400,000
8	BMP	Binh Minh Plastic J/S Co	Binh Minh Plastic	Plastic		139,334,000,000	13,933,400	196,000	528,075,860,000
9	BPC	Bim Son Packaging J/S Co	BPC	Packaging (paper)	Plastic	38,000,000,000	3,800,000	37,900	229,900,000,000
10	BT6	Chau Thoi Concrete Corp No.620	620CC	Concrete product		100,000,000,000	10,000,000	60,500	264,000,000,000
11	BTC	Binh Trieu Construction & Engineering J/S Co	BTC	Machinery	Construction	12,613,450,000	1,351,286	26,400	39,187,294,000
12	CAN	Halong Canned Food J/S Co.	Canfoco	Canned food		50,000,000,000	4,999,880	29,000	349,991,600,000
13	CII	Hochiminh city Infrastructure Investment J/S Co	CII	Construction		300,000,000,000	30,000,000	70,000	1,485,000,000,000
14	CLC	Cat Loi J/S Co.	Cat Loi	Tobacco packaging		100,799,490,000	10,079,949	49,500	705,596,430,000
15	COM	Materials Petroleum J/S Co	Comeco	Fuel		34,000,000,000	3,290,090	70,000	62,511,710,000
16	CYC	Chang Yih Glazed Tile J/S Co	Chang Yih	Ceramic tile		19,905,300,000	9,046,425	19,000	295,818,097,500
17	DCT	Dong Nai Roofsheets & Construction Materials J/S Co	DCT	Roofing	Construction material	120,973,460,000	12,097,346	32,700	961,739,007,000
18	DHA	Hoa An J/S Co	Hoa An	Mining		67,065,000,000	6,706,367	79,500	2,353,934,817,000
19	DHG	Hau Giang Pharmacy JS Co.	DHG	Pharmaceutical products		80,000,000,000	8,000,000	351,000	320,000,000,000
20	DIC	DIC Investment & Commercial JS Co.	DIC	Construction	Construction material	32,000,000,000	3,200,000	40,000	355,200,000,000
21	DMC	Domesco Health Import-Export Joint Stock Company	Domesco	Pharmaceutical products		117,699,990,000	11,769,999	111,000	929,829,921,000
22	DNP	Dong Nai construction Plastic Joint Stock Company	Donaplast	Plastic		20,000,000,000	2,000,000	79,000	74,000,000,000
23	DPC	Da Nang Plastic J/S Co	Danaplast	Plastic	Rubber	15,872,800,000	1,587,280	37,000	206,346,400,000
24	DRC	Da Nang rubber J/S Co.	DRC	Latex processing		130,385,520,000	13,038,552	130,000	743,197,464,000
25	DTT	Do Thanh Industry Joint Stock Copany	Do Thanh	Plastic	Real Estate	20,000,000,000	2,000,000	57,000	99,000,000,000
26	DXP	Doan Xa Port J/S Co.	Doan Xa	Port services		35,000,000,000	3,500,000	49,500	239,750,000,000
27	FMC	Sao Ta Food J/S Co.	Fimex VN	Food		60,000,000,000	6,000,000	68,500	600,000,000,000

28	<b>FPC</b>	Full Power J/S Co	Full Power	Mechanical construction		36,719,160,000	15,000,000	100,000	4,650,000,000,000
29	<b>FPT</b>	FPT Corp.	FPT	IT services		912,153,440,000	91,215,344	310,000	7,297,227,520,000
30	<b>GIL</b>	Binh Thanh Import & Export, Production & Trade J/S Co	Gilimex	Trading		45,500,000,000	4,550,000	80,000	298,025,000,000
31	<b>GMC</b>	Saigon Garment Manufacturing Trade Joint Stock Company	Garmex	Garment products		22,750,000,000	2,275,000	65,500	354,900,000,000
32	<b>GMD</b>	General Forwarding & Agency Corp	Gemadept	Transport	Port service	455,000,000,000	43,447,505	156,000	3,758,209,182,500
33	<b>HAP</b>	Hai Phong Paper J/S Co	Hapaco	Paper		60,002,510,000	5,996,018	86,500	629,581,890,000
34	<b>HAS</b>	Hanoi P&T Construction & Installation J/S Co	Hacisco	Construction		24,967,300,000	2,496,730	105,000	252,169,730,000
35	<b>HAX</b>	Hang Xanh Motors Service Joint Stock Company	Haxaco	Motors trading	Spareparts	16,257,300,000	1,625,730	101,000	204,841,980,000
36	<b>HBC</b>	Hoa Binh real estate trade & construction Joint stock company		Construction		56,399,900,000	5,584,090	126,000	225,038,827,000
37	<b>HBD</b>	Binh Duong PP Packing Joint Stock Co.	Haipac Binh Duong	Packaging		15,350,000,000	1,535,000	40,300	75,982,500,000
38	<b>HMC</b>	HCM Metal Joint Stock Company	HMC	Steel & wastage materials		158,000,000,000	15,800,000	49,500	2,844,000,000,000
39	<b>HRC</b>	Hoa Binh Rubber Joint stock company	Horuco	Latex processing		172,609,760,000	17,237,196	180,000	777,397,539,600
40	<b>HTV</b>	Ha Tien Transport J/S Co	Hatien Transco	Transport		48,000,000,000	4,800,000	45,100	252,000,000,000
41	<b>IFS</b>	Intn'l Food J/S Co	Interfood	Beverage	Food	57,294,720,000	24,284,160	52,500	2,816,962,560,000
42	<b>IMP</b>	Imexpharm Pharmaceutical J/S Co.	Imexpharm	Pharmaceutical products		92,387,500,000	9,238,750	116,000	1,321,141,250,000
43	<b>ITA</b>	Tan Tao Industrial Park J/S Co.	Tan Tao	IP	ICD	600,000,000,000	60,000,000	143,000	14,160,000,000,000
44	<b>KDC</b>	Kinh Do Corp	Kinhdo	Confectionery		299,985,400,000	29,998,540	236,000	1,184,942,330,000
45	<b>KHA</b>	Khanh Hoi Import & Export J/S Co	Khahomex	Furnishing	Trading	65,376,320,000	6,537,632	39,500	264,774,096,000
46	<b>KHP</b>	Khanh Hoa Power J/S Co.	KHP	Electricity		163,220,000,000	16,322,100	40,500	313,384,320,000
47	<b>LAF</b>	Long An Food Processing Export J/S Co	Lafooco	Agricultural product	Food	579,890,100,000	5,798,901	19,200	368,230,213,500
48	<b>LBM</b>	Lam Dong Building Materials Joint Stock Company	LBM	Construction materials		16,391,600,000	1,639,160	63,500	172,111,800,000
49	<b>LGC</b>	LuGia Lighting Joint Stock Company	Lugiaco	Mechanics & electric		10,000,000,000	1,000,000	105,000	37,500,000,000
50	<b>MCP</b>	My Chau printing packing Joint Stock Company	MCP	Printing & packaging		30,000,000,000	3,000,000	37,500	112,500,000,000
51	<b>MCV</b>	Cavico Vietnam and Construction Joint Stock Company	CVCM	Mining & Construction		46,000,000,000	4,600,000	37,500	177,100,000,000
52	<b>MHC</b>	Ha Noi Maritime Holding J/S Co	Marina Hanoi	Transport		67,056,400,000	6,705,640	38,500	838,205,000,000
53	<b>NAV</b>	Nam Viet J/S Co.	Navifico	Cement rootsheets	Construction materials	25,000,000,000	2,500,000	125,000	122,500,000,000
54	<b>NHC</b>	Nhi Hiep Brick – Tile J/S Co	Brico	Clay brick		13,256,230,000	1,325,623	49,000	214,750,926,000
55	<b>NKD</b>	North Kinh Do Food J/S Co	North Kido	Food		100,797,820,000	10,078,758	162,000	624,882,996,000
56	<b>NSC</b>	Central Seed Joint stock Company	NSC	Agricultural products		30,000,000,000	3,000,000	62,000	123,000,000,000
57	<b>PAC</b>	Dry cell & Storage Battery J/S Co	Pinaco	Battery		102,630,000,000	10,263,000	41,000	574,728,000,000
58	<b>PGC</b>	Petrolimex Gas J/S Co	Petrolimex Gas	Gas	Taxi	250,000,000,000	25,000,000	56,000	1,287,500,000,000
59	<b>PJT</b>	Petrolimex Joint Stock Tanker Co.	PJTACO	Transport	Import-export	35,000,000,000	3,500,000	51,500	106,400,000,000
60	<b>PMS</b>	Petroleum Mechanical J/S Co	PMSC	Fuel		52,000,000,000	5,174,110	30,400	159,362,588,000

61	PNC	Phuong Nam Cultural J/S Co	PNC	Cultural product	Film	40,000,000,000	3,992,000	30,800	279,440,000,000
62	PPC	Pha Lai Thermalpower J/S Co	Pha Lai	Electricity		3,107,000,000,000	310,700,000	70,000	50,644,100,000,000
63	PVD	PV Drilling J/S Co.	PV Drilling	Petroleum drilling		680,000,000,000	68,000,000	163,000	8,500,000,000,000
64	RAL	Rang Dong Light Source & Vaccum Flask J/S Co.	Rang Dong	Lighting	Vaccum flask	79,150,000,000	7,915,000	125,000	1,258,485,000,000
65	REE	Refrigeration Electrical Engineering Corp	REE Corp	Refrigeration & Mechanic	Appliance, real estate	572,603,880,000	57,260,388	159,000	2,863,019,400,000
66	RHC	RyNinh Hydropower II J/S Co	RII	Electricity		32,000,000,000	3,200,000	50,000	147,520,000,000
67	SAF	Safoco Food Production Joint Stock Company	SAFOCO	Food		27,060,000,000	2,706,000	46,100	446,490,000,000
68	SAM	Cables & Telecom Materials J/S Co	Sacom	Wire & Cable	Resort	374,394,280,000	37,439,428	165,000	2,583,320,532,000
69	SAV	Savimex Import – Export & Economic Cooperation J/S Co	Savimex	Furnishing		63,959,000,000	6,395,900	69,000	311,480,330,000
70	SCD	Chuong Duong Berverage Joint Stock company	CDBECO	Beverage		85,000,000,000	8,493,050	48,700	390,680,300,000
71	SDN	Dong Nai Painting Joint Stock Company	DONAPACO	Painting products		11,400,000,000	1,140,000	46,000	101,460,000,000
72	SFC	Saigon Fuel J/S Co	SFC	Fuel		17,000,000,000	1,700,000	89,000	360,400,000,000
73	SFI	Sea & Air Freight International	SAFI	Transport		11,380,000,000	1,138,500	212,000	39,847,500,000
74	SFN	Saigon Fishing Net Joint Stock Company	SFN	Fishing net		30,000,000,000	3,000,000	35,000	141,000,000,000
75	SGC	Saigon Hotel Corp	Saigon Hotel	Leisure		40,887,000,000	4,088,700	47,000	740,054,700,000
76	SGH	Sa Giang Export – Import Corp	Sa Giang	Food	Agricultural product	17,663,000,000	1,766,300	181,000	67,119,400,000
77	SHC	Sai Gon Transport J/S Co	SHC	Transport		30,000,000,000	3,000,000	38,000	138,000,000,000
78	SJI	Seafood Joint Stock Company No. 1	SEAJOCO VN	Aquaproducts	Equipments/Materials	20,000,000,000	2,000,000	46,000	97,000,000,000
79	SJD	Can Don hydropower Joint Stock Company	SJD	Construction		200,000,000,000	20,000,000	48,500	5,280,000,000,000
80	SJS	Song Da Urban and IZ Investment and Development J/S Co	Sudico	Construction	Real Estate	200,000,000,000	20,000,000	264,000	1,040,000,000,000
81	SMC	SMC Investment Trading J/S Co.	SMC	Steel distribution	Construction	74,999,370,000	7,499,937	52,000	539,995,464,000
82	SSC	Southern Seed J/S Co	SSC	Agricultural product		100,000,000,000	10,000,000	72,000	740,000,000,000
83	STB	Saigon Thuong tin Commercial J/S Bank	Sacombank	Commercial bank		2,089,412,810,000	208,941,281	74,000	13,790,124,546,000
84	TAC	Tuong An vegetable oils Joint Stock Company	TUONG AN	Vegetable oil production		189,800,000,000	18,980,200	66,000	654,816,900,000
85	TCR	Taicera Enterprise Co. Ltd	TAICERA	Tile		49,690,000,000	29,973,594	34,500	10,460,784,306,000
86	TCT	Tay Ninh Cable Car Tour J/S Co.	Tay Ninh Cable Tour	Tourist transport		15,985,000,000	1,598,500	349,000	311,707,500,000
87	TDH	Thu Duc Housing Development Corp.	ThuDuc House	Real estate		170,000,000,000	16,354,660	195,000	1,226,599,500,000
88	TMC	Thu Duc Trade Export-Import Joint Stock company	TIMEXCO	agricultural/forest/aqua products		27,000,000,000	2,564,140	75,000	162,822,890,000
89	TMS	Trans-Forwarding & Warehousing Corp	Transimex	Transport	ICD service	52,900,000,000	5,290,000	63,500	317,400,000,000
90	TNA	Thien Nam Trade Export – Import Corp	Tenimex	Trading		33,000,000,000	3,300,000	60,000	166,650,000,000
91	TRI	Saigon Beverages J/S Co	Tribeco	Beverage		65,483,600,000	6,548,360	50,500	405,998,320,000
92	TS4	Seafood J/S Co No.4	Seapriexco 4	Aquatic product		30,000,000,000	3,000,000	62,000	84,000,000,000
93	TTC	Thanh Thanh Glazed Tile J/S Co	Thanh Thanh	Sanitary ware		40,000,000,000	3,992,000	28,000	351,296,000,000

94	TTP	Tan Tien Plastic Packaging J/S Co.	Tan Tien Packaging	Plastic Packaging		106,550,000,000	10,655,000	88,000	427,265,500,000
95	TYA	Taya Electric Wire and Cable J/S Co	Taya	Wire & Cable		48,312,280,000	24,151,676	40,100	1,932,134,080,000
96	UNI	Vien Lien J/S Co	Unico	Trading		15,000,000,000	1,500,000	80,000	62,250,000,000
97	VFC	Vinafco J/S Co	Vinafco	Transport	Steel	67,756,270,000	6,775,627	41,500	386,210,739,000
98	VGP	The Vegetexco Port Joint Stock Co.	VEGEPOR	Port services	Import-export	38,850,200,000	3,885,020	57,000	260,296,340,000
99	VID	Vien Dong Paper Joint Stock Co.	VID	Paper		84,557,000,000	8,455,700	67,000	693,367,400,000
100	VIP	Vipco Petrol Transportation Jpint Stock Company	VIP	Petro & Gas Products		421,200,000,000	42,120,000	82,000	2,000,700,000,000
101	VIS	Viet Y steel Joint Stock Company	VISCO	Steel		100,000,000,000	10,000,000	47,500	1,860,000,000,000
102	VNM	Vietnam Dairy Products J/S Co	Vinamilk	Milk	Beverage	1,752,756,700,000	175,275,670	186,000	4,907,718,760,000
103	VPK	Vegetable Oil Packing Joint Stock Company	VPACK	Packaging		76,000,000,000	7,600,000	28,000	516,800,000,000
104	VSH	Vinh Son Song Hinh Hydropower J/S Co	VSHPC	Electricity		1,250,000,000,000	125,000,000	68,000	3,000,000,000,000
105	VTA	Vitaly J/S Co.	Vitaly	Construction materials	Real Estate	40,000,000,000	4,000,000	24,000	274,000,000,000
106	VTB	Tan Binh electronics Joint Stock Company	Viettronics Tan Binh	Electricity		70,000,000,000	7,000,000	68,500	311,500,000,000
107	VTC	VTC Telecommunications J/S Co	VTC	Telecommunication		24,150,000,000	2,417,260	44,500	31,666,106,000
108	PRUBF1	Balanced Prudential Investment Fund	PruBF1	Securities Investment		500,000,000,000	50,000,000	13100	655,000,000,000
109	VFMVF1	Vietnam Investment Fund – VF1	Vietnam Fund	Investment		1,000,000,000,000	49,773,460	32,500	1,617,637,450,000

**PHỤ LỤC 2: GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT TP.HCM**

Ngày 29 tháng 12 năm 2006

**STOCKS LISTED ON HOCHIMINH SECURITIES TRADING CENTER**

NO.	CODE	COMPANY NAME	SHORT NAME	MAIN SECTOR	OTHER SECTOR	CHARTERED CAPITAL	OUTSTANDING VOLUME	MARKET PRICE	MARKET CAPITALIZATION
1	ABT	BenTre Aquaproduct Import & Export JSC	Aquatex Bentre	Aquaproducts		33,000,000,000	3,280,411	108,000	354,284,388,000
2	AGF	An Giang Fisheries Import & Export J/S Co	Agifish	Aquatic product		69,254,970,000	6,925,497	112,000	775,655,664,000
3	ALT	Tan Binh Culture J/S Co.	Alta	Cultural product	Plastic packaging	13,335,350,000	1,333,535	58,000	77,345,030,000
4	BBC	Bien Hoa Confectionery Co	Bibica	Confectionery		78,205,430,000	7,820,543	42,000	328,462,806,000
5	BBT	Bach Tuyet Cotton Corp	Cobovina	Consumer product		68,400,000,000	6,840,000	14,000	95,760,000,000
6	BHS	Bien Hoa Sugar J/S Co	BSJC	Sugar		162,000,000,000	12,613,808	48,800	615,553,830,400
7	BMC	Binh Dinh Minerals JS Co.	BIMICO	Minerals		13,110,000,000	1,311,400		0
8	BMP	Binh Minh Plastic J/S Co	Binh Minh Plastic	Plastic		126,730,600,000	12,673,060	146,000	1,850,266,760,000
9	BPC	Bim Son Packaging J/S Co	BPC	Packaging (paper)	Plastic	36,513,330,000	3,651,333	24,100	87,997,125,300
10	BT6	Chau Thoi Concrete Corp No.620	620CC	Concrete product		81,136,250,000	8,113,625	55,000	446,249,375,000
11	BTC	Binh Trieu Construction & Engineering J/S Co	BTC	Machinery	Construction	13,512,860,000	1,351,286	12,800	17,296,460,800
12	CAN	Halong Canned Food J/S Co.	Canfoco	Canned food		40,995,860,000	4,099,586	25,000	102,489,650,000
13	CII	Hochiminh city Infrastructure Investment J/S Co	CII	Construction		300,000,000,000	30,000,000	48,000	1,440,000,000,000
14	CLC	Cat Loi J/S Co.	Cat Loi	Tobacco packaging		84,000,000,000	8,400,000	47,100	395,640,000,000
15	COM	Materials Petroleum J/S Co	Comeco	Fuel		33,689,870,000	3,368,987	42,000	141,497,454,000
16	CYC	Chang Yih Glazed Tile J/S Co	Chang Yih	Ceramic tile		90,472,520,000	9,047,252	15,000	135,708,780,000
17	DCT	Dong Nai Roofsheet & Construction Materials J/S Co	DCT	Roofing	Construction material	112,356,100,000	11,235,610	27,000	303,361,470,000
18	DHA	Hoa An J/S Co	Hoa An	Mining		58,507,490,000	5,850,749	68,000	397,850,932,000
19	DHG	Hau Giang Pharmacy JS Co.	DHG	Pharmaceutical products		80,000,000,000	8,000,000	245,000	1,960,000,000,000
20	DIC	DIC Investment & Commercial JS Co.	DIC	Construction	Construction material	32,000,000,000	2,601,644	39,000	101,464,116,000
21	DMC	Domesco Health Import-Export Joint Stock Company	Domesco	Pharmaceutical products		107,000,000,000	10,235,342	138,000	1,412,477,196,000
22	DNP	Dong Nai construction Plastic Joint Stock Company	Donaplast	Plastic		20,000,000,000	1,627,951	46,000	74,885,746,000
23	DPC	Da Nang Plastic J/S Co	Danaplast	Plastic	Rubber	15,872,800,000	1,587,280	31,600	50,158,048,000
24	DRC	Da Nang rubber J/S Co.	DRC	Latex processing		92,470,000,000	7,981,460	95,000	758,238,700,000
25	DTT	Do Thanh Industry Joint Stock Copany	Do Thanh	Plastic	Real Estate	20,000,000,000	1,764,866	51,500	90,890,599,000
26	DXP	Doan Xa Port J/S Co.	Doan Xa	Port services		35,000,000,000	3,500,000	45,500	159,250,000,000
27	FMC	Sao Ta Food J/S Co.	Fimex VN	Food		60,000,000,000	6,000,000	88,500	531,000,000,000
28	FPC	Full Power J/S Co	Full Power	Mechanical construction		125,216,550,000	12,521,655	32,000	400,692,960,000
29	FPT	FPT Corp.	FPT	IT services		608,102,300,000	57,370,896	460,000	26,390,612,160,000
30	GIL	Binh Thanh Import & Export, Production & Trade J/S Co	Gilimex	Trading		45,500,000,000	4,550,000	51,500	234,325,000,000
31	GMC	Saigon Garment Manufacturing Trade Joint Stock Company	Garmex	Garment products		22,750,000,000	2,275,000	56,500	128,537,500,000
32	GMD	General Forwarding & Agency Corp	Gemadep	Transport	Port service	349,659,160,000	34,965,916	137,000	4,790,330,492,000
33	HAP	Hai Phong Paper J/S Co	Hapaco	Paper		53,792,030,000	5,379,203	34,700	186,658,344,100



34	HAS	Hanoi P&T Construction & Installation J/S Co	Hacisco	Construction		24,112,360,000	2,411,236	54,500	131,412,362,000
35	HAX	Hang Xanh Motors Service Joint Stock Company	Haxaco	Motors trading	Spareparts	4,500,000,000	1,625,730		0
36	HBC	Hoa Binh real estate trade & construction Joint stock company		Construction		56,400,000,000	5,637,080	98,000	552,433,840,000
37	HBD	Binh Duong PP Packing Joint Stock Co.	Haipac Binh Duong	Packaging		10,025,000,000	1,268,021	30,000	38,040,630,000
38	HMC	HCM Metal Joint Stock Company	HMC	Steel & wastage materials		158,000,000,000	15,800,000	34,000	537,200,000,000
39	HRC	Hoa Binh Rubber Joint stock company	Horuco	Latex processing		96,000,000,000	9,559,930		0
40	HTV	Ha Tien Transport J/S Co	Hatien Transco	Transport		45,792,930,000	4,579,293	25,600	117,229,900,800
41	IFS	Intn'l Food J/S Co	Interfood	Beverage	Food	219,438,010,000	21,943,801	43,000	943,583,443,000
42	IMP	Imexpharm Pharmaceutical J/S Co.	Imexpharm	Pharmaceutical products		83,210,960,000	8,321,096	100,000	832,109,600,000
43	ITA	Tan Tao Industrial Park J/S Co.	Tan Tao	IP	ICD	400,021,150,000	40,002,115	88,500	3,540,187,177,500
44	KDC	Kinh Do Corp	Kinhdo	Confectionery		299,988,920,000	29,998,892	142,000	4,259,842,664,000
45	KHA	Khanh Hoi Import & Export J/S Co	Khahomex	Furnishing	Trading	53,794,260,000	5,379,426	24,500	131,795,937,000
46	KHP	Khanh Hoa Power J/S Co.	KHP	Electricity		163,220,000,000	16,322,100	26,900	439,064,490,000
47	LAF	Long An Food Processing Export J/S Co	Lafooco	Agricultural product	Food	47,372,340,000	4,737,234	14,200	67,268,722,800
48	LBM	Lam Dong Building Materials Joint Stock Company	LBM	Construction materials		16,391,600,000	1,634,181	28,100	45,920,486,100
49	LGC	LuGia Lighting Joint Stock Company	Lugiaco	Mechanics & electric		10,000,000,000	1,000,000	44,600	44,600,000,000
50	MCP	My Chau printing packing Joint Stock Company	MCP	Printing & packaging		30,000,000,000	2,633,741	38,000	100,082,158,000
51	MCV	Cavico Vietnam and Construction Joint Stock Company	CVCM	Mining & Construction		31,000,000,000	3,100,000	49,900	154,690,000,000
52	MHC	Ha Noi Maritime Holding J/S Co	Marina Hanoi	Transport		67,056,400,000	6,705,640	30,400	203,851,456,000
53	NAV	Nam Viet J/S Co.	Navifico	Cement rootsheets	Construction materials	25,000,000,000	2,500,011	112,000	280,001,232,000
54	NHC	Nhi Hiep Brick – Tile J/S Co	Brico	Clay brick		13,256,230,000	1,325,623	37,100	49,180,613,300
55	NKD	North Kinh Do Food J/S Co	North Kido	Food		83,992,210,000	8,399,221	130,000	1,091,898,730,000
56	NSC	Central Seed Joint stock Company	NSC	Agricultural products		30,000,000,000	1,973,629	52,000	102,628,708,000
57	PAC	Dry cell & Storage Battery J/S Co	Pinaco	Battery		102,600,000,000	10,263,000	50,000	513,150,000,000
58	PGC	Petrolimex Gas J/S Co	Petrolimex Gas	Gas	Taxi	170,958,900,000	17,095,890	58,000	991,561,620,000
59	PJT	Petrolimex Joint Stock Tanker Co.	PJTACO	Transport	Import-export	35,000,000,000	3,307,301	47,200	156,104,607,200
60	PMS	Petroleum Mechanical J/S Co	PMSC	Fuel		37,051,760,000	3,705,176	27,100	100,410,269,600
61	PNC	Phuong Nam Cultural J/S Co	PNC	Cultural product	Film	34,702,470,000	3,470,247	23,400	81,203,779,800
62	PPC	Pha Lai Thermalpower J/S Co	Pha Lai	Electricity		3,107,000,000,000	310,700,000		
63	PVD	PV Drilling J/S Co.	PV Drilling	Petroleum drilling		680,000,000,000	68,000,000	167,000	11,356,000,000,000
64	RAL	Rang Dong Light Source & Vaccum Flask J/S Co.	Rang Dong	Lighting	Vaccum flask	79,150,000,000	7,915,000	111,000	878,565,000,000
65	REE	Refrigeration Electrical Engineering Corp	REE Corp	Refrigeration & Mechanic	Appliance, real estate	309,021,020,000	30,902,102	133,000	4,109,979,566,000
66	RHC	RyNinh Hydropower II J/S Co	RII	Electricity		32,000,000,000	3,200,000	35,500	113,600,000,000
67	SAF	Safoco Food Production Joint Stock Company	SAFOCO	Food		27,060,000,000	2,706,000		0
68	SAM	Cables & Telecom Materials J/S Co	Sacom	Wire & Cable	Resort	374,093,300,000	37,409,330	148,000	5,536,580,840,000
69	SAV	Savimex Import – Export & Economic Cooperation J/S Co	Savimex	Furnishing		58,186,100,000	5,818,610	47,000	273,474,670,000
70	SCD	Chuong Duong Beverage Joint Stock company	CDBECO	Beverage		85,000,000,000	8,500,000	52,000	442,000,000,000
71	SDN	Dong Nai Painting Joint Stock Company	DONAPACO	Painting products		11,400,000,000	1,140,000		0
72	SFC	Saigon Fuel J/S Co	SFC	Fuel		17,000,000,000	1,700,000	41,000	69,700,000,000
73	SFI	Sea & Air Freight International	SAFI	Transport		11,380,000,000	1,138,500	110,000	125,235,000,000
74	SFN	Saigon Fishing Net Joint Stock Company	SFN	Fishing net		30,000,000,000	3,000,000		0
75	SGC	Sa Giang Export – Import Corp	Saigon Hotel	Leisure		40,887,000,000	4,088,700	43,000	175,814,100,000
76	SGH	Saigon Hotel Corp	Sa Giang	Food	Agricultural product	17,663,000,000	1,766,300	55,500	98,029,650,000
77	SHC	Sai Gon Transport J/S Co	SHC	Transport		17,625,960,000	1,762,596	29,000	51,115,284,000

78	<b>SJI</b>	Seafood Joint Stock Company No. 1	SEAJOCO VN	Aquaproducts	Equipments/Materials	20,000,000,000	2,000,000	34,000	68,000,000,000
79	<b>SJD</b>	Can Don hydropower Joint Stock Company	SJD	Construction		200,000,000,000	20,000,000	42,200	844,000,000,000
80	<b>SJS</b>	Song Da Urban and IZ Investment and Development J/S Co	Sudico	Construction	Real Estate	200,000,000,000	20,000,000	560,000	11,200,000,000,000
81	<b>SMC</b>	SMC Investment Trading J/S Co.	SMC	Steel distribution	Construction	50,568,490,000	5,056,849	37,000	187,103,413,000
82	<b>SSC</b>	Southern Seed J/S Co	SSC	Agricultural product		60,000,000,000	6,000,000	72,000	432,000,000,000
83	<b>STB</b>	Saigon Thuong tin Commercial J/S Bank	Sacombank	Commercial bank		1,913,261,040,000	191,326,104	72,000	13,775,479,488,000
84	<b>TAC</b>	Tuong An vegetable oils Joint Stock Company	TUONG AN	Vegetable oil production		189,800,000,000	18,890,200	65,000	1,227,863,000,000
85	<b>TCR</b>	Taicera Enterprise Co. Ltd	TAICERA	Tile		262,119,190,000	26,211,919	35,000	917,417,165,000
86	<b>TCT</b>	Tay Ninh Cable Car Tour J/S Co.	Tay Ninh Cable Tour	Tourist transport		15,985,000,000	1,598,500	59,500	95,110,750,000
87	<b>TDH</b>	Thu Duc Housing Development Corp.	ThuDuc House	Real estate		170,000,000,000	14,508,336	192,000	2,785,600,512,000
88	<b>TMC</b>	Thu Duc Trade Export-Import Joint Stock company	TIMEXCO	agricultural/forest/aqua products		27,000,000,000	2,598,773	52,000	135,136,196,000
89	<b>TMS</b>	Trans-Forwarding & Warehousing Corp	Transimex	Transport	ICD service	42,900,000,000	4,290,000	68,000	291,720,000,000
90	<b>TNA</b>	Thien Nam Trade Export – Import Corp	Tenimex	Trading		15,487,240,000	1,548,724	39,500	61,174,598,000
91	<b>TRI</b>	Saigon Beverages J/S Co	Tribeco	Beverage		45,483,600,000	4,548,360	38,800	176,476,368,000
92	<b>TS4</b>	Seafood J/S Co No.4	Seapriexco 4	Aquatic product		27,451,930,000	2,745,193	31,500	86,473,579,500
93	<b>TTC</b>	Thanh Thanh Glazed Tile J/S Co	Thanh Thanh	Sanitary ware		39,948,270,000	3,994,827	16,500	65,914,645,500
94	<b>TTP</b>	Tan Tien Plastic Packaging J/S Co.	Tan Tien Packaging	Plastic Packaging		103,704,250,000	10,370,425	81,000	840,004,425,000
95	<b>TYA</b>	Taya Electric Wire and Cable J/S Co	Taya	Wire & Cable		241,536,150,000	24,153,615	49,500	1,195,603,942,500
96	<b>UNI</b>	Vien Lien J/S Co	Unico	Trading		14,036,000,000	1,403,600	40,000	56,144,000,000
97	<b>VFC</b>	Vinafco J/S Co	Vinafco	Transport	Steel	57,417,810,000	5,741,781	29,500	169,382,539,500
98	<b>VGP</b>	The Vegetexco Port Joint Stock Co.	VEGEPORT	Port services	Import-export	38,850,200,000	3,885,019		0
99	<b>VID</b>	Vien Dong Paper Joint Stock Co.	VID	Paper		84,227,000,000	5,200,152	91,000	473,213,832,000
100	<b>VIP</b>	Vipco Petrol Transportation J/S Stock Company	VIP	Petro & Gas Products		351,000,000,000	35,100,000	57,000	2,000,700,000,000
101	<b>VIS</b>	Viet Y steel Joint Stock Company	VISCO	Steel		276,000,000,000	8,690,099	39,800	345,865,940,200
102	<b>VNM</b>	Vietnam Dairy Products J/S Co	Vinamilk	Milk	Beverage	1,678,640,760,000	167,864,076	125,000	20,983,009,500,000
103	<b>VPK</b>	Vegetable Oil Packing Joint Stock Company	VPACK	Packaging		76,000,000,000	6,692,762	25,000	167,319,050,000
104	<b>VSH</b>	Vinh Son Song Hinh Hydropower J/S Co	VSHPC	Electricity		1,244,578,360,000	124,457,836	49,600	6,173,108,665,600
105	<b>VT A</b>	Vitaly J/S Co.	Vitaly	Construction materials	Real Estate	40,000,000,000	4,000,000	22,000	88,000,000,000
106	<b>VTB</b>	Tan Binh electronics Joint Stock Company	Viettronics Tan Binh	Electricity		70,000,000,000	7,000,000	51,500	360,500,000,000
107	<b>VTC</b>	VTC Telecommunications J/S Co	VTC	Telecommunication		24,121,350,000	2,412,135	32,500	78,394,387,500
108	<b>PRUBF1</b>	Balanced Prudential Investment Fund	PruBF1	Securities Investment		500,000,000,000	50,000,000		0
109	<b>VFMVF1</b>	Vietnam Investment Fund – VF1	Vietnam Fund	Investment		497,734,600,000	49,773,460		0

148,851,203,121,000 9,303,200,195

(VND)

(USD)

**PHỤ LỤC 3: BẢNG ĐIỆN TRỰC TUYẾN SÀN GIAO DỊCH TP.HCM**  
**BẢNG ĐIỆN TRỰC TUYẾN HỒ CHÍ MINH**

**VNINDEX: ( 28-07-2007 ) 940.36**

**Tăng/Giảm: -15.77**

**Giờ chuẩn:**

**Phiên Giao dịch: 3**

**Trạng thái thị trường: Thị trường đóng cửa**

**GT Giao dịch: 476,595 Tỷ**

**28/07/2007 11:36:21**

Mã CK	Giá TC	Giá trần	Giá sàn	Phiên GD 1		Phiên GD 2		Dư mua				Giá khớp	KL khớp	+/-	Dư bán							
				Giá	KL	Giá	KL	Giá 3	KL 3	Giá 2	KL 2				Giá 1	KL 1	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3
<b>ABT</b>	103	108	98	103	282	100	399	99.5	10	100	3,090	101	227	101	955	-2	102	136	103	102	104	53
<b>AGF</b>	98	102	93.5	96	327	95.5	596	95	242	95.5	55	96	307	96	1,342	-2	98	264	100	204	101	10
<b>ALT</b>	97	101	92.5	98	55	95	58	94	30	94.5	10	95	42	96	313	-1	96	49	97	102	98	10
<b>BBC</b>	69.5	72.5	66.5	66.5	4,846	66.5	1,943			66.5	4,734	67	394	67	8,644	-2.5	67.5	10	0.7	212	69.5	378
<b>BBT</b>	23	24.1	21.9	23	1,170	23.5	1,860	23	1,231	23.1	776	23.2	113	23.2	4,381	0.2	23.4	70	23.5	99	23.8	250
<b>BHS</b>	42	44.1	39.9	42	2,198	42	1,655	41.7	5	42	2,161	42.1	2,968	42	5,923		42.4	5	42.5	665	42.9	100
<b>BMC</b>	342	359	325	330	2,292	325	1,843							325	4,863	FL -17	325	2,013	326	200	327	30
<b>BMP</b>	188	197	179	181	311	179	1,148							179	2,488	FL -9	179	304	180	30	187	25
<b>BPC</b>	36	37.8	34.2	34.4	1	35.7	790	35.5	200	35.6	50	35.8	100	36	1,061		36	10	37	200		
<b>BT6</b>	58	60.5	55.5	58	282	58	510	56	200	56.5	25	57	812	57.5	1,597	-0.5	57.5	305	58	216	58.5	343
<b>BTC</b>	28	29.4	26.6	27.1	20	27.1	255	27.3	45	27.4	100	27.5	10	29	277	1	29	98	29.4	80		
<b>CAN</b>	28.5	29.9	27.1	28.5	377	28.5	520	28.1	290	28.2	140	28.3	30	28.3	1,585	-0.2	28.5	11	29	110	29.8	100
<b>CII</b>	69.5	72.5	66.5	69	743	69	1,584	68	720	68.5	860	69	995	69	5,160	-0.5	69.5	140	70	154	70.5	45
<b>CLC</b>	46.1	48.4	43.8	44	337	44	410	44.1	48	44.5	40	45	5	46	749	-0.1	46	98	47	65		
<b>COM</b>	69	72	66	69	65	70	120	68.5	100	69	96	70	430	70	835	1	70.5	50	71	25	71.5	50
<b>CYC</b>	16.5	17.3	15.7	16.5	169	16.5	90	16.3	50	16.4	60	16.5	64	16.5	529		16.8	10	17	965	17.2	200
<b>DCT</b>	30.8	32.3	29.3	30.8	1,427	30.9	1,093	30.7	530	30.8	305	30.9	276	30.9	5,746	0.1	31.5	60	32	120	32.2	90

DHA	79.5	83	76	79	130	78	174	77	810	78	494	78.5	50	78.5	624	-1	79	320	79.5	250	80	167
DHG	388	407	369	390	196	390	45	386	10	388	20	389	50	390	587	2	390	103	395	200	400	31
DIC	37	38.8	35.2	37	95	37	199	36	54	36.1	60	36.5	9	37	391		37	88	38	50		
DMC	135	141	129	133	259	134	543			130	425	131	590	132	2,336	-3	132	231	133	200	134	58
DNP	69.5	72.5	66.5	72	380	71	190	69	60	69.5	200	70	220	70	865	0.5	71	524	71.5	200	72	388
DPC	33	34.6	31.4	33	120	32.7	30			31.5	220	32	80	32.5	630	-0.5	32.5	39	32.8	23	32.9	50
DRC	122	128	116	121	280	121	650			119	600	120	274	120	1,867	-2	121	341	122	245	123	20
DTT	36.5	38.3	34.7	37.8	440	37.8	423	36.5	362	37	115	37.2	20	37.5	1,018	1	37.5	3	37.8	97	38	499
DXP	44	46.2	41.8	44	70	43	271	42.6	30	42.8	30	43	229	43.4	371	-0.6	43.4	30	43.5	30	43.8	20
FMC	59	61.5	56.5	59	388	57	350	57	493	57.5	5	58	31	58.5	908	-0.5	58.5	42	59	337	60	233
FPC	58	60.5	55.5	58	360	58	60			56	194	56.5	36	58	540		58	257	58.5	22	60	40
FPT	250	262	238	250	12,025	250	13,527	249	40	250	6,162	251	130	250	37,324		252	20	253	20	254	210
GIL	49.6	52	47.2	49	1,205	49	185	49.6	60	49.7	20	49.8	80	50	2,176	0.4	50	415	50.5	410	51	9
GMC	50.5	53	48	48	500	48	236	48.5	80	49	482	49.5	50	50	990	-0.5	50	215	51	150	52	250
GMD	130	136	124	130	852	128	1,009	126	171	127	63	128	442	128	3,623	-2	129	1,038	130	2,263	132	50
GTA	57	59.5	54.5	54.5	432	54.5	12							54.5	810	FL 2.5	54.5	15,964	56	100	57	800
HAP	84	88	80	85	5,397	84	2,306	84	2,270	84.5	450	85	1,203	85	12,471	1	85.5	630	86	875	86.5	360
HAS	96	100	91.5	96	270	95.5	227	93	50	94	120	95	74	95	950	-1	95.5	78	96	30	97	125
HAX	65	68	62	65	116	66	21	63	82	64.5	7	65	137	65	457		65.5	30	66	70	67	2
HBC	125	97.5	89	95	1,906	93	4,030	90	165	92	5	93	245	95	9,405	-30	95	538	95.5	24	97	58
HBD	34.3	36	32.6	34.1	846	34.6	125	34.5	320	34.6	160	34.7	27	35	1,325	0.7	35	247	35.1	20	35.2	100
HMC	45.5	47.7	43.3	45.5	14	45	510	44.5	155	44.6	50	44.7	20	45	1,346	-0.5	45	348	45.2	200	45.3	200
HRC	171	179	163	169	277	170	2,211			168	2,595	169	103	169	4,098	-2	170	1,059	171	75	173	260
HTV	49.9	52	47.5	49.9	842	52	689	50.5	303	51	185	51.5	1	52	5,547	CE 2.1	52	2,036				
IFS	49.1	42.9	38.9	41.2	100	39	808	39	50	39.2	550	40	10	40	1,180	-9.1	41	113	42	100	42.9	400

IMP	141	148	134	141	100	140	344	136	160	138	826	139	63	139	1,294	-2	140	234	141	65	146	50
ITA	128	134	122	127	70	125	1,221	125	1,178	126	10	127	780	127	3,728	-1	128	1,748	129	80	130	439
KDC	238	249	227	233	1,511	232	1,795	228	357	229	232	230	479	230	5,189	-8	232	300	233	226	235	60
KHA	37.6	39.4	35.8	38	2,144	38	1,039	37	72	37.2	20	37.5	240	37.6	4,609		37.6	159	37.8	500	38	1,059
KHP	36.3	38.1	34.5	36.5	258	36.5	955	35.8	10	36	150	36.2	95	36.4	2,939	0.1	36.3	194	36.4	145	36.5	1,047
LAF	22.4	23.5	21.3	22.4	2,038	21.4	1,592			21.3	752	21.4	743	21.4	7,680	-1	21.5	100	21.8	800	22	500
LBM	53	55.5	50.5	50.5	315	50.5	588							50.5	992	FL 2.5	50.5	2,542	51	130	51.5	50
LGC	104	109	99	104	30	102	100			100	10	101	10	102	438	-2	102	142	104	120	107	10
MCP	38.7	40.6	36.8	37.5	1,345	39	821	39.2	110	40	70	40.1	77	40.1	2,269	1.4	40.6	299				
MCV	37.5	39.3	35.7	37.5	390	37.5	450	37.2	150	37.3	20	37.5	80	37.5	1,644		37.8	100	38	17	38.5	500
MHC	34.5	36.2	32.8	35	100	35	414	34	900	34.1	23	34.5	100	35	1,277	0.5	35	249	35.3	60	35.5	80
NAV	115	120	110	115	475	114	267	112	60	113	10	114	152	114	1,268	-1	115	93	116	75	117	6
NHC	46.9	49.2	44.6	47	1	46.5	20							46.5	123	-0.4	46	15	46.5	240	47	49
NKD	200	210	190	190	508	190	924							190	1,739	FL -10	190	717	195	240	199	64
NSC	55.5	58	53	55	220	55	300	54	405	54.5	430	55	208	55	941	-0.5						
PAC	42.5	44.6	40.4	42.9	1,793	42.5	743	42.5	730	42.6	600	42.8	83	42.8	3,203	0.3	42.9	121	43	1,169	43.5	128
PGC	54	56.5	51.5	53	860	52.5	1,202	52	1,544	52.5	947	53	45	53	3,732	-1	53.5	20	54	220	54.5	501
PJT	47	49.3	44.7	45.9	80	45.9	265	45.8	60	45.9	15	46	146	46	524	-1	46.9	50	47	20	48	270
PMS	29.1	30.5	27.7	29	555	29	857	28.5	262	28.6	240	28.7	245	28.7	2,262	-0.4	27.7	84	28.3	461	28.4	140
PNC	30.7	32.2	29.2	30.7	265	31	160	30.3	500	30.5	830	30.7	19	31	745	0.3	30.9	59	31	1,038	31.3	600
PPC	57	59.5	54.5	55.5	1,852	55.5	5,841	54.5	1,130	55	2,517	55.5	2,468	55.5	13,695	-1.5	56	1,670	56.5	300	57	1,596
PRUBF1	11.2	11.7	10.7	11.1	4,785	11	5,712	10.9	1,106	11	6,191	11.1	2,120	11.2	17,571		11.2	8,396	11.3	1,701	11.4	600
PVD	162	170	154	162	4,308	160	1,670	158	5,565	159	1,919	160	1,486	161	9,767	-1	161	74	162	2,460	163	203
RAL	118	123	113	115	232	115	270			113	161	114	471	115	677	-3	115	121	118	120	120	95
REE	136	142	130	136	5,733	136	7,636	134	221	135	1,152	136	1,692	136	23,847		137	545	138	1,020	139	45

<b>RHC</b>	43.8	45.9	41.7	43.8	52	44	188				43.8	12	43.8	495		44	632	45	79	45.9	73	
<b>SAF</b>	40.8	42.8	38.8	41	241	40.8	324	40.5	10	40.6	20	40.8	390	40.8	966		42.5	200	42.8	50		
<b>SAM</b>	143	150	136	141	340	140	1,665	137	71	138	150	139	5	140	3,145	-3	140	89	141	1,046	142	30
<b>SAV</b>	67.5	70.5	64.5	65.5	230	65.5	50	66	333	66.5	60	67	11	67	421	-0.5	67.5	230	68	75	70	50
<b>SCD</b>	45.5	47.7	43.3	43.6	5	43.6	30	43.5	80	43.6	45	44	50	44.5	76	-1	44.5	59	45	30	45.4	50
<b>SDN</b>	40.5	42.5	38.5	38.7	150	38.7		40	120	40.5	55	40.6	20	41	185	0.5	41	15	42	2	42.5	124
<b>SFC</b>	97	101	92.5	93.5	839	97	470			92.5	518	93	620	93	2,582	-4	94	20	97	996	99	40
<b>SFI</b>	172	180	164	170	278	170	281	165	60	168	45	169	115	170	1,556	-2	170	282	172	157	180	10
<b>SFN</b>	32.2	33.8	30.6	32.2	20	32.2	77			30.6	65	31.3	3	32	197	-0.2	32	50	32.2	73	32.9	74
<b>SGC</b>	44	46.2	41.8	44.5	186	44.5	501			42	70	44	10	44.5	731	0.5	44.4	13	44.5	190	45	140
<b>SGH</b>	137	143	131	137	258	135	344							133	602	-4	131	30	133	30	134	127
<b>SHC</b>	34.6	36.3	32.9	35.2	1,899	35.4	1,691	35.2	160	35.4	1,000	35.5	111	35.5	5,722	0.9	35.6	20	36	430	36.1	10
<b>SJ1</b>	42	44.1	39.9	42	20	42	65	42	90	42.3	20	42.4	15	43	157	1	43	28	43.5	50	44.1	100
<b>SJD</b>	43.6	45.7	41.5	43	555	43	804	42.6	40	43	408	43.2	240	43.2	1,979	-0.4	43.4	190	43.5	770	43.6	50
<b>SJS</b>	262	275	249	260	1,727	259	1,565	256	3,205	257	120	258	61	258	7,128	-4	259	141	260	139	261	10
<b>SMC</b>	52.5	55	49.9	52	1,328	52	905	51	743	51.5	380	52	481	52.5	3,325		52.5	68	53	360	53.5	510
<b>SSC</b>	69	72	66	69	641	69	922	67	2,000	68	55	69	85	69	3,865		69.5	50	70	885	71	180
<b>STB</b>	58.5	61	56	58.5	11,903	58.5	8,607	57.5	3,731	58	11,913	58.5	8,098	58.5	30,436		59	922	59.5	80	60	502
<b>TAC</b>	133	139	127	127	54	127	40							127	99	FL -6	127	33,940	130	1,175	132	112
<b>TCR</b>	28.7	30.1	27.3	28.6	132	29	264	28.5	1,220	28.6	30	28.8	150	29	571	0.3	28.9	113	29	1,071	29.5	710
<b>TCT</b>	265	278	252	252	370	252	303							252	757	FL -13	252	1,078	270	30		
<b>TDH</b>	184	193	175	180	312	180	935			175	425	176	292	176	3,045	-8	179	50	180	156	181	140
<b>TMC</b>	49.5	51.5	47.1	49	77	49	133	47.8	330	48	10	49	66	49	635	-0.5	49.5	167	51.5	380		
<b>TMS</b>	64	67	61	63	10	63	300	62	20	62.5	10	63	445	63	665	-1	63.5	50	64	20	65	170
<b>TNA</b>	52.5	55	49.9	52	320	52	438	50.5	50	51	379	51.5	35	51.5	1,262	-1	52	200	52.5	20	54	10
<b>TRC</b>	132	138	126	126	1,096	126								126	1,096	FL -6	126	34,661	128	250	130	300

<b>TRI</b>	46	48.3	43.7	45.2	360	45.1	100	44.5	515	44.6	20	45	193	45	1,114	-1	45.5	40	45.9	50	46	150
<b>TS4</b>	42.5	44.6	40.4	43	20	43	72					42	100	43	116	0.5	42.9	16	43	8	44	20
<b>TTC</b>	26	27.3	24.7	26	1,329	26	928	25.1	100	25.2	30	25.8	35	25.8	2,669	-0.2	26	682	26.2	100	26.4	200
<b>TTP</b>	105	110	100	100	346	100	188							100	534	FL -5	100	3,200	103	1,730	104	275
<b>TYA</b>	37.7	39.5	35.9	36.8	739	37	814	36.8	20	36.9	130	37	135	37	1,907	-0.7	37.5	20	38	48	38.3	130
<b>UNI</b>	76	79.5	72.5	76	846	77	198	76	215	76.5	60	77	144	77	1,901	1	78	100	79.5	10		
<b>VFC</b>	37.6	39.4	35.8	37.6	30	37.5	5	37.4	35	37.5	23	37.8	200	38	435	0.4	38	186	38.5	50	38.9	60
<b>VFMVF 1</b>	28.3	29.7	26.9	28.2	3,166	27.2	39,720	27.2	12,114	27.3	19,380	27.4	11,478	27.4	84,958	-0.9	27.5	51	27.7	150	27.8	150
<b>VGP</b>	51.5	54	49	51.5	347	51	660	50	120	50.5	320	51	100	51	1,437	-0.5	51.5	100	53	100	54	479
<b>VID</b>	61.5	64.5	58.5	61	770	60	1,486	59.5	1,218	60	715	60.5	50	61	2,591	-0.5	61	93	61.5	160	62.5	25
<b>VIP</b>	77	80.5	73.5	77	296	77	246	74.5	30	76	68	76.5	10	77	885		77	155	78.5	10	79	114
<b>VIS</b>	35.4	37.1	33.7	33.7	1,920	34	230	35	260	35.2	50	35.5	15	35	2,492	-0.4	35.9	40	36	15	37	130
<b>VNM</b>	178	186	170	176	433	172	3,014	171	3,298	172	2,146	173	1,246	172	5,801	-6	174	500	175	2,882	176	244
<b>VPK</b>	25.8	27	24.6	26	1,289	26	945	26	760	26.1	50	26.2	135	26.2	2,714	0.4	26.5	40				
<b>VSH</b>	59	61.5	56.5	57.5	2,025	57	3,040							56.5	7,487	FL 2.5	56.5	4,355	57	100	58	3,890
<b>VTA</b>	25.5	26.7	24.3	26.4	150	25.5	1,571	25.3	10	25.5	622	25.7	40	25.8	1,853	0.3	25.8	198	25.9	500	26	198
<b>VTB</b>	60	63	57	59.5	144	58	12	58	108	59	100	59.5	50	60	266		60	282	61	8		
<b>VTC</b>	44	46.2	41.8	43.9	10	44	100			42	10	43.8	200	43.9	310	-0.1	43.9	53	44	396	44.9	161





